

JOSEPH
CONRAD

GIỮA LÒNG TÂM TỎI

Nham Hoa dịch

TAO ĐÀN



NXB. HỘI NHÀ VĂN

Giữa Lòng Tăm Tối

Joseph Conrad

Nham Hoa *dịch*

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn

Tao Đàn *phát hành*



ebook@vctvegroup

I



Nellie, chiếc thuyền hai buồm, buông neo không một tiếng buồm lật phật, lặng lẽ nghỉ ngơi. Nước đã xuống, gió cơ hồ đã lặng; được buộc dưới sông, nó chỉ còn một việc là đậu đó đợi triều lên.

Cửa sông Thames trải dài trước mắt chúng tôi, như khởi đầu của một thủy lộ dài bất tận. Ngoài khơi xa biển và trời liền thành một tấm áo không thấy đường may, và trong không gian lung linh này, những cánh buồm râm nắng vẫn dập dờn trên ngọn thủy triều như đứng yên thành từng cụm vãi bạt đỏ chớp nhọn, lấp lánh ánh vécní từ những cột buồm. Sương lan trên những bãi bồi phẳng lì chạy dài tít tắp về phía biển. Bầu trời trên Gravesend^[1] tím tối, còn phía xa đường như vẫn ngưng tụ thành một quầng u ám thăm sâu, âm trầm bất động trùm lên đô thành lớn nhất và vĩ đại nhất trên trái đất.

Tay Giám đốc Công ty là thuyền trưởng và chủ nhà của chúng tôi. Bốn người bọn tôi^[2] trù mển nhìn bóng lưng gã đứng trên mũi thuyền, nhìn về phía biển. Cả sông không có hình ảnh nào đại dương bằng nửa gã. Nhìn gã như một hoa tiêu, niềm tin của người

đi biển được nhân cách hóa. Khó mà nhận ra, nghề của gã không phải ngoài kia, nơi giang khẩu lung linh, mà ở sau lưng, giữa vùng âm trầm u ám nọ.

Giữa chúng tôi, như đã có lần tôi từng nói^[3], có sự gắn bó của biển khơi. Ngoài việc neo đậu lòng nhau sau những quãng dài xa cách, nó còn giúp chúng tôi chịu đựng được những huyền thuyên, thậm chí là định kiến, của nhau. Tay Luật sư - loại bạn già chơi rất được - bởi tuổi cao đức trọng nhất hội, sở hữu cái đệm duy nhất trên boong, và nằm trên tấm thảm duy nhất. Tay Kế toán ôm theo hộp domino và đang lẩn mẩn xây nhà với những mảnh ngà. Marlow ngồi xếp bằng ở đuôi tàu, lưng dựa vào cột buồm lái. Má hóp, da vàng, lưng thẳng, dung mạo khắc khổ, đôi tay buông xuôi, lòng bàn tay ngửa ra trước, gã nhìn như một bức ngẫu tượng. Tay giám đốc, yên tâm là neo đã chắc, xuống đuôi tàu nhập bọn với chúng tôi. Cả bọn uể oải trò chuyện đôi lời. Rồi boong tàu chìm trong im lặng. Bởi lẽ gì đó, chúng tôi không bắt đầu ván domino ấy. Chúng tôi thấy trầm tư, chẳng có hứng làm gì ngoài tĩnh tâm quan sát. Ngày tàn dần trong cái bình lặng của ánh quang huy thanh tĩnh và tú lệ. Nước tỏa sáng một cách bình yên; vòm trời, không một gợn mây, như một khoảng mệnh mông ôn nhuận ngập tràn thứ ánh sáng vô nhiễm; màn sương trên đầm lầy miền Essex^[4] giống một tấm sa mỏng phát quang, rủ xuống từ những triền cao cây phủ trong nội địa, buông từng lớp trong mờ lên những bãi bồi. Chỉ riêng vùng ẩm đậm phía tây, vằn vữa trên thượng lưu, là mỗi lúc một thêm u ám, như thể phần nộ trước sự lấn tới của mặt trời.

Và cuối cùng, trong một đường lặn hình cung không thể cảm nhận được, mặt trời chìm dần, và từ màu trắng rực đổi sang sắc đỏ

đục không phát quang và tỏa nhiệt, như thể sắp đột ngột tắt lịm, bị hạ sát khi chạm phải quầng u ám đang vằn vữa trên một vùng người.

Lập tức mặt nước bắt đầu thay đổi, và vẻ bình lặng kia bớt xán lạn nhưng lại nồng đậm hơn. Con sông lâu đời an tĩnh nghỉ ngơi giữa dòng nước mênh mang lúc ngày tàn, sau bao thuở phục vụ đắc lực chủng tộc định cư hai bên bờ, trải rộng trong vẻ tôn nghiêm bình đạm của một thủy lộ dẫn đến những chốn tận cùng trái đất. Bọn tôi quan sát dòng chảy khả kính này, không phải dưới hồng quang rực rỡ của một ngày ngắn ngủi một đến rồi đi không trở lại, mà trong ánh sáng uy nghi của kỷ ức trường tồn. Và quả thực, với kẻ từng, như người ta vẫn nói, “đi theo tiếng gọi biển khơi” với niềm đam mê và sùng kính, không gì dễ dàng hơn việc triệu hoán những anh linh quá khứ trên hạ lưu sông Thames. Con nước thủy triều vẫn miệt mài, tận tụy xuống lên, tràn ngập kỷ ức về người và thuyền từng được nó đưa về lại cố hương hoặc đem vào hải chiến. Nó từng quen biết và phục vụ tất cả những con người mà dân tộc này hằng tự hào, từ Sir Francis Drake tới Sir John Franklin, đều là Hiệp sĩ, có tước hiệu và không tước hiệu^[5] - những hiệp khách giang hồ của biển cả. Nó từng vận chuyển những con tàu với cái tên lấp lánh như ngọc trong đêm tối thời gian, từ chiếc *Golden Hind* trở về với hai mạn tròn chất đầy châu báu và được ngự giá Nữ hoàng đến thăm, rồi từ ấy rời xa dòng chảy huyền thoại này^[6], đến chiếc *Erebus* và *Terror*, theo đuổi những cuộc chinh phục khác - và không bao giờ quay lại^[7]. Nó biết rõ cả hải thuyền và hải khách. Họ giong buồm từ Deptford, Greenwich và Erith^[8] - kẻ phiêu lưu lẫn người lập nghiệp; tàu Hoàng gia cùng thuyền thương khách; thuyền trưởng, đô đốc, đám hắc thương^[9] vùng Viễn Đông, các “tướng lĩnh tự phong của Hải đội Đông Ấn. Săn vàng hay cầu danh, ai nấy đều khởi hành theo

dòng chảy ấy, mang gương, và thường là cầm đuốc, sứ giả của quyền uy từ lục địa, hộ tống một điểm tinh hỏa từ ngọn lửa thiêng. Có sự vĩ đại nào không từng theo con nước của dòng sông ấy đến với bí ẩn của một miền đất lạ!... Giấc mơ của con người, hạt giống của thịnh vượng chung, mầm mống của đế quốc.

Mặt trời lặn; hoàng hôn trùm lên dòng sông, và ánh đèn bắt đầu xuất hiện ven bờ. Hải đăng Chapman, một vật thể ba chân mọc lên từ bãi lầy, chiếu sáng rực rỡ. Ánh đèn từ những con tàu di chuyển trên thủy đạo - một dòng ngược xuôi tấp nập của những ngọn đèn. Và xa hơn về tây, trên thượng lưu, vùng trời phía trên thành phố khổng lồ kia vẫn mang dấu hiệu bất tường, một vàng âm trầm u ám trong ánh tịch dương, một tia nhìn giận dữ chói gắt dưới trời sao.

“Nơi đây,” Marlow đột ngột lên tiếng, “cũng từng là một trong những chốn tối tăm trên trái đất.”^[10]

Gã là người duy nhất trong cả hội còn “đi theo tiếng gọi biển khơi.” Nếu có nói xấu được gã điểm gì thì đó là gã không đại diện cho tầng lớp của mình. Gã là hải khách nhưng cũng là lã khách, trong khi phần lớn những người đi biển khác sống một cuộc đời, ta tạm gọi là, yên vị. Đầu óc họ mang tâm thức tại gia, và nhà của họ luôn đi cùng họ - con tàu; và tổ quốc của họ cũng vậy - biển cả. Tàu nào cũng giống tàu nào, và biển cả thì muôn đời vẫn thế. Trong sự bất biến của môi trường quanh họ, những duyên hải xa xôi, những mặt người xứ lạ, những bao la biến động của cuộc đời, tất cả lướt qua, được che phủ không phải bởi cảm giác huyền bí mà dưới một thái độ vô tri ít nhiều khinh thị; bởi đối với người đi biển, chẳng có gì huyền bí trừ bản thân biển cả, người tình của sự hiện tồn của y, và

khó nhìn thấu như chính số mệnh. Với họ, sau giờ lao động, một cuộc dạo chơi hoặc truy hoan tùy tiện trên bờ là đủ khám phá bí mật của cả một lục địa, và nhìn chung họ thấy bí mật này chẳng có gì đáng biết. Chuyện của dân đi biển có một sự giản đơn trực diện, toàn bộ ý nghĩa của nó chỉ gói gọn trong một cái vỏ lạc vớ^[11]. Nhưng Marlow không phải dân đi biển điển hình (không kể xu hướng huyền thuyên ở gã), và với gã, ý nghĩa của sự kiện không nằm trong hạt lạc, mà ở ngoài, bao quanh sự tích phát sinh ra nó giống như nguồn sáng nhiệt phát sinh hồng quang, tương tự như những quầng sáng đôi khi ta vẫn quan sát thấy nhờ quang phổ của ánh trắng.

Bình luận của gã không làm ai ngạc nhiên. Marlow là như thế. Phát ngôn ấy được đón nhận trong im lặng. Thậm chí chẳng ai buồn lăm bằm; và lúc này gã đang nói, rất chậm rãi...

“Tôi đang nghĩ về thời xa xưa, khi quân La Mã lần đầu đặt chân đến đây, một ngàn chín trăm năm trước^[12] - như mới hôm qua... Ánh sáng đã phát xuất từ dòng sông này từ... thời các Hiệp sĩ, nhỉ? Phải; nhưng nó như một lưỡi lửa chạy trên đồng cỏ, một vệt chớp giữa trùng mây. Chúng ta sống dưới ánh sáng bập bùng ấy - cầu cho nó bền lâu như vòng quay của trái đất này! Nhưng hôm qua bóng tối vẫn ở đây. Thử tưởng tượng, cảm giác của viên chỉ huy một chiếc... gọi là gì nhỉ? – Trireme^[13] ưu tú trên Địa Trung Hải, đột nhiên bị điều lên phương bắc; vội vàng đi đường bộ băng qua Gauls; và được giao một con thuyền, loại vẫn được các quân đoàn La Mã - hẳn toàn những kẻ khéo tay ghê gớm - đóng cả trăm chiếc trong một, hai tháng, nếu những gì ta vẫn đọc là đáng tin. Thử hình dung ra gã ở đây - nơi tận cùng thế giới, biển màu chì, trời màu khói, kiểu thuyền vững chãi như cây đàn concertina^[14] - bơi ngược

sông đem theo quân nhu, hoặc mệnh lệnh, hoặc gì cũng được. Bờ cát, đầm lầy, rừng rú, man dân - cơ hồ không có gì vừa miệng người văn minh, không có gì để uống ngoài nước sông Thames. Ở đây chẳng có rượu Falernian^[15], và cũng chẳng có chuyện lên bờ. Thi thoảng lại thấy một doanh trại thất tung trong hoang dã, như cây kim mất tích giữa đụn rơm - giá, sương, bão táp, bệnh dịch, lưu đày và chết chóc - cái chết lờn vờn trong không khí, dưới nước, trong bụi rậm. Binh sĩ chắc hẳn chết ở đây như ngã rạ. Phải rồi - gã sống sót. sống tốt là đằng khác, sống mà không nghĩ ngợi gì nhiều, có chăng chỉ đủ để sau này khoác lác về những gì đã trải qua. Họ đủ nam nhi để đối mặt với bóng tối. Mà có lẽ gã đã phấn chấn hơn khi tư tưởng đến cơ hội được đề bạt lên hải đội ở Ravenna^[16] trong ngày một ngày hai, nếu gã có bạn bè thân cận ở Rome và sống sót qua mùa lam chướng này. Hoặc hãy nghĩ tới một công dân trẻ tử tế, khoác toga - chắc hẳn cháy túi vì cò bạc - theo gót thái thú, hoặc thuế quan, thậm chí thương gia, đến đây mong kiếm chác được chút gì. Đặt chân lên đầm lầy, cuộc bộ xuyên rừng, và khi đến dịch trạm trong nội địa, thì cảm thấy cái man di, man di cùng cực, vây bủa lấy mình, - tất cả sự sống hoang dã bí hiểm sục sôi trong rừng rậm, trong rừng già, trong tim đám man dân. Chẳng có thời gian để làm quen với những bí ẩn ấy. Gã phải sống giữa chốn vô minh, vốn dĩ là điều đáng hận. Song nó cũng tỏa ra sức dụ hoặc, tác động lên gã. Thứ dụ hoặc nảy sinh từ oán hận - hãy tưởng tượng nỗi hối hận, cơn khát khao đào tẩu, sự ghê tởm trong bất lực, tâm lý buông xuôi, cảm giác căm ghét ngày một dâng cao.”

Gã ngừng lời.

“Nhớ là,” gã tiếp, một tay giơ lên từ khuỷu, bàn tay hướng ra trước, thành thữ, với hai chân xếp bằng, trông gã như Đức Phật thuyết pháp trong bộ Âu phục mà thiếu cành sen - “Nhớ là, chúng ta chẳng ai có cảm nhận y như thế. Cái cứu rồi chúng ta là tính hiệu quả - sự sùng bái hiệu quả. Nhưng tại La Mã này chẳng xuất sắc gì cho lắm. Họ đâu phải thực dân; tôi ngờ rằng với họ cai trị chỉ đơn thuần là bóp nghẹt, không hơn. Họ là kẻ chinh phục, mà chinh phục thì chỉ cần vũ lực - vốn chẳng có gì đáng huênh hoang, vì sức mạnh của anh chỉ là ngẫu nhiên phát sinh từ cái yếu của kẻ khác. Họ vợ vệt được bao nhiêu hay bấy nhiêu, vợ vệt để mà vợ vệt. Đó chẳng qua là cưỡng đoạt bằng bạo lực, sát nhân có tình tiết tăng nặng trên diện rộng, và con người mù quáng lao vào - điều rất hợp lẽ khi đối mặt với bóng tối. Cuộc chinh phục Trái đất, phần lớn đồng nghĩa với việc chiếm đoạt của người khác màu da hoặc mũi tẹt hơn chúng ta tí chút, là thứ chẳng đẹp để gì nếu nhìn thật kỹ. Cái duy nhất cứu vãn nó là một ý niệm. Một ý niệm hậu thuẫn nó; không phải sự giả bộ đầy cảm tính mà là một ý niệm; cùng niềm tin vô vị kỷ vào ý niệm ấy - một thứ ta có thể tôn lên, khấu đầu trước, và hiến tế cho...”

Gã dứt lời. Những ngọn lửa lướt đi trên sông, những ngọn lửa nhỏ màu xanh, màu đỏ, màu trắng^[17], rượt đuổi nhau, vượt mặt nhau, dung hợp nhau, giao cắt nhau - rồi lại chậm rãi hay hồi hải tách ra. Giao thông của đại đô thành vẫn tiếp tục giữa đêm sâu trên dòng sông không ngủ. Chúng tôi quan sát, kiên nhẫn chờ đợi - đâu còn gì để làm khi triều chưa rút, nhưng phải đến khi, sau một quãng dài im lặng, gã ngập ngừng hỏi, “Chắc các cậu còn nhớ, có một thời tôi chuyển sang đi tàu nước ngọt,” chúng tôi mới biết là số mình sẽ phải, trước khi triều xuống, lắng nghe một trong những trải nghiệm không có hồi kết của Marlow.

“Tôi không muốn bắt các cậu nghe nhiều về chuyện xảy ra với cá nhân tôi,” gã bắt đầu, qua đó cho thấy nhược điểm chung của nhiều người kể chuyện, vốn hiếm khi nhận thức được đâu là cái thính giả thích nghe nhất; “nhưng để hiểu tác động của nó với tôi, các cậu cần biết sao tôi lại đến đó, tôi đã thấy những gì, tôi ngược sông ra sao để đến nơi gặp kẻ bất hạnh ấy lần đầu. Đó vừa là điểm tận cùng của thủy trình vừa là cao trào của câu chuyện. Không rõ từ đâu nó đã rọi một thứ ánh sáng lên mọi điều về tôi - vào cả nội tâm tôi. Nó lại tắm tôi - bi ai nữa - chẳng có chút gì đặc biệt - cũng không thật sự rõ ràng. Không, không thật sự rõ ràng. Thế nhưng nó lại soi rọi một thứ ánh sáng.

“Dạo ấy, chắc các cậu vẫn nhớ, tôi vừa về London sau rất nhiều lênh đênh trên Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, Biển Trung Hoa - nghĩa là trải đủ mùi phương Đông - độ sáu năm gì đó, đang lang thang vạ vật, quấy quả các cậu làm việc và ăn nhờ ở đậu như thể tôi có thiên mệnh giáo hóa các cậu. Lúc đầu, tôi thấy rất thoải mái, nhưng sau một thời gian tôi đâm chán nghỉ ngơi. Thế là tôi bắt đầu kiếm một con tàu - đó khéo là việc khó nhằn nhất trần đời. Song chẳng tàu bè nào đoái hoài đến tôi. Chẳng bao lâu tôi cũng nản.

“Hồi bé, tôi rất mê bản đồ. Tôi dành hàng giờ ngắm nghía Nam Mỹ, hoặc châu Phi, hoặc châu Úc, và đắm chìm trong huy hoàng của niềm vui khám phá. Thời ấy, trên Trái đất vẫn còn nhiều vùng trống, và khi thấy chỗ nào đặc biệt quyến rũ trên bản đồ (khốn nỗi chỗ nào cũng quyến rũ cả), tôi lại chỉ vào đó và nói, khi nào lớn mình sẽ tới đây. Tôi nhớ Bắc Cực là một trong số ấy. Ờ, tôi vẫn chưa đến đó, và giờ chắc cũng không định đến. Hết hấp dẫn rồi. Những chỗ khác thì rải rác quanh Xích đạo, trải khắp các vĩ tuyến trên cả hai

bán cầu. Tôi đã đến một số chỗ, và... mà thôi, nói chuyện ấy làm gì. Nhưng hãy còn một chỗ - nói sao nhỉ, lớn nhất, trống vắng nhất, mà tôi vẫn đau đầu nghĩ về.

“Đành rằng giờ đây nó không còn là vùng trống nữa. Từ thời tôi bé tới nay, nơi ấy đã xuất hiện những sông, những hồ, những địa danh. Nó không còn là một khoảng trống của niềm bí hiểm hân hoan - một vật trắng cho giấc mơ huy hoàng của một thằng nhóc. Nó đã trở thành một vùng tăm tối. Nhưng đặc biệt chốn ấy có một con sông, một con sông hùng vĩ^[18], hiển hiện trên bản đồ, như thể một con mãng xà đang vươn mình, đầu quay ra biển, thân nghỉ ngơi uốn lượn trải dọc một đất nước rộng lớn, còn đuôi thất tung trong nội địa thẳm sâu. Khi tôi nhìn bản đồ con sông qua ô kính cửa hàng, nó mê hoặc tôi như rắn mê hoặc chim - một con chim bé bỏng khờ khạo. Tôi sực nhớ đến một công ty lớn, một thương hãg hoạt động trên con sông ấy. Đéo gì! Tôi tự nhủ, buôn bán trên cái bề nước ngọt ấy, kiểu gì chẳng phải dùng một loại thuyền nào đó - tàu hơi nước! Sao ta không xin chỉ huy một cái? Tôi tiếp tục đi dọc phố Fleet^[19], nhưng không thể rũ bỏ ý tưởng ấy. Con rắn đã dụ được tôi.

“Các cậu cũng biết, cái thương hội ấy là một công ty Lục địa^[20], nhưng tôi có đầy họ hàng ở Lục địa, vì cuộc sống bên đó, theo họ, rẻ hơn và không đến nỗi nhếch nhác như bề ngoài.

“Tôi lấy làm hổ thẹn khi phải phiền đến họ. Nẻo đường này hoàn toàn mới mẻ với tôi. Các cậu vẫn biết, trước nay tôi không quen được việc bằng cách ấy. Tôi luôn đi đường tôi, bằng chân của tôi, đến nơi nào tôi muốn đến. Chính tôi cũng không tin nổi mình; nhưng, lúc đó - các cậu biết đấy - không hiểu sao tôi cảm thấy phải

đến đó bằng mọi giá. Nên tôi cầu viện họ. Các ông nói ‘Cháu quý hóa ời,’ và không làm gì sất. Thế là - ai mà tin được? - Tôi tìm đến các bà. Tôi, Charlie Marlow, lừa các bà đi tìm việc cho mình. Chúa ơi! Ờ, các cậu biết đấy, ý tưởng ấy, nó xui khiến tôi. Tôi có một bà dì, một tâm hồn nhiệt tình dễ mền. Bà lão viết: “Thế thì hay lắm. Dì sẵn lòng làm bất kỳ, bất kỳ điều gì cho cháu. Một dự định tuyệt vời. Người quen của dì là vợ một nhân vật đức cao vọng trọng trong Chính quyền, còn là người rất có ảnh hưởng với,” vân vân và vân vân. Bà quyết không từ một phiên toái nào để giúp tôi làm thuyền trưởng một con tàu hơi nước, nếu quả đó là mơ mộng của tôi.

“Dĩ nhiên, tôi được bổ nhiệm; và được rất nhanh. Hình như bên Công ty vừa nhận được tin một thuyền trưởng bị giết vì ầu đã với người bản xứ. Đó là cơ hội cho tôi, và nó khiến tôi càng háo hức. Phải nhiều, nhiều tháng sau, khi định thu nhật di hài cho gã, tôi mới hay vụ cãi cọ ban đầu bắt nguồn từ hiểu nhầm về mấy con gà. Phải, hai con gà đen. Fresleven^[21] - đó là tên gã, dân Đan Mạch - cho rằng gã bị lừa bịp thế nào đó, bèn lên bờ dùng gậy vụt tay tù trưởng túi bụi. Tôi chẳng ngạc nhiên tí nào khi nghe chuyện đó, đồng thời cũng chẳng ngạc nhiên khi họ nói Fresleven là sinh vật hiền hòa lặng lẽ nhất từng đi hai chân trên thế gian này. Cái đó đã hẳn; nhưng đã mấy năm gã lẫn lộn vì đại nghiệp, và có lẽ rất cục gã thấy ít nhất cũng cần khẳng định lòng tự tôn bằng cách nào đó. Thế nên gã quật ông lão da đen không thương tiếc, trước ánh mắt thẳng thốt của cả đám đông bộ lạc, đến khi một người - nghe nói là con trai vị tù trưởng - tuyệt vọng khi thấy ông cụ rên la, rón rén cầm giáo xiên tên da trắng - và tất nhiên mũi giáo xuyên rất ngọt vào giữa hai xương vai. Rồi cả làng tháo chạy vào rừng vì sợ đủ loại tai ương giáng xuống, trong khi con tàu hơi nước của Fresleven cũng táng đờm rút

đi, dưới sự chỉ huy của tay thợ máy, tôi nghĩ vậy. Sau đó có vẻ chẳng ai quan tâm đến di cốt của Fresleven, cho đến khi tôi xuất hiện và kể nhiệm gã. Tôi không nỡ để gã nằm lại đó; nhưng cuối cùng, khi tôi có cơ hội gặp gỡ người tiền nhiệm, cỏ mọc xuyên lồng ngực đã cao đến mức che kín hài cốt gã. Tất cả vẫn còn nguyên đó. Không ai động đến sinh vật siêu nhiên ấy sau khi gã ngã xuống. Ngôi làng bị bỏ hoang, những túp lều há miệng đen ngòm, mục nát, tất cả ngã nghiêng sau lớp rào đã đổ. Tai ương đã ập xuống, hẳn rồi. Dân làng đã biến mất. Nỗi khiếp sợ kinh hoàng đã ly tán họ, đàn ông, đàn bà, con trẻ, vào rừng rậm, không bao giờ quay lại. Số phận mấy con gà ra sao, tôi không rõ nữa. Có lẽ tôi nên nghĩ rằng trước sau gì chúng cũng bị cuốn vào guồng quay của tiến bộ. Tuy nhiên, nhờ biến cố huy hoàng này mà tôi được bổ nhiệm, trước khi tôi bắt đầu mơ tưởng đến điều đó.

“Tôi bươn bả khắp nơi để chuẩn bị, và sau chưa đầy bốn mươi tám giờ tôi đã băng qua eo biển để ra mắt Công ty và ký hợp đồng. Sau mấy tiếng tôi đặt chân đến một thành phố luôn khiến tôi nghĩ tới một lăng tẩm tồ vôi^[22]. Định kiến, hẳn rồi. Tôi tìm được trụ sở Công ty chẳng khó khăn gì. Đó là thứ lớn nhất thành phố, nó nằm trên cửa miệng mọi người tôi gặp. Họ sẽ điều hành một đế chế ở hải ngoại và kiếm tiền không đếm xuể từ buôn bán.

“Một con phố hẹp, hoang phế chìm dưới bóng râm, những ngôi nhà cao, vô số cửa sổ che rèm sáo, một sự im lặng tuyệt đích, cỏ loi loi giữa những khe đá, trái phải là cổng vòm xe ngựa uy nghi, những cánh cổng đôi đồ sộ đồ dẫn khép hờ. Tôi lách qua một khe cửa như thế, leo lên một cầu thang quét tước sạch sẽ và không trang hoàng, căn cỗi như sa mạc, rồi mở cánh cửa đầu tiên tôi gặp.

Hai phụ nữ, một béo, một gầy, ngồi ghế mây, đan len đen. Bà gầy đứng dậy tiến lại gần tôi - tay vẫn đan còn mắt nhìn xuống - và khi tôi vừa nghĩ tới việc tránh đường, như khi gặp người mộng du, thì bà ta đứng lại, ngẩng lên. Chiếc váy may bằng vải trơn như vải làm ô, và bà ta chẳng nói một lời, quay lưng đi trước dẫn tôi vào phòng đợi. Tôi xưng tên và ngó quanh. Bàn giao dịch đặt giữa phòng, một dãy ghế đơn điệu kê xung quanh tường; cuối phòng treo một tấm bản đồ khổ lớn bóng loáng, đánh dấu bảy sắc cầu vồng. Có rất nhiều màu đỏ - nhìn rất bắt mắt, vì ta hiểu rằng chỗ đó đang làm việc đến nơi đến chốn, kha khá màu lam, một ít xanh, dăm vệt cam, và ở Bờ Đông, một vạt tím, ghi dấu nơi đội quân tiên phong tươi tắn của tiến bộ đang nốc thứ bia hơi tươi tắn^[23]. Nhưng tôi không định đến mấy chỗ này. Tôi muốn đến màu vàng. Ngay chính giữa. Và con sông kia ở đó - mê hoặc, chết người - như loài rắn. Úi! Cửa bật mở, một cái đầu thầy ký tóc bạc, nhưng mặt đầy vẻ trắc ẩn, xuất hiện, và một ngón tay trở khắng khiu ra hiệu cho tôi bước vào thánh điện. Dưới ánh sáng lờ mờ, một chiếc bàn viết đồ sộ chễm chệ giữa phòng. Từ sau vật thể ấy bước ra một hình thù tròn trĩnh lợt lạt mặc vệt đuôi dài. Chính thị đại nhân vật. Ông ta cao, tôi đoán, gần mét bảy, và là kẻ nắm trong tay một đế chế hàng nhiều triệu. Ông ta bắt tay tôi, và lăm răm khe khẽ, tôi dự là bằng lòng với tiếng Pháp của tôi. *Bon voyage*^[24].

“Sau khoảng bốn mươi lăm giây, tôi thấy mình đã quay lại phòng đợi cùng thầy ký lục nhân từ, người, đầy vẻ bi thương và trắc ẩn, yêu cầu tôi ký vài văn bản. Tôi tin rằng mình đã cam kết, ngoài các điều khác, không tiết lộ bất kỳ bí mật kinh doanh nào. Mà tôi cũng không định thế.

“Tôi bắt đầu thấy hơi thấp thỏm. Các cậu vẫn biết là tôi không quen lễ nghi kiểu đây, và bầu không khí có gì đó bất thường. Tôi có cảm giác mình đang bị lừa vào một âm mưu - tôi không biết nữa - có gì đó không ổn, và tôi chỉ muốn thoát ra cho mau. Ở phòng ngoài hai người phụ nữ vẫn đan len đen lia lịa. Khách đến và người trẻ hơn dẫn họ ra vào liên tục. Bà già hơn yên vị trên ghế, đôi dép bệt bằng vải dựa vào cái ủng chân, một con mèo cuộn tròn trên lòng. Đầu bà đội thứ gì đó hồ cứng màu trắng, má có cái mụn cóc, cặp kính gọng vàng đeo trễ trên chòm mũi. Bà ta liếc tôi từ bên trên cặp kính, vẻ bình thản lãnh đạm và mau chóng của cái nhìn ấy khiến tôi phấp phồng. Hai thanh niên mặt mày ngờ nghệch và hớn hờ vừa được dẫn vào, và bà ta lại ném về phía họ ánh mắt ngăn ngừa của sự minh triết bằng quan ấy. Dường như bà nhìn thấu tất cả về họ, và về tôi. Tôi bỗng thấy rờn rợn. Bà ta toát ra vẻ bí hiểm và định mệnh. Sau này, khi lên đến ngoài kia, tôi hay nghĩ về họ, hai người canh gác lối vào Tăm tối, đan len đen như để làm tấm khăn ẩm phủ quan tài, một người dẫn lối, không ngừng dẫn lối vào chốn vô minh, người kia soi xét từng gương mặt ngây ngô và hớn hờ bằng con mắt già đời vô cảm. Ave! Các mệnh phụ đan len đen! Morituri te salutant^[25]. Không mấy ai lọt vào mắt bà sẽ gặp bà lần nữa - nhiều nhất cũng không đến một nửa.

“Tôi còn phải đi khám bác sĩ. ‘Thủ tục ấy mà,’ thầy ký trấn an, với vẻ sẵn lòng chia sẻ một phần lớn lao mọi đau buồn của tôi. Theo đó một gã trẻ tuổi, đội mũ che kín lông mày bên trái, chắc là thư lại - công việc tại đây chắc phải có thư lại chứ, mặc dù tòa nhà vắng tanh như ở thành phố của người chết - ở đâu đó trên tầng xuống, và dẫn tôi đi. Gã có vẻ tuềnh toàng luộm thuộm, mực lem đầy tay áo, cravat to bản và dãn dùm bên dưới cái cằm hình thù như mũi ủng cũ. Tới

gặp bác sĩ giờ này hãy còn sớm, nên tôi rủ gã làm một ly, và thế là gã tỏ ra hồ hởi hơn. Bên ly vermouth gã tán tụng việc làm ăn của Công ty, và chẳng được bao lâu tôi thuận miệng bày tỏ sự ngạc nhiên rằng gã không ra ngoài đó. Gã bỗng trở nên rất bình thản và điềm tĩnh. ‘Trông vậy thôi chứ tôi không ngu đâu, Plato từng bảo các môn đồ,’ gã trịnh trọng đáp, cạn ly với vẻ cực kỳ quả quyết, và chúng tôi đứng dậy.

“Ông bác sĩ già bắt mạch cho tôi, nhưng rõ ràng đầu óc đang đề đầu. ‘Tốt, thế là tốt đấy,’ ông ta làm bầm, rồi với vẻ hào hứng rõ rệt hỏi tôi có bằng lòng cho ông ấy đo đầu không^[26]. Hơi ngạc nhiên, tôi đồng ý, vậy là ông ta sử dụng một loại thước kẹp đo trước đo sau đủ kiểu rồi ghi chép rất kỹ lưỡng. Đó là một người nhỏ thó, không cạo râu, chiếc áo vét cũ sờn như áo gaberdine^[27], chân đi dép trong nhà, và tôi nghĩ ông ta thuộc diện ngớ ngẩn vô hại. ‘Vì lợi ích của khoa học, tôi luôn xin phép được đo hộp sọ những ai ra ngoài đó,’ ông ta nói. ‘Cả khi họ quay về chứ?’ Tôi hỏi. ‘À, tôi chẳng gặp họ bao giờ,’ ông ta đáp; ‘vả lại, thay đổi diễn ra ở bên trong cơ, anh bạn ạ,’ Ông ta mỉm cười, như thể có một ý đùa ngầm. ‘Vậy là anh sắp ra ngoài đó. Oách đấy. Thú vị nữa,’ Ông ta nhìn tôi dò xét, rồi tiếp tục ghi chép. ‘Nhà anh có ai bị điên không?’ ông ta hỏi giọng thản nhiên. Tôi thấy rất khó chịu. ‘Câu này cũng vì lợi ích của khoa học à?’ ‘Có chứ,’ ông ta nói, không nhận thấy vẻ bức xúc của tôi, ‘theo dõi sự biến đổi tinh thần của các cá nhân ngay tại chỗ, là điều rất lý thú, nhưng...’ ‘Ông là bác sĩ tinh thần à?’^[28] Tôi ngắt lời. ‘Bác sĩ nào cũng nên am hiểu cái đó một chút,’ con người lập dị ấy bình thản đáp, ‘tôi có một lý thuyết nho nhỏ mà các Messieur^[29] có dịp ra ngoài đó cần giúp tôi chứng minh. Đây là đóng góp của tôi vào những lợi ích mà đất nước tôi sẽ thu được từ việc chiếm lĩnh một

thuộc địa hoành tráng đến thế. Việc đóng góp của cái tôi nhường cho người khác. Xin lỗi vì đã hỏi nhiều, song anh là người Anh đầu tiên mà tôi có dịp nghiên cứu...,' Tôi vội cam đoan với ông ta mình còn xa mới là mẫu người Anh điển hình. 'Nếu vậy,' tôi bảo, 'tôi đã chẳng ngồi đây nói chuyện thế này với ông,' 'Điều anh nói khá phức tạp, mà có thể là sai lầm,' ông ta cười đáp. 'Tránh bực bội còn quan trọng hơn tránh nắng. Adieu. Tiếng Anh các vị nói thế nào nhỉ? Good-bye. À! Good-bye. Adieu. Ở xứ nhiệt đới điều đầu tiên là phải giữ bình tĩnh'... Ông ta giơ ngón tay trở như răn đe... 'Du calme, du calme. Adieu.'^[30]

“Tôi chỉ còn một việc phải làm - tạm biệt bà dì tuyệt vời của mình. Thấy tôi, bà rất hoan hỉ. Tôi uống trà - tách trà tử tế cuối cùng trong nhiều ngày sắp tới - và ở căn phòng nói theo cách nhẹ nhàng nhất là giống những gì ta vẫn hình dung về phòng khách của một mệnh phụ, chúng tôi rủ rỉ khá lâu bên lò sưởi. Trong quá trình tâm sự tôi mới dần nhận ra, mình đã được giới thiệu với vợ của nhân vật đức cao vọng trọng kia, và trời mới biết với bao nhiêu người khác nữa, như một tạo vật tài năng xuất chúng - một bảo bối với Công ty - mẫu người phải hữu duyên mới gặp được. Lạy Chúa! Và tôi chuẩn bị chỉ huy một con tàu hơi nước ba cọc ba đồng gắn cái còi ba xu! Tuy nhiên, có vẻ tôi còn là một Công nhân, với chữ C viết hoa - các cậu biết đấy. Một dạng sứ giả của ánh sáng, một kiểu á tông đồ. Đứng vào đạo ấy báo chí và xã hội đương nói rất nhiều ba thứ dớ dẩn này, và bà dì quý hóa của tôi, sống ngay giữa dòng chảy ấy, và bị nó đưa lên mây. Bà nói chuyện ‘cải hóa hàng triệu kẻ man di khỏi kiếp đời mọi rợ,’ đến khi, nói thật, bà làm tôi rất không thoải mái. Tôi đánh bạo bóng gió rằng mục đích của Công ty là lợi nhuận.

“ ‘Charlie yêu quý ời, cháu quên rằng, làm thợ thì đáng được trả công,’^[31] bà hớn hờ nói. Mức độ xa rời hiện thực ở phụ nữ quả là kỳ lạ. Họ sống trong một thế giới riêng, một thế giới vô tiền khoáng hậu. Nó đẹp đẽ đến độ hoang đường và nếu họ có biến nó thành hiện thực thì nó sẽ sụp đổ trước khi mặt trời lặn. Một thực tế nào đó, mà đàn ông chúng ta vẫn vui vẻ chấp nhận từ thuở hồng hoang, sẽ bật dậy và phá tan tất cả.

“Sau đó bà ôm tôi, dặn tôi mặc đồ flannel, nhớ viết thư đều, vân vân - và tôi cáo lui. Ra ngoài phố, không hiểu vì sao một cảm giác kỳ lạ tràn đến rằng tôi là một kẻ giả mạo. Lạ ở chỗ tôi, kẻ vẫn khăn gói đi bất kỳ đâu trên thế giới sau hai bốn tiếng từ khi có thông báo, thời gian cân nhắc còn ít hơn đa số dành nghĩ về việc sang đường, chợt có một khoảnh khắc - không hẳn là ngần ngại, mà là kinh ngạc, trước sự việc bình thường này. Cách giải thích tốt nhất là, trong một hai giây, tôi cảm thấy như thể, thay vì đến trung tâm một lục địa, mình sắp khởi hành vào trung tâm Trái đất.

“Tôi lên đường trên một con tàu Pháp, và nó cập tất cả đám cảng ngoài đó, chỉ với một mục đích, theo tôi thấy, là thả lính và nhân viên thuế ty. Tôi quan sát bờ biển. Quan sát bờ biển khi nó trôi qua mặt con tàu cũng như suy nghĩ về một câu đố. Nó nằm đó - mỉm cười, nhíu mày, mời gọi, uy nghi, nhỏ mọn, nhạt nhẽo, hay dã man, và luôn cảm lạnh với vẻ thì thầm: lại khám phá đi. Đây là một khuôn mặt gần như không đường nét, tựa hồ vẫn đang nặn dở, với vẻ âm ám buồn tẻ. Đường biên của một vạt rừng khổng lồ, xanh sẫm đến độ gần như màu đen, diềm là từng đợt sóng trắng, chạy thẳng, như một đường kẻ bằng thước, dài tít tắp dọc biển cả lung linh đang nhòa dần dưới màn sương âm thầm trườn tới. Mặt trời chói gắt, đất

như rục lên và ròng rọc nhỏ nước. Đó đây thấp thoáng vài điểm xám xám trắng trắng, co cụm trong tầng sóng bạc, ở trên có thể phát phớt một lá cờ. Những thuộc địa, tuổi đời đã vài thế kỷ, song vẫn không lớn hơn đầu ghim trên nền lục địa mênh mông chưa người động tới. Chúng tôi bậm bạch lên đường, cập bến, đổ quân; đi tiếp, thả thuê lại xuống thu thuế ở những xứ như hoang địa bị Chúa ruồng bỏ, nơi một mái lều tôn với cột cờ chìm ngấm giữa hoang vu; lại đổ quân - để bảo vệ đám thuê lại, chắc vậy. Nghe nói một số đã chết chìm trong sóng; nhưng dù có hay không, hình như chẳng ai thật sự quan tâm. Chúng tôi chỉ lảng họ xuống đó, rồi đi tiếp. Bờ biển ngày nào cũng giống ngày nào, như thể tàu đứng yên tại chỗ; nhưng thực tế chúng tôi đi qua nhiều nơi - các thương cảng - với những cái tên như Bassam Lớn, Popo Nhỏ; những cái tên nghe như thuộc về một vở hài kịch thô tục diễn trước một tấm phong tà ác. Kiếp vật vờ của kẻ lữ khách, sự tách biệt khỏi đám người tôi chẳng có chút liên hệ nào, mặt biển nhờn bóng và uể oải, vẻ ảm đạm đồng nhất của đất liền, tất cả như ngăn cách tôi khỏi thực tại, nhốt tôi vật lộn trong một ảo giác bi thương và vô nghĩa. Tiếng sóng thỉnh thoảng vọng tới, mang đến cho tôi cảm giác dễ chịu, như tiếng nói của một người anh em. Nó như một điều gì đấy tự nhiên, có logic, có ý nghĩa. Thỉnh thoảng, một con thuyền từ đất liền đem lại cho ta một khoảnh khắc tiếp xúc với hiện thực. Chèo thuyền là dân da đen. Từ xa ta đã thấy lòng trắng mắt họ lấp loáng. Họ hò hát; người đầm mồ hôi, dung mạo như những chiếc mặt nạ dị dạng - cái đám này; nhưng họ có xương cốt, có cơ bắp, có một sinh lực hoang dại, một động năng mãnh liệt, tự nhiên và chân thực như con

sóng dọc bờ biển của họ. Họ không cần biện giải cho sự hiện diện của mình. Nhìn họ khiến tôi cảm thấy cực kỳ dễ chịu. Trong một

chốc tôi thấy mình vẫn thuộc về thế giới của những sự thật rõ ràng; nhưng cảm giác này không kéo dài. Có gì đó sẽ xuất hiện và xua nó đi. Tôi nhớ có lần chúng tôi gặp một chiếc tàu chiến thả neo ngoài biển. Trên bờ chẳng có mống nhà nào, và tàu thì nã pháo vào bụi rậm. Hình như một trong các cuộc chiến tranh của Pháp đang nổ ra gần đó. Lá hiệu kỳ thống thướt tựa một mảnh vải rách; những họng pháo sáu inch chĩa ra từ thân tàu; mặt biển nhầy nhờn uể oải đẩy con tàu dập dềnh lên xuống, lắc lư những cột buồm mỏng manh. Giữa bao la trống trải của đất, trời, và nước, là con tàu nọ, vô phương lý giải, đương nhả đạn vào một lục địa. Bụp, một khẩu sáu inch rung lên; một tia lửa nhỏ phụt ra và biến mất, một làn khói trắng be bé tan dần, một viên đạn tí hon rít lên yếu ớt - và chẳng có gì xảy ra. Chẳng gì có thể xảy ra. Quá trình ấy phảng phất một sự điên rồ, cảnh tượng ấy tỏa ra một vẻ khôì hài khôn khổ; và nó chẳng thể tiêu tan dù ai đó trên tàu thành thực cam đoan với tôi rằng có một trại thổ dân - gã gọi họ là kẻ thù - lẫn khuất đâu đó sau những bụi cây.

“Chúng tôi trao thư cho họ (nghe nói thủy thủ đoàn của con tàu lẻ loi ấy đang chết bởi dịch sốt với tốc độ ba người một ngày) rồi đi tiếp. Tàu cập thêm một số bến có tên khôì hài khác, nơi điệu hoan vũ của tử thần và thương mại tiếp tục giữa không khí tĩnh lặng, nồng hơi đất như một hàm mộ bị nung nóng; đi dọc bờ biển vô dạng được những tầng sóng nguy hiểm vây quanh, như thể cô gái Tự nhiên đang cố xua đuổi kẻ xâm phạm; ra vào từng con sông, những dòng chảy của cái chết giữa cuộc sống, nơi đôi bờ mọc rữa thành bùn, nơi nước quánh thành nhớt, tràn vào những rặng đước méo mó như thể đang quằn quại với chúng tôi trong cùng cực của nỗi tuyệt vọng đầy bất lực. Chúng tôi chẳng lưu lại đủ lâu để có ấn tượng cụ thể về bất kỳ đâu, nhưng cảm giác của nỗi hoang mang mơ hồ và ngọt

ngạt lớn dần trong tôi. Như một cuộc hành hương rã rời giữa chập chờn bóng những cơn ác mộng.

“Phải hơn ba mươi ngày tôi mới thấy cửa con sông lớn. Chúng tôi thả neo ở ngoài khơi nơi đặt Phủ toàn quyền^[32]. Nhưng phải đi quãng hai trăm dặm nữa mới tới nơi tôi bắt đầu công việc. Thành thử tôi lên đường ngay đến một nơi cách đây ba chục dặm trên thượng nguồn.

“Tôi đi nhờ một con tàu biển hơi nước loại nhỏ. Thuyền trưởng là dân Thụy Điển, khi biết tôi cũng là thủy thủ, bèn mời tôi lên tàu. Gã còn trẻ, gầy, trắng trẻo, làm lì, tóc suôn và chân đi cà nhấc. Khi vừa rời khỏi cái bến tàu con nhếch nhác, gã khinh miệt hát hàm về phía bờ. ‘Vừa ở đó à?’ gã hỏi. Tôi đáp, ‘ừ,’ ‘Mấy cha chính quyền ở đó góm nhỉ?’ Gã tiếp, bằng một thứ tiếng Anh hoàn hảo và khá cay đắng. ‘Ngộ thật, những gì người ta có thể làm để kiếm vài đồng một tháng. Không hiểu những ngữ ấy lên thượng nguồn sẽ thành thế nào?’ Tôi bảo gã tôi sẽ sớm biết thôi. ‘Ồ-ồ-ồ!’ Gã cảm thán. Gã lê sang mạn bên kia, một mắt vẫn dăm dăm dõi về phía trước. ‘Đừng chắc mắt quá,’ gã tiếp. ‘Mới hôm trước, tôi vừa chở một gã tự treo cổ trên đường. Cũng dân Thụy Điển.’ ‘Tự treo cổ! Nhưng làm sao nên nổi?’ Tôi hỏi. Gã vẫn tiếp tục canh chừng. ‘Ai biết. Chắc chịu không nổi nắng, hoặc cái xứ này.’

“Sau cùng chúng tôi đến một khúc sông thẳng. Một vách đá xuất hiện, đất mới đào chát đồng ven bờ, nhà lổ nhố trên đồi, một số lợp mái tôn, nằm giữa một vùng đất thải khai quật, hoặc chênh vênh trên sườn dốc. Tiếng ồn không dứt của đoạn sông chảy xiết từ thượng lưu lừng lợ trên khung cảnh tan hoang có người ở này. Nhiều người,

phần lớn da đen, cời trần, đi lại như bầy kiến. Một cầu tàu bắc ra sông. Mặt trời sáng lòa chói chói lại nhán chìm tắt cả trong mỗi lần tái hiện bất ngờ của ánh chói chang. ‘Dịch trạm của Công ty anh đó,’ tay Thụy Điển nói, chỉ vào ba kiến trúc gỗ hình thù như lán trại trên dốc đá nhấp nhô. ‘Tôi sẽ bảo người mang đồ lên. Bốn thùng tất cả, nhỉ? Thế nhé. Tạm biệt,’

“Tôi gặp một cái nồi hơi lẩn lóc trong đám cỏ, rồi đến một đường mòn dẫn lên đồi. Nó rẽ sang bên tránh một khối đá, và một chiếc xe goòng cỡ nhỏ nằm ngửa chống bánh lên trời. Một bánh đã rụng. Trông nó chết cứng như xác một con vật. Tôi gặp thêm nhiều máy móc mục nát, một chồng thanh ray rỉ sét. Bên trái, lùm cây tạo nên một vùng bóng râm, nơi có gì đó tối sẫm ngọ nguậy nhẹ nhẹ. Tôi chớp mắt, con đường khá dốc. Tiếng tù và rít lên từ bên phải, và tôi thấy đám da đen bỏ chạy. Một vụ nổ nặng nề trầm đục rung chuyển mặt đất, một luồng khói phụt ra từ vách núi, và thế là hết. Bề mặt vách đá chẳng suy suyển gì. Họ đang làm đường ray. Vách đá không chắn lối hay gì cả; nhưng vụ nổ vô nghĩa này là toàn bộ công việc đang diễn ra.

“Có tiếng leng keng làm tôi ngoảnh lại. Sáu người da đen đi hàng một, chập vạt leo lên đường mòn. Họ thẳng lưng, đi chậm, đầu đội thúng đất đầy, và tiếng leng keng hòa nhịp với bước chân. Họ quần vải đen ngang hông, mẫu vải ngắn phía sau ngoe nguẩy như cái đuôi. Tôi thấy rõ từng xương sườn, những khớp tứ chi như nút dây thừng của họ; ai nấy đeo vòng cổ sắt, tất cả nối nhau bằng xích, mắt xích đóng đưa giữa họ, leng keng theo nhịp. Một tiếng nổ nữa từ vách núi làm tôi chột nhớ chiếc chiến hạm nã đạn vào lục địa mà tôi từng gặp. Cũng là thứ âm thanh bất tường ấy, nhưng những kẻ này

dù cổ tưởng tượng đến mấy cũng đâu thể gọi là kẻ thù. Họ bị coi là tội phạm, và thứ luật pháp bị vi phạm, như những viên đạn pháo, đã tìm đến họ, một bí ẩn không lời giải từ biển khơi. Lòng ngực gầy gò của tất cả đều hào hển, lỗ mũi nở toang phập phồng, ánh mắt đờ đẫn nhìn lên trời. Họ đi qua cách tôi gang tấc, chẳng buồn liếc nhìn, với vẻ vô cảm tuyệt đối, như chết rồi của bầy man di bất hạnh. Đi sau đám rộ này là một gã thuần dân^[33], sản phẩm của sự vận hành của các thế lực mới, ủ rũ lê bước, tay xách súng trường. Gã mặc áo lính hở một khuy, thấy một người da trắng trên đường, liền nhanh nhẩu bồng súng lên vai. Chẳng qua là gã cẩn thận, bởi dân da trắng giống nhau đến nỗi nhìn xa gã không biết ai với ai. Gã mau chóng yên tâm, nở nụ cười toe toét, trắng nhớn, ranh mãnh, rồi đưa mắt liếc tốp tù nhân như thể xem tôi là đồng sự trong bốn phạm quang vinh của gã. Xét cho cùng thì tôi cũng là một phần của lý tưởng vĩ đại đằng sau những hành vi cao thượng và công chính này.

“Đáng lẽ leo lên, tôi rẽ trái và đi xuống. Ý tôi là muốn chờ nhóm tù xích cổ đi khuất mới leo lên trời. Các cậu biết tôi vốn chẳng phải loại mềm yếu gì; đời tôi đánh cũng nhiều mà đỡ cũng lắm. Có lúc phải thủ, có lúc phải công - công vốn chỉ là một cách thủ - được mất chẳng thể tính toán rạch ròi; cuộc đời mình lỡ sa chân vào bất sao thì phải theo vậy thôi. Tôi đã thấy ác quỷ của bạo lực, ác quỷ của lòng tham, lẫn ác quỷ của dục vọng; nhưng thề có tinh tú, đó là lũ quỷ hung mãnh, mắt đỏ ngầu, lay chuyển và xúi giục con người - con người, các cậu nhé. Nhưng khi đứng trên triền trời này, tôi đã dự cảm được dưới ánh nắng chói lòa ở miền đất ấy, tôi sẽ làm quen với một con quỷ èo uột, giả tạo, mắt cụp của lòng tham tàn cuồng dại. Còn nó cũng quỷ quyết thế nào thì phải mấy tháng và cả ngàn dặm sau đó tôi mới khám phá ra. Còn lúc này tôi sững sờ như bắt gặp

một cảnh báo. Sau cùng tôi đi xiên xiên xuống đồi, tới rặng cây ban nãy tôi nhìn thấy.

“Tôi tránh một cái hố nhân tạo khổng lồ ai đó đào trên triền đồi, để làm gì tôi chịu không đoán nổi. Không phải mỏ đá, cũng chẳng phải vĩa cát. Chỉ là một cái hố. Có thể nó liên quan tới khát vọng nhân ái là tạo công ăn việc làm cho tội nhân. Ai biết được. Tôi suýt ngã xuống một con mương rất hẹp, chỉ như một vết sẹo trên sườn đồi. Tôi phát hiện ra, nhiều ống thoát nước nhập về phục vụ công cuộc định cư đã bị vứt xuống đây. Chẳng cái nào còn nguyên vẹn. Một sự phá hoại có chủ đích. Sau cùng, tôi đến dưới tán cây. Tôi định tản bộ dưới bóng râm một lát; nhưng vừa đến nơi tôi đã cảm thấy có lẽ mình đã sa chân vào cỏi u minh của Hỏa ngục. Tiếng nước xiết gần hơn, và một tiếng ồn bất tận, đồng nhất, vội vàng, hối hả lấp đầy cái tĩnh mịch sâu thẳm dưới bóng cây, nơi không một nhịp thở xôn xao, không một lá cây lay động, bằng một âm thanh bí hiểm - cơ hồ nhịp đứt gãy của trái đất bị bắn phá đột nhiên vọng đến tai người.

“Những hình hài tối đen nằm, ngồi, quỳ giữa những thân cây, dựa vào gốc cây, bầu lầy mặt đất, nửa lộ diện, nửa bị xóa nhòa dưới ánh sáng lò mờ, trong mọi sắc thái của đau đớn, buông xuôi, và tuyệt vọng. Thêm một quả mìn phát nổ trên vách núi, khiến đất dưới chân tôi khẽ rung chuyển. Công việc đang tiếp diễn! Công việc! Và đây là nơi một số nhân công lui về để chết.

“Họ đang chết dần chết mòn - điều đó rất rõ ràng. Họ chẳng phải kẻ thù, họ chẳng phải tội phạm, họ chẳng còn chút gì trần thế nữa, chẳng còn gì ngoài những bóng đen của bệnh tật và đói khát, nằm

vạ vật trong bóng tối nhuộm xanh. Được đưa từ mọi ngõ ngách duyên hải đến đây với đầy đủ thủ tục pháp lý của hợp đồng có thời hạn, không quen thủy thổ, ăn đồ xa lạ, họ ngã bệnh, giảm năng suất, và được phép bò ra đây nghỉ ngơi. Những hình hài hấp hối này tự do như khí trời - và gầy cũng gầy như thế. Tôi bắt đầu nhận được ánh mắt họ dưới tàng cây. Rồi, liếc xuống, tôi thấy một khuôn mặt ngay gần tay mình. Bộ xương đen nằm duỗi dài, dựa một vai vào gốc cây, hai mí từ từ mở ra, đôi mắt trũng sâu ngược lên nhìn tôi, to tướng và trống rỗng, như một dạng lò, lòng trắng lấp loáng sâu trong cầu mắt rồi từ từ tắt lịm. Cậu ta xem ra còn trẻ - gần như trẻ con - nhưng các cậu cũng biết với họ thì rất khó nói. Tôi chả biết làm gì khác ngoài việc cho cậu ta một cái bánh quy từ con tàu của ông bạn Thụy Điển quý hóa sót lại trong túi. Năm ngón tay từ từ khép lại và cầm lấy nó - chẳng có một cử động hay ánh nhìn nào nữa. Cậu ta buộc một dải vải xe trắng quanh cổ - Tại sao? Cậu ta nhặt được ở đâu? Nó là phù hiệu - là trang sức - là bùa may - là cử chỉ cầu tình? Đằng sau nó liệu có chút ý tứ gì chẳng? Buộc trên cần cổ đen thui của cậu ta, nó khiến tôi ngỡ ngàng, mảnh vải trắng đến từ hải ngoại ấy.

“Gần gốc cây còn hai mớ bùng nhùng góc cạnh ngồi co ro. Một tí cầm lên gối, mắt nhìn hư vô, toát lên một vẻ hãi hùng khó mà chịu nổi; cái bóng ma anh em thì gục đầu xuống, như bị vùi dưới nỗi mệt cùng cực; và rải rác xung quanh là những hồn ma khác, trong muôn hình vạn trạng của cơn suy kiệt méo mó, như trong một bức tranh vẽ cảnh tàn sát hay dịch bệnh. Trong khi tôi hãi hùng đứng lặng thì một sinh vật nhồm dầy, bò bằng cả tứ chi ra bờ sông uống nước. Nó lấy tay vốc nước, rồi ngồi đó dưới nắng, hai cẳng chân bắt chéo, và một lúc sau thì gục cái đầu bù xù xuống ngực.

“Tôi chẳng muốn nấn ná trong bóng râm chút nào nữa, và vội vàng đi về phía dịch trạm. Đến gần dãy nhà, tôi gặp một người da trắng, với vẻ lịch lãm bất ngờ đến nỗi ban đầu tôi ngỡ đây là ảo ảnh. Trước mắt tôi là một cái cổ áo hồ cứng, tay áo trắng tinh, áo vét alpaca^[34] nhạt, quần tuyết bạch, cà vạt sáng màu, ủng bóng loáng. Không mũ. Tóc rẽ ngôi, chải chuốt, xức dầu, bên trên là chiếc dù viền xanh trong bàn tay to, trắng. Nhìn gã thật phi phàm, và trên tai gài một chiếc quần bút.

“Tôi bắt tay với phép màu này, và được biết gã là Kế toán trưởng của Công ty, và toàn bộ việc kế toán được thực hiện ở trạm này. Gã vừa ra ngoài để ‘hít thở không khí trong lành,’ Cách diễn đạt ấy nghe kỳ quái đến hoang đường, với sự ám chỉ về cuộc đời quần quanh bàn giấy. Đáng lẽ tôi chẳng kể về gã làm gì, chỉ là từ miệng gã lần đầu tiên tôi nghe thấy tên con người vĩnh viễn gắn liền với những ký ức của thời kỳ này. Vả lại, tôi kính ngưỡng gã. Phải, tôi kính ngưỡng cái cổ cồng, hai cổ tay áo thêu thang, mái tóc chải chuốt của gã. Đành rằng ngoại hình gã giống như con ma nơ canh ở tiệm uốn tóc; nhưng trong cái sa sút tinh thần kinh khủng của xứ sở này mà gã vẫn bảo trì được phong thái ấy. Định lực góm thay. Cái cổ cồng hồ cứng và cái ngực áo điệu đà của gã là thành quả của ý chí. Gã đến đây đã gần ba năm; và sau này tôi không nhận được phải hỏi làm sao gã có thể chững diện những thứ vải vóc ấy. Gã chỉ hơi đỏ mặt một chút, và khiêm tốn nói: ‘Tôi dạy một phụ nữ thổ dân cách làm. Cũng khó lắm. Cô ả chán ghét công việc này,’ Nghĩa là gã đích thực đã có thành tựu đáng kể. Và gã rất tâm huyết với đám sổ sách, tất cả được biên chép hết sức quy củ.

“Các thứ khác ở dịch trạm đều hỗn loạn, - người, vật, nhà cửa. Từng đoàn mọi đen bụi bặm, chân chữ bát đến rồi đi; từng dòng hàng hóa, bông thứ phẩm, hột cườm, và dây đồng nối nhau tiến vào thăm sâu thăm tối, đổi lấy nhỏ giọt những chiếc ngà voi quý giá.

“Tôi phải đợi ở trạm mười ngày - dài như vĩnh cửu. Tôi ở một căn lán giữa sân, có điều để thoát cảnh hỗn loạn thì thoảng tôi lại tạt vào văn phòng của viên Kế toán. Nó xây bằng gỗ ván, ghép ầu đến nỗi khi gã còng lưng trên chiếc bàn cao, từng vạt nắng kẻ sọc ngang người gã từ cổ đến gót chân. Chẳng cần phải mở cánh cửa chớp to để nhìn ra ngoài. Ở đó cũng nóng; nhặng bay vè vè, không chích mà đâm người. Tôi hay ngồi dưới sàn, trong khi gã, với bề ngoài vô khuyết (lại còn hơi xức nước hoa), vắt vẻo trên ghế đầu và cặm cụi viết. Thỉnh thoảng gã đứng dậy tập thể dục. Khi phòng có thêm một chiếc giường gằm^[35] cho người bệnh (một đại diện^[36] bị ốm ở thượng du xuống) gã hơi khó chịu. ‘Tiếng rên rỉ của người bệnh,’ gã nói, ‘khiến tôi mất tập trung. Mà như vậy thì cực kỳ khó tránh khỏi sai sót dưới cái thời tiết này,’

“Một hôm, không ngẩng đầu lên, gã bảo, ‘Khi vào nội địa chắc hẳn anh sẽ gặp ông Kurtz.’ Khi tôi hỏi ông Kurtz là ai, gã nói đó là một đại diện hạng nhất; và thấy tôi có vẻ thất vọng trước thông tin này, bèn đặt bút xuống rồi chậm rãi bổ sung, ‘Đấy là một nhân vật xuất chúng,’ Gặng hỏi tiếp, tôi moi được từ gã rằng hiện ông Kurtz đang phụ trách một thương điểm hết sức quan trọng, ở xứ sở của ngà voi, ‘tít tận đầu nguồn. Gửi ngà về nhiều bằng tất cả các chỗ khác cộng lại..’ Gã lại viết tiếp. Người ốm lúc này yếu quá rên không nổi nữa. Lũ ruồi vo ve trong tĩnh lặng tuyệt đối.

“Đột nhiên có tiếng xì xầm ngay một lớn và tiếng bước chân rầm rập. Một đoàn lũ hành vừa đến. Một tràng dồn dập những âm thanh man rợ ào đến từ bên kia vách gỗ. Cả đám phu thồ đồng loạt lên tiếng, và giữa cảnh náo loạn này vang lên giọng than thở đăm lẹ của viên trưởng đại diện, ‘bỏ quách cho xong,’ lần thứ hai mươi trong ngày... Gã chậm rãi đứng dậy. ‘Nhộn nhạo kinh người,’ gã nói. Gã khễ khàng lại gần người bệnh, rồi quay lại bảo tôi, ‘Anh ta không nghe thấy,’ ‘Hả! Chết rồi à?’ Tôi giật mình. ‘Không, chưa,’ gã trả lời, hết sức điềm tĩnh. Rồi, hất đầu về phía cơn náo động ngoài sân, ‘Khi phải vào sổ cho chính xác, ta đâm căm ghét lũ mọi rợ này - ghét muốn chết,’ Gã trầm ngâm một lúc. ‘Khi nào gặp ông Kurtz,’ gã tiếp, ‘hãy chuyển lời tôi rằng ở đây mọi thứ - gã liếc bàn làm việc - ‘rất ổn. Tôi không muốn viết thư - với đám bưu tá ở đây, chẳng biết thư từ sẽ lọt vào tay ai - ở Trạm trung tâm ấy.’ Gã chăm chú nhìn tôi giây lát, bằng đôi mắt ốc nhồi hòa nhã. ‘Hà, ông ta sẽ còn tiến xa, rất xa,’ gã tiếp. ‘Chẳng bao lâu nữa, ông ta sẽ lên lãnh đạo. Trên đó, họ - Hội đồng ở châu Âu, anh biết đấy - đã nhắm ông ta rồi,’

“Gã quay lại làm việc. Tiếng ồn bên ngoài đã lắng, và khi rút lui tôi dừng bước trên bậc cửa. Trong tiếng vo ve đều đặn của lũ ruồi, viên đại diện sắp hồi hương đang nằm hôn mê, người đỡ ửng; người kia, gò lưng trên sổ sách, đang ghi chép số liệu chính xác từ những giao dịch tuyệt đối chính xác; và mười lăm mét phía dưới bậc cửa tôi vẫn nhìn thấy phần đỉnh lùm cây của sự chết.

“Hôm sau, cuối cùng tôi cũng rời dịch trạm, với một đoàn sáu mươi phu thồ, đi bộ một chặng đường hai trăm dặm.

“Kể cho các cậu cũng chả để làm gì. Đường mòn, đường mòn khắp nơi; một mạng lưới đường mòn trải khắp miền đất trống trải ấy, đi xuyên cỏ cao, xuyên cỏ cháy, xuyên bụi rậm, lên xuống những khe nước lạnh giá, lên xuống những đồi đá rừng rục hơi nóng; và một sự tĩnh mịch, tĩnh mịch tuyệt đối, không bóng người, không bóng lều. Dân xứ này đã cuốn gói từ lâu. Ví thử có bọn mọi đen trang bị đủ thứ vũ khí đáng sợ đột nhiên xuất hiện trên đường từ Deal^[37] đến Gravesend, rình bắt đám dân quê làm phu vác hàng cho chúng, tôi tưởng chả mấy chốc mà ruộng vườn nhà cửa quanh đó cũng sẽ trống không. Chỉ khác là ở đây nhà cửa cũng đi luôn. Dù vậy tôi cũng bắt gặp vài ngôi làng bỏ hoang. Những ngôi lều cỏ mục nát toát lên vẻ gì đó trẻ thơ đến tội nghiệp. Ngày qua ngày, tôi đi trong nhịp bước và lê chân của sáu mươi đôi chân trần phía sau, mỗi đôi chịu tải ba mươi cân. Dựng trại, nấu ăn, ngủ, nhổ trại, lên đường. Thỉnh thoảng có một phu thò chết dưới yên cương và nằm lại trong vạt cỏ cao ngút bên vệ đường, cạnh là bầu nước cạn và chiếc gậy chống dài. Sự tĩnh lặng tuyệt đích bao trùm tất cả. Có lẽ một đêm yên tĩnh nào đó, chấn động của tiếng trống từ xa xăm truyền lại, lúc trầm, lúc bổng, một thứ chấn động khi rõ, khi mờ; một âm thanh kỳ dị, khơi gợi, gọi mời, hoang dã - và có lẽ chứa đựng hàm nghĩa sâu xa chẳng kém gì tiếng chuông của một xứ Thiên Chúa giáo. Có lần chúng tôi gặp một gã da trắng mặc đồng phục không cài cúc, cắm trại ven đường dưới sự hộ tống có vũ trang của một toán lính Zanzibar^[38] cao gầy, rất hiếu khách và mê hội hè - nếu không nói là thường say xỉn. Đang giám sát việc bảo trì đường sá, gã tự nhận. Dù tôi chả thấy con đường hay hoạt động bảo trì nào, trừ xác một người da đen trung niên, trán có lỗ đạn mà tôi vấp phải theo nghĩa đen sau đó ba dặm, có thể được coi như một tiến bộ vĩnh

viễn. Tôi còn một bạn đồng hành da trắng, tính nết không tệ, chỉ phải cái hơi béo và có cái thói quen rất nản là hay ngất khi leo dốc nóng và còn cách chỗ có nước và bóng râm gần nhất hàng dặm. Các cậu biết đấy, thật phát nản khi phải căng áo của mình như một cái dù trên đầu người khác để chờ gã hồi tỉnh. Có lần tôi không nhìn được đã hỏi rốt cuộc gã mò đến đây làm gì. ‘Tất nhiên là để phát tài. Chứ anh nghĩ sao hả?’ Gã đáp, vẻ khinh miệt. Thế rồi gã bị sốt và phải cáng đi bằng võng. Vì gã nặng hơn một tạ nên tôi đến khốn nạn với đám phu khiêng cáng. Họ ăn vạ, bỏ chạy, nửa đêm ôm hàng trốn đi - một cuộc nổi loạn thực sự. Thành thử, một tối tôi phải làm một bài diễn văn tiếng Anh kèm cử chỉ, sáu mươi cặp mắt trước mặt tôi không bỏ sót chút gì, và sáng hôm sau tôi cho cáng đi trước ngon lành. Một tiếng sau, tôi gặp cả đồng tan tác trong bụi rậm - người, cáng, chăn, rên rỉ, hãi hùng. Cái đòn khiêng cáng nặng trĩu đã làm con người khốn khổ xước mũi. Gã hung hăng đòi tôi giết ai đó, nhưng xung quanh chẳng thấy ma nào. Tôi nhớ lại lời ông bác sĩ già - ‘theo dõi sự biến động tinh thần ngay tại chỗ của mỗi cá nhân là điều rất lý thú về mặt khoa học,’ Tôi cảm thấy mình đang trở nên lý thú với khoa học. Tuy nhiên những cái đó cũng chẳng để làm gì. Sang ngày thứ mười lăm tôi lại nhìn thấy con sông lớn, và lê bước tới Trạm trung tâm^[39]. Nơi này nằm ven một vùng nước lặng, rừng và bụi rậm bao quanh, một mặt là tường bùn chĩn chu hôi rích, ba mặt vây rào bằng cây sậy kỳ dị. Một lỗ hổng không ai chăm sóc là tất cả những gì gọi là cổng vào; và chỉ thoáng nhìn ta đã biết con quỷ èo uột đang điều khiển chốn này. Dân da trắng, tay cầm ba toong, uể oải xuất hiện giữa các tòa nhà, thả bộ đến gần để ngó tôi, rồi lại biến mất đi đâu đó. Một trong số này, một tay lực lưỡng, hồ hởi, ria mép đen, ăn nói rất liến thoắng và vòng vo, lập tức thông

báo khi tôi vừa tự giới thiệu, rằng con tàu của tôi đang nằm dưới đáy sông. Tôi sửng người. Hả, làm sao, thế nào? ‘À, không sao đâu’. ‘Đích thân ông giám đốc’ cũng có mặt. Tất cả đều đúng quy trình. ‘Mọi người hành xử rất tuyệt vời! Rất tuyệt vời!’ - ‘anh phải,’ gã lo âu nói, ‘đi gặp ông giám đốc ngay đi. Ông ấy đang chờ!’

“Khi đó tôi chưa nhận thức ngay được tầm quan trọng thật sự của vụ đắm tàu. Giờ thì có thể, nhưng tôi không dám chắc - không hề. Đành rằng vụ việc ngớ ngẩn đến nỗi - mỗi khi tôi nghĩ lại - khó lòng là chuyện ngẫu nhiên được. Có điều... Nhưng lúc đó với tôi nó chẳng qua là một sự phiền toái chết tiệt. Con tàu bị chìm. Họ xuất phát hai ngày trước, vội vã ngược dòng với viên giám đốc trên boong, dưới quyền là một tay hoa tiêu tình nguyện, đi chưa được ba giờ đã đâm thủng đáy thuyền do va phải đá ngầm, và con tàu chìm gần bờ nam. Tôi tự hỏi mình sẽ làm gì ở đây khi không còn tàu nữa. Hiển nhiên tôi có rất nhiều việc phải làm để câu quyền chỉ huy của mình từ dưới sông lên. Tôi phải bắt tay vào việc ngay hôm sau. Việc đó và quá trình sửa chữa sau khi trục vớt cũng mất vài tháng.

“Cuộc gặp đầu tiên với viên giám đốc rất kỳ cục. Gã không mời tôi ngồi sau khi tôi đã cuốc bộ hai mươi dặm sáng hôm đó. Con người gã rất bình thường, từ nước da đến nét mặt, tác phong đến giọng nói. Vóc dáng trung bình, cơ bắp vừa phải. Mắt gã, màu xanh lam quen thuộc, có lẽ đặc biệt lạnh lùng, và chắc hẳn gã có thể giáng ánh nhìn của mình xuống người khác sắc bén và nặng nề như một lưỡi rìu. Nhưng kể cả vào lúc này phần còn lại của con người gã dường như bác bỏ ý định ấy. Trừ một biểu cảm mơ hồ, khó bề định nghĩa trên môi gã, gì đó lớn vồn - như cười mà không phải cười - tôi vẫn nhớ, mà không lý giải được. Cái nụ cười này, nó vô

thức, mặc dù sau mỗi câu nói của gã, nó rõ nét hơn trong giấy lát. Nó xuất hiện mỗi khi gã dứt lời, như con dấu đóng lên từ ngữ, và biến ý tứ của những câu chữ giản đơn nhất thành tuyệt đối vô phương thấu hiểu. Gã là một lái buôn bình thường, đã làm việc ở đây từ hồi thanh niên - có vậy thôi. Người ta phục tùng gã, nhưng gã không khơi dậy sự yêu mến hay sợ hãi, cả kính trọng cũng không. Gã khơi dậy nỗi bất an. Chính thế! Bất an. Chưa hẳn là sự ngờ vực - chỉ là nỗi bất an - không hơn. Các cậu không hình dung nổi hiệu quả của cái... cái... năng lực này đâu. Gã không hề có tài tổ chức, tài sáng tạo, đến tính ngăn nắp cũng không. Điều đó thể hiện trong những thứ như tình trạng tồi tệ của cái trạm này. Gã không có học vấn, không có trí tuệ. Vị trí này tự đến với gã - vì sao? Có lẽ bởi gã chẳng bao giờ ốm... Gã đã phục vụ ba nhiệm kỳ ba năm ngoài đó... Bởi thể chất khỏe khoắn trong một mặt bằng suy sụp về sức khỏe bản thân nó là một thứ quyền lực. Khi về nước nghỉ phép gã quây toí bời hoa lá. Như thủy thủ lên bờ - nhưng có chỗ khác, chỉ giống bề ngoài. Điều này ta nhận ra ngay khi nghe gã nói chuyện. Gã chẳng đem lại điều gì mới mẻ, song gã có khả năng duy trì lễ thói hàng ngày, thế thôi. Nhưng gã rất xuất sắc. Gã xuất sắc trong việc nhỏ nhặt ấy đến mức không ai biết được điều gì có thể kiểm soát một kẻ như gã. Gã không bao giờ hé lộ bí mật ấy. Có lẽ trong gã chẳng có gì. Nỗi hoài nghi ấy khiến ta giật mình - bởi ngoài đó đâu có cơ chế gì để giám sát gã. Một lần, khi các loại bệnh nhiệt đới đánh gục gần như tất cả các đại diện ở trạm, người ta nghe gã thốt, 'Đã ra đến đây thì tốt nhất đừng có ruột,' Gã niêm phong phát ngôn này bằng nụ cười quen thuộc như thể đó là cánh cửa dẫn đến một chốn tăm tối do gã quản lý. Ta ngỡ mình nhìn thấy gì đó - nhưng lối vào đã bị phong bế. Khó chịu vì cứ đến bữa đám da trắng lại tranh

giành thứ bậc tại bàn ăn, gã cho đóng một cái bàn tròn khổng lồ, và phải xây một ngôi nhà đặc biệt cho vừa với nó. Đó là phòng ăn mới của trạm. Chỗ gã ngồi là chủ vị, còn lại chẳng là gì hết. Đó dường như là niềm tin bất biến của gã. Gã chẳng văn minh cũng không man rợ. Gã lặng lẽ. Gã cho phép ‘thằng nhỏ’ của mình - một gã trai da đen miền biển mập ú - đối xử với đám da trắng, ngay dưới mắt gã, bằng thái độ xác xược đầy khiêu khích.

“Gã lên tiếng ngay khi vừa thấy mặt tôi. Tôi đi đường lâu quá. Gã không chờ được. Đoàn xuất phát không có tôi. Các trạm thượng nguồn cần tiếp tế. Có quá nhiều trì hoãn đến nỗi gã chẳng biết ai còn ai mất, tình hình ra sao - vân vân và vân vân. Gã bỏ ngoài tai mọi giải thích của tôi và, vừa nghịch cây sáo niêm phong, vừa nhắc đi nhắc lại rằng tình hình ‘rất nghiêm trọng, rất nghiêm trọng.’ Có tin rằng một trạm hết sức quan trọng đang gặp vấn đề, và trạm trưởng, ông Kurtz, bị ốm. Mong rằng đó chỉ là tin thất thiệt. Ông Kurtz ấy... Tôi nghe mà chán ngấy. Kurtz, Kurtz cái mẹ gì, tôi nghĩ. Tôi ngắt lời gã rằng tôi đã nghe nói về ông Kurtz từ ngoài cửa biển. ‘À! Ra là dưới đó họ cũng nói về ông ấy,’ gã lẩm bẩm. Rồi gã tiếp tục, cam đoan với tôi rằng ông Kurtz là đại diện giỏi nhất của gã, một nhân vật xuất chúng, có tầm quan trọng đặc biệt với Công ty; do vậy chắc tôi cũng hiểu nỗi lo âu của gã. Gã đang ‘hết sức, hết sức bồn chồn,’ Quả thực, gã không ngừng nhấp nhồm trên ghế, cảm thán, ‘Hỡi ơi, ông Kurtz!’, làm gãy cây sáo niêm phong và có vẻ sững sờ trước sự cố này. Tiếp đó gã muốn biết ‘phải mất bao lâu để...’ Tôi ngắt lời gã lần nữa. Đang đói, các cậu biết đấy, lại không được mời ngồi, tôi đâm ra sổ sàng. ‘Làm sao tôi biết được?’ Tôi đáp. ‘Tôi còn chưa kịp thấy con tàu đắm - nhưng chắc phải vài tháng.’ Tôi thấy cuộc đối thoại thật vô nghĩa. ‘Vài tháng,’ gã nói. ‘Ừm, cứ tạm cho là ba tháng

đi. Vụ đó thế là ổn đấy,’ Tôi lao ra khỏi lán (gã sống một mình trong căn lán vách đất có mái hiên), và làm bầm rửa gã. Một thằng ngu lắm mồm. Về sau tôi phải rút lại bình phẩm này khi sững sờ nhận ra gã đã tử tế biết bao khi dự tính thời gian cần thiết cho ‘vụ đó,’

“Hôm sau tôi bắt tay vào việc, có thể nói là quay lưng lại dịch trạm. Có lẽ chỉ bằng cách đó tôi mới neo đậu được bản thân vào những thực tế có sức cứu rỗi của cuộc sống. Thế nhưng, thỉnh thoảng ta vẫn phải nhìn quanh, và tôi lại thấy cái trạm, với những kẻ vật vờ vô định trong ánh nắng ngoài sân. Đôi khi tôi tự hỏi tất cả những thứ đó nghĩa là gì. Họ tha thần khắp nơi với cây ba toong dài kỳ quái trên tay, như một lũ hành hương vô đạo bị quỷ ám sau lớp rào mục nát. Chữ ‘ngà voi’ ngân nga trong không khí, làm râm, thắm thì trên môi người. Ngỡ như họ đang cầu nguyện với nó. Một mùi tham tàn si ngốc thổi qua tất cả, như xú khí từ xác chết. Lạy Chúa! Đời tôi chưa thấy gì phi thực đến thế. Bên ngoài, sự hoang dã tĩnh lặng vây quanh cái nốt bé tí được phát quang trên mặt đất này gây ấn tượng mạnh mẽ lên tôi như một thực thể vĩ đại và bất bại, như cái ác hay sự thật, đang kiên nhẫn chờ đợi cuộc xâm lăng hoang đường này chết đi.

“Hỡi ời, mấy tháng ấy! Mà thôi. Đủ chuyện xảy ra. Tối nọ, một vựa cỏ đầy vải hoa, vải bông, hạt cườm và gi gi gi gi nữa bùng cháy đột ngột đến nỗi tưởng như mặt đất vừa nứt ra cho ngọn lửa báo thù nuốt sạch những rác rưởi ấy. Tôi đang lặng lẽ hút tẩu cạnh con tàu tan nát của mình và thấy họ loi choi trong ánh lửa, hoa chân múa tay, trong khi gã lực lưỡng có ria mép cầm đầu chạy xuống bờ sông xách theo cái xô nhôm và quả quyết rằng tất cả đang ‘phản ứng rất

tuyệt vời, rất tuyệt vời,’ mức hơn lít nước rồi te tái chạy về. Tôi để ý thấy cái xô thùng một lỗ.

“Tôi thông thả đi lên. Không có gì phải vội. Cái kho bắt cháy như một bao diêm. Vô vọng ngay từ đầu. Ngọn lửa bốc cao, đẩy tất cả lùi lại, chiếu sáng mọi thứ - rồi sụp đổ. Cái kho lúc này chỉ còn là một đồng than hồng sáng rực. Một gã da đen đang bị ăn đòn gần đó. Họ bảo chính gã gây ra vụ cháy; mặc dù vậy, gã rên la cực kỳ thảm thiết. Sau đó tôi thấy gã, suốt mấy ngày liền, ngồi dưới bóng râm, rất ốm yếu và cố gắng bình phục: rót cục gã đứng dậy đi ra ngoài - và hoang dã vô thanh vô tức ôm gã vào lòng. Khi từ bóng tối lại gần đám lửa, tôi nhận ra mình đứng sau hai người, đang nói chuyện. Tôi nghe thấy cái tên Kurtz, và mấy từ, ‘tận dụng cái tai bay vạ gió này.’ Một người chính là viên giám đốc. Tôi chúc gã buổi tối tốt lành. ‘Anh đã thấy cảnh tượng như thế bao giờ chưa - hả? Thật kinh khủng,’ gã nói, đoạn bỏ đi. Người kia vẫn ở lại. Đó là một đại diện cấp một, trẻ và lịch lãm, hơi dè dặt, mũi khoằm, hàm râu hình chữ A. Gã đối với các đồng nghiệp hơi xa cách, và về phần mình họ nói gã được viên giám đốc giao rình mò họ. Bản thân tôi hiếm khi nói chuyện với gã. Bọn tôi bắt chuyện, và dần dà đi khỏi đồng đồ nát vẫn cháy lèo xèo. Sau đấy gã mời tôi về phòng, tại tòa nhà chính của trạm. Gã đánh diêm, và tôi nhận ra tay quý tộc trẻ này không chỉ có một hộp tư trang bật bạc, mà còn cả một cây nến riêng. Vào thời kỳ ấy, viên giám đốc là người duy nhất được quyền sở hữu nến. Trên vách đất treo thảm của thổ dân; một bộ sưu tập giáo, lao, khiên và dao được trưng bày như chiến lợi phẩm. Nhiệm vụ gã được giao là sản xuất gạch - tôi nghe nói vậy; nhưng khắp trạm tịnh không có mẫu gạch nào, mà gã đến đây đã hơn một năm - chờ đợi. Hình như gã thiếu một nguyên liệu, tôi không rõ là gì - rơm thì phải^[40]. Dù sao chẳng

nữa, tại đây không có thứ đó, và vì khả năng gửi từ châu Âu sang là khó, tôi không rõ gã đợi cái gì. Một sự thiên tạo đặc biệt chẳng. Tuy nhiên tất cả - cả thầy mười sáu hay hai mươi kẻ hành hương này - đều đợi một thứ gì đó; và tôi cam đoan rằng công việc ấy chẳng có vẻ gì là đáng chán, nếu xét cách họ tiếp nhận nó, mặc dù thứ duy nhất tìm đến với họ, như chỗ tôi thấy, là bệnh tật. Họ giết thời gian bằng cách nói xấu và chơi khăm nhau một cách ngu ngốc. Từ trạm toát ra một không khí đầy mưu mô, nhưng tất nhiên rốt cục chả có chuyện gì. Nó cũng phi thực như mọi thứ khác - như mục đích nhân ái giả tạo của toàn bộ hoạt động này, như những lời họ nói, như bộ máy chính quyền, như màn kịch làm việc của họ. Thứ duy nhất có thật là dục vọng được bổ nhiệm đến một thương điểm có ngà voi để ăn phần trăm. Họ mưu mô và bôi nhọ và căm ghét nhau chỉ vì lẽ đó, song để thật sự nhắc ngón tay út thì - ồ không. Trời ơi! Trên đời lại có điều gì cho phép kẻ này trộm cả con ngựa còn người kia chẳng dám dòm dỏ bộ dây cương. Trộm nguyên con ngựa. Tốt thôi. Trộm cũng đã trộm rồi. Biết đâu lại cưới được. Nhưng có một cách dòm dỏ dây cương sẽ khích nộ cả những vị thánh từ bi nhất.

“Tôi không hiểu tại sao gã lại muốn thân cận mình, nhưng trò chuyện một hồi, tôi chợt nhận ra động cơ của gã - moi thông tin. Gã thường xuyên đề cập tới châu Âu, tới những người tôi có thể quen biết ở đó - đặt câu hỏi mớm về quan hệ của tôi ở thành phố lãng tâm, vân vân. Đôi mắt hạt đỗ của gã lấp lóe như hai mảnh mi ca - với nỗi tò mò - dù gã cố giữ vẻ kiêu kỳ. Sau phút ngỡ ngàng ban đầu, tôi hiểu kỳ muốn biết gã định moi gì ở tôi. Tôi không hình dung nổi mình có gì khiến gã phải nhọc công. Nhìn gã hoang mang tôi rất khoái trá, bởi kỳ thực trong người tôi chỉ toàn những cơn rét run, còn trong đầu tôi chẳng có gì ngoài chuyện con tàu đắm. Dĩ nhiên gã coi

tôi là một kẻ chối quanh trơ tráo. Cuối cùng gã nổi cáu, và, để che giấu vẻ khó chịu đầy bức bối, gã ngáp. Tôi đứng dậy. Chợt tôi để ý một bức phác thảo sơn dầu, trên một tấm toan, vẽ một phụ nữ quần áo choàng và bịt mắt, tay cầm đuốc. Hậu cảnh u tối - gần như đen kịt. Cử chỉ của người phụ nữ toát lên vẻ uy nghi, và ánh đuốc hắt lên khuôn mặt đầy nguy dị.

“Nó hợp hồn tôi, và gã lịch thiệp đứng cạnh, tay cầm một chai champagne $\frac{1}{4}$ lít (thuốc an thần) cắm cây nến bên trên. Đáp lời tôi, gã nói chính ông Kurtz vẽ bức họa ở trạm này hơn một năm trước, trong khi chờ tàu đến thương điểm của mình. ‘Nói tôi nghe xem,’ tôi bảo, ‘cái ông Kurtz này là ai?’

‘Trạm trưởng Trạm Nội,’ gã đáp cụt lủn rồi nhìn đi chỗ khác. ‘Đa tạ,’ tôi cười nói, ‘và anh là người làm gạch của Trạm Trung tâm. Cái đó ai chả biết,’ Gã im lặng một lúc. ‘Đó là một thiên tài,’ cuối cùng gã nói. ‘Sứ giả của lòng từ bi, khoa học, tiến bộ, và gì nữa có quỹ mới biết. Chúng ta cần,’ đột nhiên gã hùng hồn tuyên bố, ‘để dẫn dắt sự nghiệp được châu Âu giao phó, một trí tuệ siêu việt, tình thương bao la, và toàn tâm toàn ý vì lý tưởng.’ ‘Ai bảo thế?’ Tôi hỏi. ‘Nhiều lắm,’ gã nói. ‘Có người còn viết thành văn; thế là ông ta đến đây, một nhân vật xuất chúng, như ông cần phải biết,’ ‘Sao tôi lại phải biết?’ Tôi ngắt lời, ngạc nhiên thật sự. Gã lờ đi. ‘Phải, hiện nay ông ta phụ trách trạm thành công nhất, năm sau sẽ làm trợ lý giám đốc, thêm hai năm nữa... nhưng tôi dám nói ông thừa biết hai năm nữa ông ta sẽ làm gì. Các ông thuộc nhóm mới - nhóm đạo cao đức trọng. Những người biệt phái ông ta tới đây cũng là người đề cử ông. Thôi, đừng chối. Tôi không nhìn lầm đâu.’ Tôi bưng tỉnh. Các bạn bè có thể lực của dì tôi đã gây nên một tác động bất ngờ với gã thanh niên

này. Suýt nữa tôi phá ra cười. ‘Anh đọc thư tín mật của Công ty hả?’ Tôi hỏi. Gã nín lặng. Trò này vui ra phết. ‘Chừng nào ông Kurtz,’ tôi tiếp, vẻ nghiêm khắc, ‘lên làm Tổng giám đốc, anh sẽ không còn cơ hội nữa đâu,’

“Gã bỗng thối tất nển, và chúng tôi bước ra ngoài. Trăng vừa lên. Những bóng đen lơ lửng đi lại, đổ nước lên đồng tro tàn, làm phát ra tiếng xèo xèo; hơi nước bốc lên dưới ánh băng, tiếng gã da đen bị đánh rên rỉ đâu đây. ‘Thằng mọi ăn hại quá!’ Gã đàn ông không biết mệt với hàng ria mép xuất hiện cạnh chúng tôi nói. ‘Đáng đời lắm. Phạm lỗi - trừng phạt - xong! Tàn nhẫn. Tàn nhẫn. Chỉ có cách ấy. Có thể mới chặn được mọi nguy cơ hỏa hoạn trong tương lai. Tôi vừa bảo ông giám đốc...’ Gã nhận thấy bạn đồng hành của tôi, lập tức tỏ vẻ sàu muộn. ‘Cậu chưa ngủ à,’ gã hỏi, với vẻ xun xoe vồn vã; ‘cũng dễ hiểu thôi. Có nguy hiểm đâm ra bồn chồn,’ Gã biến mất. Tôi đi tiếp ra bờ sông, gã quý tộc theo gót. Một tiếng làm bầm dè bủ vang lên bên tai tôi, ‘Một lũ vô dụng.’ Từ đây, tôi nhìn thấy đám hành hương túm tụm tranh cãi, hoa tay múa chân. Một số vẫn cầm ba toong. Tôi dám chắc họ ôm cây gậy ấy đi ngủ. Ngoài hàng rào, rừng rậm như bóng ma lừng lững dưới băng, và qua tiếng xôn xao bầm đục, qua những âm thanh mơ hồ từ mảnh sân tang thương ấy, sự im lặng của xứ sở này xuyên thấu tận tâm can mỗi người - cái bí hiểm, cái vĩ đại, hiện thực choáng ngợp của sự sống ẩn trong lòng nó. Gã da đen bị thương rên rỉ yếu ớt đâu đây, phát ra một tiếng thở dài sâu thẳm khiến tôi rảo bước bỏ đi. Một bàn tay bỗng xuất hiện dưới cánh tay tôi. ‘Thưa ngài,’ gã nói. ‘Tôi không muốn bị hiểu lầm, nhất là với ngài, người sẽ gặp ông Kurtz rất lâu trước khi tôi có vinh hạnh ấy. Tôi không muốn ông ấy có ấn tượng sai lạc về tính cách của tôi...’

“Tôi để mặc cho gã nói, tên Mephistopheles^[41] giấy bồi này, và cảm thấy nếu thử tôi có thể chọc tay xuyên người gã, và phát hiện ở trong chắc chẳng có gì ngoài ít vụn đất. Gã, các cậu hiểu không, áp ủ trở thành trợ lý cho viên giám đốc đương nhiệm trong tương lai gần, và tôi có thể thấy sự xuất hiện của tay Kurtz này đã mang đến không ít cảm tức cho cả hai. Gã nói liến thoắng, và tôi không định ngăn gã lại. Tôi dựa vai vào con tàu đắm, vừa được kéo lên triền sông như xác một con thủy quái. Mùi bùn, thứ bùn nguyên thủy, lạy Chúa! xộc vào lỗ mũi tôi, cái tĩnh lặng của rừng nguyên sinh cao vút trước mắt tôi; và xen lẫn là những vạt sỏi đen lấp lánh. Ánh trắng trắng một lớp bạc lên vạn vật - lên thảm cỏ, lên lớp bùn, lên bức tường cây ken dày cao hơn tường một ngôi đền, lên con sông vĩ đại mà tôi vẫn nhìn thấy, sau một vùng trống tầm tôi, đang lấp lánh, lấp lánh, mệnh mang tuôn chảy không một tiếng thì thầm. Tất cả đều kỳ vĩ, mong ngóng, câm lặng trong khi gã lải nhải về bản thân. Tôi tự hỏi về tĩnh lặng trên bề mặt của sự hùng vĩ đang theo dõi chúng tôi, có hàm ý khẩn cầu hay đe dọa. Chúng tôi là gì mà lưu lạc tới đây? Chúng tôi có khổng chế nổi vật câm ấy chẳng, hay nó sẽ khổng chế chúng tôi? Sao nó to lớn, to lớn quá chừng, vật không biết nói, mà có thể còn bị điếc ấy. Trong đó có gì? Tôi thấy một ít ngà voi rỉ ra từ đó, và thấy bảo ông Kurtz đang ở đó. Tôi nghe nói về nó đủ lắm rồi - có Chúa chứng giám! Thế nhưng, không hiểu vì sao vẫn chưa có hình ảnh nào về nó cả - nếu có ai bảo tôi trong đó có thiên thần hay ác quỷ thì cũng thế. Tôi tin vào điều đó giống như các cậu tin rằng trên sao Hỏa có người. Có dạo tôi quen một tay làm buồm quê Scotland, luôn quả quyết như đinh đóng cột rằng sao Hỏa có người. Nếu có ai hỏi trông họ ra sao, cư xử thế nào, ông ta sẽ ngượng nghịu lí nhí gì đó về ‘đi bằng cả tứ chi,’ Ai mà hơi cười thôi, ông cụ -

dù đã sáu chục - sẽ thách họ đánh nhau. Tôi sẽ không đi xa đến mức choảng nhau vì Kurtz, nhưng tôi đã gần như nói dối vì y. Các cậu cũng biết tôi khinh ghét, ghê tởm, và không chịu đựng nổi nói dối, chẳng phải vì tôi ngay thẳng hơn ai, mà chỉ bởi nó làm tôi kinh sợ. Từ nói dối toát ra một hơi hướm chết chóc, một mùi vị tử vong - đó chính là thứ tôi khinh ghét và ghê tởm trên thế giới này - thứ tôi muốn quên đi. Nó làm tôi khổ sở và buồn nôn, giống như ăn phải đồ thối rữa. Có lẽ nó thuộc về tính khí. Ờ, tôi đã gần như nói dối khi để gã khờ ấy tin vào bất cứ điều gì gã muốn vẽ ra về ảnh hưởng của tôi ở châu Âu. Trong giây lát, tôi đã trở nên giả tạo không kém gì đám hành hương bị quỷ ám kia. Chỉ vì tôi nghĩ như thế sẽ giúp được tay Kurtz mà khi ấy tôi còn chưa biết mặt - hiểu không? Với tôi y chỉ là một cái tên. Tôi chẳng hiểu gì về y từ cái tên hơn các cậu. Các cậu có hiểu y không? Có hiểu chuyện này không? Có hiểu gì không? Có vẻ tôi đang cố kể lại một giấc mơ - một nỗ lực vô vọng, vì không sự tường thuật nào tái hiện được cơn phản-khích-trong-mơ, sự pha trộn của quái lạ, kinh ngạc, hoang mang giữa cơn chấn động của vấy vùng nổi loạn, được cái ý niệm bị cầm tù bởi sự hoang đường vốn là bản chất của giấc mơ...”

Gã im lặng mất một lúc.

“...Không, chẳng thể nào; chẳng thể nào tái hiện được niềm phản-khích-trong-đời của bất cứ giai đoạn tồn tại nào của mỗi người - điều làm nên sự thật, nên ý nghĩa của nó - cái bản chất vi diệu và thâm thía của nó. Điều ấy là bất khả. Ta sống, cũng như mơ - một mình...”

Gã lại ngừng lời, như đang chiêm nghiệm, rồi thêm...

“Dĩ nhiên, trong chuyện này các cậu thấy nhiều hơn tôi hỏi đó. Các cậu hiểu tôi, vì biết tôi từ trước...”

Trời tối như mực, khiến thính giả gần như không trông thấy nhau nữa. Từ khá lâu gã, ngồi riêng một góc, chỉ còn là một giọng nói không hơn. Chẳng ai nói gì. Những người khác có thể đã thiếp đi, riêng tôi vẫn thức. Tôi lắng nghe, đồng tai lắng nghe một câu, một chữ sẽ đem lại manh mối về nỗi bất an mơ hồ được khơi dậy từ câu chuyện dường như tự định hình không cần môi người, trong không khí ngột ngạt của sông đêm.

“...Phải - tôi để kệ gã lái nhải,” Marlow tiếp tục, và thích nghĩ gì về những thế lực sau lưng tôi tùy thích. Thật vậy! Mà sau lưng tôi chẳng có gì hết! Chẳng có gì ngoại trừ con tàu hơi nước cũ kỹ, rách nát thảm hại mà tôi đang dựa lưng vào, trong khi gã liên tưởng về ‘sự cần thiết phải tiến bộ của mỗi cá nhân’. ‘Và một khi đã ra đến đây, ai cũng ý thức được, không phải là để ngắm trăng.’ Ông Kurtz là một ‘thiên tài toàn năng,’ nhưng kể cả thiên tài cũng sẽ thấy dễ dàng hơn, nếu được làm việc với ‘phương tiện tương xứng - những con người thông minh.’ Gã không làm gạch - vì sao, vì điều kiện kỹ thuật không cho phép - cái này tôi quá biết; nếu gã làm nhiệm vụ do thám cho viên giám đốc thì cũng vì ‘không kẻ khôn ngoan nào thẳng thừng từ chối sự tin cậy của lãnh đạo.’ Tôi có hiểu không? Tôi hiểu chứ. Vậy tôi còn cần gì nữa? Cái tôi cần thực sự là đinh tán, trời ơi! Đinh tán. Để tiếp tục công việc - để bịt lỗ thủng. Đinh tán là cái tôi cần. Miền duyên hải dưới kia có hàng thùng - hàng thùng - chồng chất - chặt căng - nứt toác! Trong cái sân trên triền đồi ấy, đi được hai bước lại đá phải một cái đinh tán nằm lẫn lóc. Đinh tán tụ thành một vạt rừng chết. Có thể chất đầy đinh tán vào túi để cho người

còng xuống nếu thích - song chỗ cần đinh tán thì lại đếch có cái nào. Tám sắt có đây rồi, nhưng chả có gì để siết hết. Trong khi tuần nào người đưa thư, một gã da đen cô độc, cũng từ trạm ra biển. Và vài lần một tuần, một đoàn phu từ biển vào mang theo hàng hóa - thứ vải hoa góm ghiếc đến nỗi nhìn đã rùng mình, hạt cườm giá cỡ một xu một gáo, mớ khăn mùi xoa chấm bi chết tiệt. Và không có đinh tán. Chỉ ba gã phu thò là khuôn đủ số cần thiết để con tàu nổi trở lại.

“Lúc này gã bắt đầu thổ lộ, nhưng có lẽ thái độ hờ hững của tôi rất cục đã khiến gã phát cáu, vì gã thấy cần phải tuyên bố với tôi rằng gã chẳng sợ quỷ thần, đừng nói tới phạm nhân. Tôi đáp cái đó tôi rất hiểu, nhưng cái tôi cần là một cơ sở đinh tán - và đinh tán đích thực là cái ông Kurtz cần, giả thử mà ông ấy biết. Hiện tuần nào cũng có thư đi duyên hải... ‘Ngài ôi,’ gã than thở, ‘tôi chỉ chép lời người khác.’ Tôi vẫn đòi đinh tán. Kiểu gì chả có cách - với người thông minh. Gã liền thay đổi thái độ; trở nên rất lạnh lùng, và bỗng nhiên nói chuyện một con hà mã; và hỏi tôi ngủ lại trên boong như thế (tôi dính với con tàu đắm ngày lẫn đêm) có bị nó quấy rầy không. Một con hà mã già có thói quen xấu là đêm đến hay lên bờ và loanh quanh trong trạm. Đám hành hương xô ra và vớ được khẩu súng nào lại vãi bằng hết đạn về phía nó. Một số còn ngồi rình nó cả đêm. Nhưng đều không ăn thua gì. ‘Con vật này có bùa hộ mệnh,’ gã nói; ‘nhưng cái đó chỉ đúng với lũ súc sinh ở xứ này. Còn không ai - ngài hiểu tôi chứ? - không ai ở đây có bùa hộ mệnh hết,’

“Gã đứng đó trong giây lát, dưới ánh trăng, với cái mũi khoằm thanh tú hơi nghếch, cặp mắt mica lấp lánh không chớp, đoạn, với một lời chúc ngủ ngon cụt lủn, gã sải chân bỏ đi. Có thể thấy gã ức chế và khá hoang mang, điều khiến tôi thêm phần hy vọng so với

những ngày qua. Thật dễ chịu khi đang từ thẳng cha kia được quay lại với người bạn thế lực của tôi - con tàu hơi nước méo mó, ọp ẹp, tan nát, tả tơi. Tôi trầy trật leo lên boong. Nó reo lên dưới chân tôi như một cái hộp thiếc đựng bánh quy Huntley & Palmer lăn lóc nơi ngòi rãnh; chất liệu nó đã không lấy gì làm chắc chắn, ngoại hình cũng chẳng đẹp để gì, nhưng tôi đã đủ vất vả với nó đến mức yêu nó. Không người bạn thế lực nào phục vụ tôi tốt hơn thế. Nó đã cho tôi cơ hội viễn du - và khám phá năng lực bản thân. Không, tôi không thích làm việc. Tôi ưa nằm ườn và nghĩ đến đủ thứ tốt đẹp có thể thành hiện thực. Tôi không thích làm việc - chẳng ai thích hết - nhưng tôi thích cái mà công việc mang lại - cơ hội khám phá bản thân. Bản chất của ta - cho chính ta, không phải cho kẻ khác - cái mà kẻ khác chẳng bao giờ biết. Thiên hạ chỉ thấy vở diễn, và không bao giờ hiểu được ý nghĩa đích thực của nó.

“Tôi không bất ngờ khi thấy có người ngồi trên boong, ở đuôi tàu, chân đong đưa trên bùn. Hãy hiểu rằng tôi ưa đánh bạn với đám thợ máy ở trạm hơn, những đối tượng theo lẽ tự nhiên bị dân hành hương khinh miệt - do tác phong thô lỗ, chắc vậy. Đó là tay đốc công - nguyên là thợ hàn nồi hơi - một người rất thạo việc. Ông ta cao, gầy, mặt vàng, cặp mắt to và sôi nổi. Thần sắc ông đượm vẻ lo âu, mái đầu hói nhẵn như lòng bàn tay tôi; xem ra tóc ông khi rụng xuống đã dính lại ở cằm và sinh sôi nảy nở trên mảnh đất mới này, tạo thành hàm râu dài đến thắt lưng. Ông ta góa vợ, có sáu mụn con (ông gửi cho em gái chăm sóc để tới đây), và niềm đam mê cả đời là chơi chim bồ câu. Ông vừa say mê vừa am hiểu. Lúc nào ông cũng say sưa nói chuyện bồ câu. Hết giờ làm thỉnh thoảng ông lại qua chỗ tôi tâm sự về con cái và bồ câu; lúc làm việc, khi phải lội xuống bùn dưới đáy tàu, ông bèn buộc râu bằng tấm khăn ăn trắng

thừa riêng cho việc này. Cái khăn có lỗ để móc vào tai. Tối đến, người ta lại thấy ông ngồi xổm bên bờ suối, cẩn thận vò tấm bọc râu rồi trịnh trọng hong lên bụi cây cho khô.

“Tôi vỗ lưng ông và hét ‘Sắp có đình tán rồi!’ Ông lão đảo đứng dậy và ngỡ ngàng ‘Hả! Đình tán!’ như không tin vào tai mình. Và ông thì thầm, ‘Cậu... hử?’ Tôi không hiểu tại sao bọn tôi xử sự như hai gã khùng. Tôi đặt ngón tay lên cánh mũi rồi gật đầu bí hiểm. ‘Vây ngon rồi!’ Ông thốt, co một chân, giơ tay lên đầu búng tanh tách. Tôi nhảy điệu jig^[42]. Chúng tôi quay cuồng trên boong. Một tiếng loảng xoảng đáng sợ vang lên từ khối sắt ấy, và rừng già nguyên thủy bên kia suối vọng lại thanh âm ấy, như tiếng sấm rền lan đến khu trạm đang say ngủ. Chắc hẳn nó đã làm mấy gã hành hương giật mình nhòe dậy trong lều. Một bóng người xuất hiện, trên ô cửa sáng đèn ở lều viên giám đốc, biến mất, rồi, độ một giây sau, ô cửa cũng biến mất luôn. Chúng tôi dừng lại, và sự tĩnh lặng bị nhịp chân chúng tôi xua đi lại từ thâm sơn cùng cốc chảy về. Bức tường thảo mộc khổng lồ, một khối xum xuê xoắn xuýt những thân, những cành, những nhánh, những lá, những hoa, bất động dưới trăng như cuộc loạn xâm của sự sống vô thanh, một cơn sóng cây cuộn cuộn, trùng điệp, chất ngất, chực ụp xuống dòng suối, quét sạch sinh mệnh bé nhỏ của tất cả những con người nhỏ bé chúng tôi. Nhưng nó vẫn đứng yên. Một tràng điếc tai tiếng đầm nước và khụt khịt đầy hung mãnh từ xa vọng lại, như thể một con ichthyosaurus^[43] đang tắm ánh lung linh của dòng sông vĩ đại. ‘Nói cho cùng,’ người thợ nòi hơi khề giọng hỏi, ‘sao ta lại không đòi đình tán nhỉ?’ Đúng rồi, sao lại không! Chẳng có lý do nào để không đòi cả. ‘Ba tuần nữa sẽ đến,’ tôi tự tin tuyên bố.

“Nhưng chúng không đến. Thay vào đấy, là một cuộc xâm lăng, một tai ương, một đại họa. Nó đến thành từng tốp trong ba tuần tiếp đó, mỗi tốp do một con lừa chở một người da trắng mặc quần áo mới, đi giày da dẫn đầu, ngắt ngưỡng gặt đầu hết trái lại phải để chào đám hành hương đang kinh ngạc. Một đoàn nhón nháo các phu thò da đen mặt lăm lì, chân phòng rộp nổi gót con lừa; vô số lều, ghé xếp. thùng tôn, va li trắng, kiện hàng nâu sẫm đổ bộ xuống sân, và không khí bí hiểm trùm lên sự nhộn nhạo của khu trạm sẽ nồng đậm thêm đôi chút. Thêm năm tốp nữa xuất hiện, toát ra vẻ kỳ dị của một cuộc tháo chạy tán loạn mang theo của hồi được từ vô số cửa hàng trang bị và hiệu quân nhu, khiến người ta tưởng cả bọn khênh đồ vừa cướp được đào tẩu ra nơi hoang dã để chia chác cho đều. Đó là một mớ lộn xộn rồi tung những vật phẩm vốn dĩ đáng hoàng nhưng bị sự điên rồ của con người biến thành như đồ trộm cắp.

“Đoàn người nhiệt huyết này tự xưng là Đoàn Thám hiểm Eldorado^[44], còn tôi nghĩ họ là một hội kín. Câu chuyện của cả bọn, dù vậy, chẳng khác gì phường hải tặc hạ lưu: liều lĩnh mà không gan dạ, tham lam mà không táo bạo, và tàn độc mà không dũng cảm; chẳng có một mảy may viễn kiến hay dự định nghiêm túc nào trong đầu cả bọn, và dường như chẳng ai ý thức được rằng sự vận hành của thế giới này đòi hỏi những cái đó. Bút sản vật khỏi lòng đất đai là dục vọng của chúng, và động cơ đạo đức đằng sau việc làm ấy cũng chẳng khác gì khi kẻ cắp phá két. Tôi không rõ ai đài thọ chi phí cho cuộc viễn chinh cao quý này; nhưng thủ lĩnh của cả bọn là bác của viên giám đốc.

“Ngoại hình lão như một tay đồ tể xóm nghèo, cặp mắt toát lên vẻ lò dò giả hoạt. Lão khựng khiêng khênh cái bụng mỡ trên đôi chân ngắn ngủn, và, trong thời gian đồng bọn quấy nhiễu khu trạm, chỉ nói chuyện với một mình gã cháu. Cả ngày lúc nào cũng thấy cả hai đi quanh trại, chụm đầu to nhỏ không ngừng.

“Tôi thôi không lo nghĩ chuyện đình tán nữa. Khả năng mơ tưởng điên rồ của con người giới hạn hơn ta tưởng. Tôi bảo ‘Thôi!’ - rồi mặc nó trôi đi. Tôi có nhiều thời gian để suy tưởng, và thỉnh thoảng tôi lại nghĩ đến Kurtz. Tôi không hứng thú với y lắm. Chưa. Tuy nhiên tôi tò mò muốn thấy liệu con người này, kẻ xuất đạo mang theo một hệ giá trị đạo đức nào đó, rốt cục có leo đến đỉnh được hay không, và khi ấy y sẽ điều hành công việc ra sao.

II



“Tôi nọ, khi đang nằm ngửa trên boong, tôi chợt nghe tiếng người tới gần - hóa ra là hai bác cháu nhà kia đang sải bước bên bờ sông. Tôi lại gối đầu lên tay và gần như chìm vào giấc ngủ thì có người nói, có thể gọi là sát bên tai: ‘Tính cháu lành như con nít, nhưng cháu không ưa bị chỉ đạo... Cháu có còn là giám đốc nữa không? Họ ra lệnh cho cháu cử hấn tới đó. Vớ vẩn hết sức,’ Tôi sực hiểu, hai bác cháu đang đứng trên bờ, sát thân tàu, ngay dưới đầu tôi. Tôi không cử động; tôi không nghĩ đến chuyện động đậy: tôi đang buồn ngủ. ‘Đáng ghét thật,’ lão bác làm bầm. ‘Hấn yêu cầu Ban Quản Trị cử đi,’ gã cháu tiếp, ‘để chứng tỏ khả năng của mình; còn cháu được lệnh làm theo. Thế lực của hấn hấn phải gớm lắm. Bác bảo thế có đáng ngại không?’ Cả hai nhất trí như thế thật đáng ngại, rồi đưa ra vài bình luận kỳ quái: ‘Ngửa tay làm mây, lật tay làm mưa - một cá nhân - cả Hội đồng - dất mũi - từng mẩu hội thoại kỳ quái dần dần át cơn buồn ngủ, vì thế nên tôi gần như hoàn toàn tỉnh táo khi lão bác thốt, ‘Biết đâu thời tiết sẽ giúp cháu chấm dứt nỗi lo này. Hấn có một mình à?’ ‘Phải,’ gã giám đốc đáp; ‘hấn cử trợ lý xuôi dòng mang đến cho cháu một lời nhắn, nội

dung thể này: “Hãy tổng cổ gã khốn kiếp ấy về nước, và chớ bận tâm gửi thêm cái ngử đó tới đây nữa. Tôi thà xoay xở một mình còn hơn nhận loại anh có thể thí cho tôi.” Vụ ấy từ hơn một năm trước. Bác có hình dung nổi thái độ hỗn xược ấy không!’ ‘Từ đó còn gì nữa không?’ Lão kia khàn khàn hỏi. ‘Ngà,’ gã cháu giật giọng; ‘nhiều... loại hảo hạng... rất nhiều... thể mới đau chứ.’ ‘Và cùng với đó?’ Giọng trầm khàn hỏi. ‘Hóa đơn,’ câu trả lời được khạc ra. Rồi im lặng. Chúng vừa nói về Kurtz.

“Lúc đó tôi đã tình như sáo, nhưng vẫn ở tư thế hoàn toàn thoải mái, bất động, không có nhu cầu thay đổi thế nằm. ‘Chỗ ngà ấy đến tận đây bằng cách nào?’ Lão già gầm gừ, có vẻ rất bức xúc. Gã cháu giải thích, nó được đội thuyền dưới sự chỉ huy của viên thư ký lai Anh của Kurtz chở đến; ban đầu Kurtz định đích thân áp tải, do trạm lúc đó đã cạn hàng lẫn dự trữ, nhưng sau khi đi được ba trăm dặm thì đột ngột quyết định quay lại trên chiếc xuồng độc mộc, một mình cùng bốn tay chèo, để gã con lai tiếp tục áp tải ngà xuống hạ lưu. Cả hai có vẻ kinh ngạc khi có kẻ hành xử như vậy. Họ không tìm được một động cơ thỏa đáng, về phần mình, tôi dường như đã thấy Kurtz lần đầu tiên. Một hình ảnh thoáng qua nhưng đậm nét: con thuyền độc mộc, bốn tay chèo man dân, người da trắng cô độc, đột nhiên quay lưng lại tổng đàn, lại đồ tiếp tế, và có thể cả ý niệm hồi gia; thẳng tiến về thẳm sâu hoang dã, về dịch trạm hoang lương trống vắng của y. Tôi không biết động cơ của y. Có thể y chẳng qua là một con người tử tế hết lòng vì công việc. Tên y, các cậu hiểu không, chưa được ai nhắc đến lần nào. Y là ‘gã đó,’ Viên thư ký con lai, người, theo chỗ tôi thấy, đã thực hiện hành trình gian nan kia với sự can trường và can trọng, trước sau luôn bị gọi là ‘tên vô lại,’ ‘Tên vô lại’ trình báo rằng ‘gã đó’ ốm rất nặng - chưa hoàn toàn bình

phục... Hai nhân vật bên dưới dờn đi vài bước và đi tới đi lui cách đó không xa. Tôi nghe thấy: ‘Đồn binh... bác sĩ... hai trăm dặm... có mỗi một mình... chậm trễ không tránh khỏi... chín tháng... không tin tức gì... tin đồn kỳ quái.’ Cả hai lại tới gần, vừa đúng lúc viên giám đốc lên tiếng, ‘Không ai, theo chỗ cháu biết, trừ bọn buôn rong - một giống ôn dịch, đi cướp ngà của thổ dân.’ Họ đang nói về ai nhỉ? Tôi lồm bồm đoán ra, hẳn đó là một kẻ ở khu của Kurtz mà tay giám đốc không vừa ý. ‘Chúng ta sẽ chẳng thể chấm dứt tình trạng cạnh tranh không lành mạnh chừng nào ngừ ấy chưa có kẻ bị treo cổ làm gương,’ gã nói. ‘Đúng thế,’ người kia gầm gừ; ‘treo cổ nó lên! Sao lại không? Xứ này có gì là không thể. Chính thế đấy; không ai ở đây, ở đây cháu hiểu không, có thể đe dọa vị thế của cháu. Tại sao? Cháu chịu được khí hậu - cháu sống dai hơn hết thầy. Nguy cơ ở châu Âu kia; nhưng trước khi đi bác đã lo liệu cả rồi..,’ Cả hai ra xa, thì thầm, rồi lại cao giọng. ‘Một loạt những chậm trễ bất thường này đâu phải lỗi của cháu. Cháu đã hết sức rồi,’ Lão béo thở dài. ‘Thật đáng buồn.’ ‘Và sự ngớ ngẩn độc hại trong ngôn từ của hẳn,’ người kia tiếp; ‘hồi ở đây hẳn làm cháu khó chịu ra trò. “Mỗi dịch trạm phải là một ngọn vọng gác, trên con đường hướng tới những cái tốt đẹp hơn, một trung tâm của thương mại, dĩ nhiên, nhưng còn của cả văn minh, tiến bộ, khai sáng”. Bác nghĩ xem... thằng mả mẹ ấy! Hẳn còn muốn làm giám đốc! Mẹ kiếp, thật là...’ Đến đây gã uất nghẹn đi, khiến tôi hơi ngóc đầu lên tí chút. Tôi giật mình nhận ra cả hai đứng rất gần - ngay bên dưới. Tôi chỉ nhở một phát là trúng đầu hai bác cháu. Cả hai cúi nhìn xuống đất, chìm trong suy tính. Viên giám đốc cầm một cành cây con nhíp nhíp vào ống chân: người họ hàng khôn ngoan của gã ngẩng đầu lên. ‘Lần này từ hồi tới đây cháu vẫn khỏe chứ?’ Lão hỏi. Gã giật mình. ‘Ai? Cháu à? Dào! Như có bùa... như

có bùa. Còn bọn khác thì... ôi chao! Ôm sạch. Và chúng chết đến mức cháu không kịp cho đưa chúng rời khỏi đây... thật kinh khủng!’ ‘Hừm. Cứ thế thôi,’ lão bác gầm gừ. ‘Đấy! Cháu ơi, hãy tin ở đây - nghe ta, tin ở đây.’ Tôi thấy lão xòe cái vây ngắn ngắn hình cánh tay và làm một động tác bao quát cả cánh rừng, dòng suối, bãi bùn, con sông - như thể thực hiện, bằng một cử chỉ táo tợn đáng hổ thẹn trước dung nhan nắng chiếu của xứ sở này, một lời khẩn cầu phản trắc hướng tới tử thần đang lờn vờn, tới cái ác ẩn hình và tới cái tăm tối thẳm sâu trong trái tím lục địa. Nó kinh dị đến mức tôi giật mình nhồm dậy, và ngoảnh nhìn ra bìa rừng, như chờ đợi một lời đáp ứng nào đó trước cách thể hiện lòng tin đen tối ấy. Các cậu cũng biết đôi khi đầu ta lại nảy ra những ý tưởng ngốc nghếch. Cái tĩnh lặng cao vời ấy đối diện hai bóng người bằng sự kiên nhẫn đáng sợ, chờ đợi cuộc xâm lăng hoang đường này qua đi.

“Cả hai cùng lớn tiếng chửi thề - thuần túy vì kinh hoàng, tôi nghĩ vậy - và vờ như không biết đến sự tồn tại của tôi, rảo bước quay về trạm. Mặt trời xuống thấp, và cùng sánh vai chúi đầu về trước, trông cả hai như đang lạc lè kéo theo lên đồi hai chiếc bóng kỳ dị dài ngắn khác nhau, lệt sệt sau lưng họ trên mặt cỏ cao mà không đè rạp một nhánh cỏ nào.

“Vài ngày sau, đoàn thám hiểm Eldorado tiến vào vùng hoang dã kiên nhẫn ấy, và nó nuốt chửng họ như biển nuốt chửng thợ lặn. Khá lâu sau có tin rằng bầy lừa đã chết sạch, số phận của những động vật thấp kém hơn ra sao thì tôi không rõ. Bọn chúng, lẽ tất nhiên, như tất cả chúng ta, đều tìm thấy kết cục xứng đáng với mình. Tôi cũng không tìm hiểu. Khi ấy tôi đang hứng thú với khả năng sẽ sớm được gặp Kurtz. Chữ ‘sớm’ ở đây chỉ có tính tương

đổi. Từ khi chúng tôi rời con kênh đến khi cập bờ ở chỗ dẫn lên trạm của Kurtz vừa tròn hai tháng.

“Đi ngược con sông ấy giống như ngược về thuở hồng hoang của thế giới, khi thực vật tung hoành khắp địa cầu và đại thụ là chúa tể. Một dòng chảy trống rỗng, một sự im lặng vĩ đại, và một cánh rừng không thể xuyên qua. Không khí ẩm, đặc, nặng nề, trì trệ. Mặt trời rực rỡ chẳng đem lại chút hân hoan nào. Những chặng thủy lộ dài chạy suốt, giữa hoang vu, vào cái âm trầm của những vùng xa xôi âm ám. Trên bờ cát ánh bạc, hà mã cùng cá sấu chen nhau nằm phơi nắng. Dòng nước rộng dần chảy qua một nhúm đảo nhấp nhô cây; trên con sông ấy, ta cũng bị lạc đường như ngoài sa mạc, và suốt ngày va phải những cồn cát ngầm, khi cố tìm lại luồng nước, cho đến khi nghĩ mình bị ma ám và vĩnh viễn đoạn tuyệt với mọi thứ ta từng quen thuộc... ở đâu đó... rất xa xăm... có lẽ từ kiếp khác. Có những giây phút dĩ vãng trở về, điều đôi khi vẫn xảy ra khi ta không có lấy một giây phút cho bản thân; nhưng nó hiện về trong hình hài một giấc mơ bất an và huyền ảo, mà ta hồi tưởng trong nỗi bàng hoàng giữa thực tại choáng ngợp của thế giới kỳ dị của cây, của nước, và của im lặng này. Và sự tĩnh lặng này của sự sống tuyệt nhiên không giống với hòa bình. Đó là sự tĩnh lặng của một sức mạnh bất khả trấn an đang nuôi dưỡng một ý đồ vô phương đoán định. Nó nhìn ta bằng một diện mạo đầy thù hận. Sau này, tôi đâm quen với nó; tôi không nhìn nó nữa; tôi không có thời gian. Tôi liên tục phải phán đoán luồng lạch; tôi phải phát hiện, chủ yếu bằng linh cảm, dấu hiệu của các doi cát ẩn; tôi phải đề phòng đá ngầm; tôi học cách khôn ngoan nghiêng rặng trước khi tim vọt ra ngoài mỗi lần may phúc quệt qua một khúc cây già hiểm độc dư sức tước đoạt sinh mệnh của con tàu hơi nước ọp ẹp và nhấn chìm mọi kẻ lữ hành; tôi

phải không ngừng lũng sục dấu vết củi khô, để tối đến chặt sẵn làm nhiên liệu cho hôm sau. Khi phải lo lắng những chuyện đó, những sự vụ bề nổi ấy, thực tại... thực tại, các cậu hiểu không - nhòa đi. Sự thật bên trong bị ẩn đi... may thay, may thay. Nhưng tôi vẫn cảm thấy nó; tôi vẫn hay cảm thấy sự tĩnh lặng bí hiểm ấy đang dõi theo những trò ranh vặt của tôi, cũng như nó vẫn xem các cậu diễn trò thăng bằng trên sợi dây của mỗi người, để đổi lấy... bao nhiêu hả? Năm xu một cú ngã...”

“Lịch sự tí đề, Marlow,” ai đó gầm gừ, và tôi biết ngoài tôi có ít nhất một thánh giả còn đang thức.

“Anh em đại xá cho. Tôi quên mất cảm giác thót tim làm nên phần còn lại của tiền vé. Mà nói thật, tiền nong có sá gì, nếu trò xiếc diễn hay? Các cậu ai cũng diễn giỏi. Còn tôi cũng không tệ, vì tôi không làm đắm tàu trong chuyến đi đầu tiên. Đến giờ tôi vẫn còn kinh ngạc. Thử tưởng tượng một người bịt mắt phải lái xe trên đường xấu. Chẳng giấu gì các cậu, tôi run rẩy toát mồ hôi ra trò đấy. Rốt cục, với người đi biển, làm quệt đáy con tàu đáng lẽ phải luôn nổi dưới quyền anh là một tội lỗi bất khả dung tha. Có thể không ai hay biết, nhưng ta sao mà quên được cái tiếng khục ấy, hả? Một cú đắm thắt tim. Ta ghi nhớ nó, ta nằm mơ thấy nó, ta bừng tỉnh trong đêm nghĩ về nó - tận nhiều năm sau - và nóng bừng lạnh toát cả người. Tôi chẳng dám vờ là con tàu lúc nào cũng nổi. Đã hơn một lần nó phải lội qua chỗ cạn, trong khi hai mươi tên ăn thịt người bì bõm lội nước và đẩy thuyền. Chúng tôi tuyển mộ đám này dọc đường. Một bọn rất khá, đám ăn thịt người này. Chúng rất được việc, và tôi thật sự biết ơn chúng. Và, xét cho cùng, chúng không ăn thịt nhau trước mặt tôi: chúng đem theo thịt hà mã làm lương khô,

nó thiu và khiến sự bí hiểm của nơi hoang dã bốc lên mùi thối trong mũi tôi. Phì! Đến giờ tôi vẫn ngửi thấy cái mùi ấy. Trên boong có viên giám đốc cùng ba bốn gã hành hương cầm dùi cui - đủ bộ. Đôi khi chúng tôi bắt gặp một trạm ven sông, như bám víu lấy gấu váy của xứ sở xa lạ này, và đám da trắng từ một túp lều xập xệ ào ra, hoa chân múa tay với vẻ hoan hỉ ngạc nhiên và mừng rỡ cực độ, toát ra vẻ rất kỳ quái - như thể họ bị một câu thần chú cầm tù ở đó. Chũr ngà voi sẽ ngân nga trong không khí một lúc - trước khi bọn tôi quay về với im lặng, men theo từng đoạn sông trống vắng, vòng qua từng khúc quanh tĩnh lặng, giữa hai bức tường cao chạy dọc thủy đạo ngoằn ngoèo này, vang vọng thành từng thanh âm trống rỗng nhịp quạt nước trầm đục của bánh xe chèo. Cây, cây, hàng triệu gốc cây, đồ sộ, hùng vĩ, cao chót vót; và dưới chân chúng, men theo bờ sông, ì ạch bơi ngược dòng, là con tàu hơi nước nhỏ bé lem luốc, như một con bọ cánh cứng bậm bạch bò giữa hai hàng cột chất ngất. Nó khiến ta cảm thấy thật nhỏ bé, thật lạc lõng, nhưng cảm giác ấy lại không hoàn toàn trầm uất. Vì nói cho cùng, dù ta có nhỏ bé, con bọ nhem nhuốc kia vẫn bò tới - đúng điều ta mong muốn. Đám hành hương kỳ vọng nó bò đi đâu, tôi không rõ. Đến chỗ chúng có thể kiểm soát chút gì, tôi cá vậy! Với tôi nó bò về phía Kurtz - riêng mình Kurtz; song khi đường ống dẫn hơi bắt đầu rò thì chúng tôi bò rất chậm. Từng khúc sông rộng mở ra trước mắt rồi khép lại sau lưng, như thể rừng già từ tốn bước ra giữa dòng để chặn đường quay lại của chúng tôi. Chúng tôi thâm nhập ngày một sâu hơn vào giữa lòng tăm tối. Chốn ấy cực kỳ im lặng. Về đêm, đôi khi tiếng trống rền sau bức rèm cây sẽ lan tới dòng sông và lưỡng vương ở đó, như lưỡng lự trong không trung trên đầu chúng tôi, tới khi bình minh ló dạng. Nó hàm ý chiến tranh, hòa bình, hay cầu nguyện,

chúng tôi không biết. Một sự tĩnh lặng buốt giá buông xuống báo hiệu ban mai; tốp phu đồn củi đã ngủ, đồng lửa của họ cháy liu liu; tiếng một cành khô gãy rắc khiến ta trỗi dậy. Chúng tôi kiệt quệ giữa một trái đất tiền sử, một trái đất mang diện mạo một tinh cầu xa lạ. Chúng tôi có thể hình dung mình là kẻ đầu tiên bắt gặp một di sản bị nguyên rửa, cái giá phải trả để chiếm hữu nó là bi thống sâu xa và lao khổ cực cùng. Nhưng bỗng nhiên, khi đang khổ sở vượt một khúc quanh, sẽ thấp thoáng hiện ra những bức tường bắc, những mái cỏ chóp nhọn, một tràng gào rú, một cơn lốc tứ chi đen trũi, và một trận vỗ tay, giậm chân, trợn mắt, lắc lư người, dưới vòm lá trĩu nặng và bất động. Con tàu ị ạch chậm chạp bơi đi, ven cơn điên loạn màu đen vô phương lý giải ấy. Người tiền sử đang nguyên rửa, đang cầu chúc, đang hoan nghênh chúng tôi - ai biết được? Chúng tôi bị đoạn tuyệt với khả năng tri nhận môi trường xung quanh; chúng tôi lướt qua như những bóng ma, hoang mang và ngấm ngấm kinh hãi, phản ứng tự nhiên của người tỉnh táo trước cơn võ trại tượng bừng ở một nhà thương điên. Chúng tôi không hiểu được bởi đã cách quá xa và không còn nhớ nữa, bởi chúng tôi đang đi trong đêm trường sơ cổ, những thời đại đã qua, hầu như chẳng để lại dấu tích gì... và không chút ký ức nào.

“Thế giới ấy toát lên vẻ phi trần thế. Chúng ta đã quen với hình hài xiềng xích của con quái vật bị thuần phục, nhưng ở đó - ở đó, ta bắt gặp một sinh thể quái đản và tự do. Nó phi trần thế, còn đám người kia thì - Không, họ không phi nhân. Hà, các cậu biết đấy, cái đó mới là khốn nạn nhất - nổi hoài nghi rằng họ không phi nhân. Nó từ từ xuất hiện trong ta. Họ hú hét, nhảy nhót, xoay vòng vòng, và làm vẻ mặt kinh dị; nhưng điều khiến ta kinh sợ lại là ý nghĩ về nhân tính của họ - như của ta - ý nghĩ rằng ta có họ hàng xa với cơn điên

loạn hoang dại và cuồng nhiệt ấy. xấu xí. Nó xấu xí, rõ rồi; nhưng ai đủ can đảm sẽ thừa nhận rằng, trong ta có phản ứng tuy rất nhạt nhòa với sự chất phác kinh khủng của thanh âm ấy, một nỗi hoài nghi mơ hồ rằng nó hàm chứa một ý nghĩa mà ta - dù đã cách rất xa đêm trường sơ cổ của nhân loại - có thể hiểu được. Và sao lại không? Mọi thứ đều khả thi với trí não con người - bởi nó chứa đựng hết thảy, cả quá khứ lẫn tương lai. Rốt cục trong đó có gì? Bi, hoan, kinh, nộ, dũng khí, sự sùng kính - ai biết được? - nhưng sự thật thì chắc chắn - sự thật được tước bỏ lớp áo thời gian. Mặc cho kẻ khờ rùng mình há miệng - con người biết, và có thể quan sát không chớp mắt. Nhưng chỉ ít y phải có dũng khí như những kẻ trên bờ. Y phải đối diện sự thật ấy bằng cái thật trong bản thân mình - bằng sức mạnh nội sinh của y. Đạo lý ư? Đạo lý chẳng để làm gì. Ngoại thân chi vật, y phục, lớp giẻ hào nhoáng - tất cả sẽ rơi rụng ngay khi ta rũ mạnh. Không; ta cần một niềm tin xác quyết. Một tiếng vẫy gọi tôi giữa cơn ma loạn ấy - có không? Đã đành; tôi có nghe; tôi thừa nhận, nhưng trong tôi cũng có một giọng nói, và xấu tốt gì thì đó vẫn là một tiếng nói không thể bị bắt câm nín. Tất nhiên kẻ khờ, vì hèn nhát và tư tưởng đúng đắn, luôn được an toàn. Ai làm bầm dấy? Cậu thắc mắc vì sao tôi không lên bờ hú hét nhảy múa à? À, không - tôi không làm thế. Cậu bảo tư tưởng đúng đắn à? Đúng đắn mẹ gì! Tôi làm gì có thời gian. Tôi phải đánh vật với chì trắng^[45] và những cuộn chần len để bịt lỗ rò. Tôi phải giám sát việc lái tàu, vòng tránh củi dạt, và giữ cho cái hộp thiếc ấy tiếp tục hành trình bằng mọi giá. Sự thật bề mặt trong những điều này đủ để cứu rỗi một kẻ khôn ngoan hơn. Thỉnh thoảng tôi còn phải canh chừng gã mọi đốt lò^[46]. Gã là một mẫu vật tiến bộ; biết cách đốt lò đúng. Gã ở ngay dưới tôi, và, thật chứ, quan sát gã cũng khai sáng như xem

cảnh chó đóng vai người - mặc quần bó, đội mũ lông và đi bằng hai chân sau. Mấy tháng huấn luyện đã cải tạo hoàn toàn anh chàng xuất chúng ấy. Gã nheo mắt soi đồng hồ áp suất và đồng hồ đo mức nước với một nỗ lực rõ rệt của lòng can đảm, gã lại còn mài răng, thẳng cha tội nghiệp, mái tóc xoắn tít cạo thành hoa văn kỳ quái, mỗi má có ba vết sẹo trang trí^[47]. Thay vì đứng trên bờ, vỗ tay giậm chân, thì gã lại nai lưng làm việc ở đây, nô lệ cho tà thuật phương xa, đầu đầy tri thức tiến bộ. Gã hữu dụng bởi gã đã được chỉ bảo; và điều gã học được là - nếu nước trong thứ trong suốt kia biến mất, cơn khát kinh hồn của con quỷ trong nôi hơi sẽ khiến nó nổi trận lôi đình và giáng xuống một đòn thù khủng khiếp. Thế nên gã đổ mồ hôi đốt lửa và theo dõi mặt kính lòng đầy khiếp sợ (với một lá bùa tự chế bằng vải vụn, buộc quanh cánh tay, và một mảnh xương mài nhẵn bằng mặt đồng hồ đeo tay gài ngang môi dưới), trong khi hai bờ sông cây phủ chầm chậm trôi qua chúng tôi, thanh âm cụt lủn kia bị bỏ lại sau, những dặm dài bất tận của sự im lặng - còn chúng tôi tiếp tục trườn đi, về phía Kurtz. Nhưng củi dạt dày đặc, nước nông và đầy bất trắc, trong nôi hơi xem ra quả thật có một con quỷ cáu kỉnh bên trong, thành thử cả gã thợ đốt lò lẫn tôi đều không có thời gian soi vào những suy nghĩ đáng sợ của chính mình.

“Cách Trạm Nội khoảng năm mươi dặm^[48] chúng tôi bắt gặp một túp lều tranh, một cây cột xiêu vẹo và ủ rũ, phát phơ mấy mẩu vải rách của thứ mà không ai nhận ra nổi đã từng là một lá cờ bay phấp phới, và một đống củi xếp chẵn chu. Điều đó hết sức bất ngờ. Chúng tôi lên bờ, và thấy trên đống củi một tấm ván viết bút chì đã phai màu. Giải mã ra nó viết: ‘Củi cho các anh. Nhanh lên. cẩn trọng khi tiếp cận,’ Thư có chữ ký nhưng không đọc nổi - không phải Kurtz - một chữ dài hơn nhiều. Nhanh lên. Đi đâu? Ngược dòng? ‘Thận

trọng khi tiếp cận,’ Trước giờ chúng tôi đã không làm vậy. Nhưng lời cảnh báo này hẳn không phải dành cho nơi người ta chỉ có thể tìm thấy nó sau khi tiếp cận. Trên kia có gì không ổn. Nhưng cái gì - và đến mức nào? Đó mới là vấn đề. Chúng tôi bình luận tiêu cực về sự tối nghĩa trong thứ văn phong điện tín kia. Bụi rậm vây quanh không hé lộ điều gì, và cũng không cho chúng tôi nhìn đi quá xa. Một tấm rèm rách bằng vài chéo go đở lơ lửng trước cửa lều, buồn bã phát vào mặt chúng tôi. Nội thất đã bị tháo dỡ; nhưng có thể thấy có một người da trắng sống ở đây cách đó chưa lâu. Vẫn còn một chiếc bàn thô - một phiến gỗ đặt trên hai cây cột; một đồng rác trong xó tối, và cạnh cửa tôi nhặt được một cuốn sách. Nó đã mất bìa, các trang sách bị giở quá nhiều trở nên mềm oặt và cực kỳ lem luốc; nhưng gáy đã được khâu lại bằng chỉ trắng rất dễ thương và nhìn vẫn còn sạch sẽ. Đó quả là một phát hiện bất ngờ. Cuốn sách nhan đề *Vài tìm hiểu về Nghề đi biển*, tác giả là Towser hay Townson gì đó, Sĩ quan hải hành^[49] thuộc Hải quân Hoàng gia. Nội dung đọc chán ngấy, với hình vẽ minh họa và bảng biểu nhìn phát gớm, và cuốn sách tuổi đời đã sáu mươi năm. Tôi nâng niu cỗ vật phi thường ấy hết sức nhẹ nhàng, chỉ sợ nó tan rã ngay trên tay mình. Bên trong, Towson hay Towser nhiệt thành tìm hiểu tính biến dạng đứt gãy của xích và dây buồm cùng các vấn đề tương tự. Không hấp dẫn gì cho lắm; nhưng chỉ cần liếc qua ta đã thấy tính nhất quán về mục đích, mối quan tâm chân thành đến phương cách làm việc đúng đắn, điều khiến những trang sách khiêm nhường ấy, được thai nghén từ rất nhiều năm trước, lung linh một thứ ánh sáng khác hơn là đức chuyên nghiệp đơn thuần. Người thủy thủ già chất phác, bằng câu chuyện về xích và ròng rọc, khiến tôi quên đi rừng già và đám hành hương trong nỗi xúc cảm hân hoan vì bắt gặp một thứ gì

đó thật đến mức không thể nhầm được. Bản thân việc một cuốn sách xuất hiện ở đây đã kỳ diệu lắm rồi; nhưng đáng kinh ngạc hơn lại là những dòng ghi chú bằng bút chì ở bên lề, hoàn toàn đề cập đến nội dung cuốn sách. Tôi không tin vào mắt mình! Chúng được mã hóa! Phải, nhìn y như mật mã. Thử tưởng tượng có kẻ đem theo cuốn sách nhan đề như vậy, đến nơi khỉ ho cò gáy này để nghiên cứu - và ghi chép - lại còn dưới dạng mật mã! Bí hiểm đến cùng cực.

“Tôi đã mơ hồ cảm thấy từ trước một âm thanh đáng lo ngại, tới khi ngẩng lên tôi thấy đồng củi đã biến mất, còn viên giám đốc, được cả đám hành hương trợ giúp, đang hét gọi tôi từ bờ sông. Tôi nhét cuốn sách vào túi. Cam đoan với các cậu rằng đứt mạch đọc ở đây chẳng khác gì rút tôi ra khỏi tổ ấm của một tình bằng hữu lâu dài và bền vững.

“Tôi khởi động trước cỗ máy tạm tịt. ‘Đây chắc là thằng cha thương lái khốn nạn - kẻ xâm phạm,’ viên giám đốc cảm thán và ném một ánh nhìn độc địa lại nơi chúng tôi vừa rời đi. ‘Chắc hẳn là người Anh,’ tôi nói. ‘Điều đó cũng chẳng giúp hấn tránh được tai vạ nếu không cẩn thận,’ tay giám đốc âm hiểm lầm bầm. Tôi nhận xét với vẻ ngây thơ vờ vĩnh rằng trên đời này tai vạ có chữa ai đâu.

“Nước chảy càng lúc càng xiết, con tàu xem ra đã kiệt sức, bánh xe chèo lộp phộp đầy uể oải, và tôi thấy mình rón rén lắng nghe mỗi nhịp đập kế tiếp của con tàu, vì thực lòng tôi chờ đợi cỗ máy khốn khổ ấy gục ngã bất kỳ lúc nào. Nó như thể quan sát tro tàn le lói của sự sống. Nhưng chúng tôi vẫn bò tiếp. Đôi khi, tôi chọn ra một gốc cây phía trước không xa làm mốc đo tiến độ đến chỗ Kurtz, nhưng

tôi luôn lạc mất nó trước khi tàu đến nơi. Dán mắt vào một vật lâu thế vượt quá giới hạn kiên nhẫn của con người. Viên giám đốc thể hiện một vẻ nhẫn nhục nhìn sững cả mắt. Tôi bồn chồn khắp khởi và tự tranh luận với bản thân xem có nên nói chuyện cởi mở với Kurtz; nhưng trước khi kịp đi đến bất cứ kết luận gì tôi lại nhận ra, mở lời hay im lặng, kỳ thực bất cứ hành động nào của tôi, cũng chỉ là vô nghĩa. Chuyện ai biết hay không thì có ý nghĩa gì? Chuyện ai làm giám đốc thì có ý nghĩa gì? Đôi khi ta bỗng nhiên bừng ngộ như thế đấy. Bản chất của việc này nằm sâu dưới bề mặt, ngoài tầm với, và ngoài khả năng can thiệp của tôi.

“Đến tối ngày thứ hai chúng tôi ước tính mình còn cách trạm của Kurtz chừng tám dặm. Tôi muốn dẫn tới; nhưng viên giám đốc mặt lăm lì, và nói lộ trình phía trước rất nguy hiểm, trong khi mặt trời đã sắp lặn, nên tốt nhất là đợi tới sáng hôm sau. Ngoài ra, gã lập luận, nếu lời cảnh báo cần thận trọng khi tiếp cận là đáng tin cậy, thì chúng tôi phải tiếp cận vào ban ngày chứ không phải lúc chạng vạng, hay khi trời tối. Lập luận của gã cũng hợp lý. Tám dặm tức là gần ba tiếng đi tàu, và tôi cũng có thể thấy những gợn nước đầy bất trắc phía trên quãng sông trước mặt. Dù vậy, sự chậm trễ ấy vẫn khơi dậy trong tôi một nỗi bức bối khôn tả, và gần như phi lý, bởi thêm một đêm chẳng nghĩa lý khi đã đi gần ấy tháng. Bởi còn nhiều củi, và châm ngôn là thận trọng, tôi cho cập bờ ở giữa dòng. Quãng sông này hẹp, thẳng, bờ dốc như hào đường sắt. Bóng tối tràn đến từ lâu trước khi mặt trời lặn. Nước chảy rất êm và xiết, nhưng trên bờ là một sự bất động đờ đẫn. Những rặng cây sống, bị dây leo và đám cây bụi ở tầng thấp bó xiết lại với nhau, dường như đã hóa đá, từ cành cây mảnh mai nhất đến chiếc lá mỏng manh nhất. Chúng không ngủ - mà lâm vào một trạng thái phi tự nhiên, như thể hôn

mê. Chúng tôi tuyệt không nghe thấy âm thanh nào, dù mơ hồ nhất. Ta thần thờ quan sát, và bắt đầu hoài nghi: hay mình bị điếc - thế rồi màn đêm bất ngờ ập xuống, làm ta mù luôn. Độ ba giờ sáng, một con cá to nhảy lên, và tiếng nước tồm làm tôi giật nảy mình như nghe thấy tiếng súng. Mặt trời lên cùng với một màn sương trắng, rất ẩm và ẩm ướt, mịn mù còn hơn cả bóng đêm. Nó không dịch chuyển; mà cứ ở yên đó, vây quanh ta như một thứ hữu hình. Độ tám, chín giờ nó lật lên như một tấm cửa chớp. Chúng tôi thoáng thấy vô vàn chất ngất thân cây, trùng trùng điệp điệp rừng già, và lơ lửng bên trên là trái cầu mặt trời đỏ rực - tất cả đều bất động tuyệt đối - thế rồi tấm cửa chớp trắng kia lại sập xuống, êm ru như trượt trong rãnh bôi dầu. Tôi ra lệnh thả sợi xích neo vừa được kéo lên trở lại. Trước khi nó ngừng tuột xuống trong tiếng lạch xạch tắc nghẹt, một tiếng hú, một tiếng hú rất lớn, như thổi từ một nỗi cô liêu bất tận, chậm chậm vang vọng giữa không gian mờ đục. Rồi lịm tắt. Một tràng hét la rền rì, được điều tiết trong nhịp hỗn loạn man dại, tràn ngập tai chúng tôi. Nỗi bất ngờ tột độ khua tóc tôi dựng đứng dưới

vành mũ. Tôi không rõ người khác cảm giác thế nào, nhưng với tôi, hình như chính màn sương vừa thét lên, đột ngột, và rõ ràng là cơn om sòm náo động và bi thương ấy đồng thời trỗi dậy từ mọi hướng. Nó tích tụ rồi cấp tập bùng phát thành một tràng rú rít cực độ gần như không ai chịu nổi, và bất ngờ chấm dứt, để lại chúng tôi chờ người với đủ kiểu biểu cảm ngớ ngẩn, và ương ngạnh lắng nghe sự im lặng cũng kinh hoàng và cực độ không kém. 'Lạy Chúa! Cái đó nghĩa là s..,' một gã hành hương búi lấy khuỷu tay tôi lấp bắp, - một gã béo lùn tóc hung, ria đỏ, đi ủng, pyjama hồng nhét vào bít tất. Hai gã khác há hốc mồm cả phút, xộc vào cabin rồi chạy xỏ ra ngay, tay lăm lăm khẩu Winchester và dớn dác nhìn quanh. Tất cả những gì

chúng tôi nhìn thấy là con tàu của mình, đường viền của nó nhòa đi như đang tan rã, và một dải nước mù sương rộng chừng nửa mét quanh nó - thế là hết. Đối với thị giác và thính giác của chúng tôi, phần còn lại của thế giới đã chìm vào hư không. Chỉ hư không. Tan đi, tiêu biến; bị quét sạch không để lại một tiếng thì thầm hay một chiếc bóng.

“Tôi bước lên, ra lệnh kéo xích lên nửa chừng, để sẵn sàng gỡ neo và cho tàu chạy ngay nếu cần. ‘Chúng có tấn công không?’ một giọng nói khiếp sợ thì thầm. ‘Sương mù thế này thì chúng sẽ làm thịt chúng ta,’ một giọng khác lầm rầm. Những khuôn mặt méo mó vì căng thẳng, những bàn tay run lẩy bẩy, những đôi mắt quên không chớp. Thật kỳ lạ khi chứng kiến nét tương phản trong biểu cảm giữa đám da trắng và dân da đen trong thủy thủ đoàn, những kẻ cũng xa lạ với đoạn sông này không khác gì chúng tôi, dẫu quê họ chỉ cách đây tám trăm dặm. Đám da trắng, ngoài vẻ hoang mang tất yếu, tỏ ra choáng váng cực độ hức cơn não động dữ dội nhường ấy. Tụi da đen có vẻ cảnh giác và hiếu kỳ tự nhiên; khuôn mặt họ về bản chất là im lặng, kể cả một, hai gã nhe răng cười khi kéo xích neo. Vài gã trao đổi mấy lời ngắn gọn, cụt lủn, có vẻ thỏa mãn vì đã giải quyết xong vấn đề. Trưởng toán, một gã da đen trẻ, ngực nở, người quần tuyền vải thô viền xanh tím than, mũi dữ dằn, tóc tết điệu đà thành những vòng xoắn ốc bóng dầu, đứng cạnh tôi. ‘Aha!’ tôi nói, chủ yếu để tạo không khí thân mật. ‘Bắt nổ,’ gã thốt, mắt trợn đỏ ngầu, hàm răng sắc nhọn lóe lên - ‘bắt nổ. Giao cho bọn tui,’ ‘Cho tụi mày, hả’ tôi hỏi; ‘để làm gì?’ ‘Ăn nổ!’ gã đáp, cụt ngắn, tì khuỷu tay lên lan can và nhìn vào màn sương với thái độ nghiêm trang và thâm trầm suy tưởng. Đáng lẽ tôi cũng đã kinh hãi ra trò, nếu không nhớ ra gã và đồng bọn hẳn đang đói lắm: chắc rằng trong ít nhất

một tháng qua cả bọn ngày càng đói hơn. Họ theo tàu đã được sáu tháng (tôi không nghĩ có ai trong bọn có khái niệm gì rõ ràng về thời gian, như chúng ta rất cục đã có, sau vô vàn thế hệ. Họ vẫn thuộc về buổi bình minh của thời gian - nghĩa là không được thừa kế kinh nghiệm gì để dạy dỗ bản thân), và tất nhiên, miễn là có một mảnh giấy soạn theo một đạo luật lồ bịch nào đó được ban hành dưới hạ lưu, chẳng ai buồn quan tâm tới chuyện họ sống sót ra sao. Họ quả tình có mang theo một mớ thịt hà mã ôi, nhưng cũng chẳng kéo dài được bao lâu, kể cả nếu đám hành hương có không, trong một trận rùm beng náo loạn, ném một phần đáng kể xuống sông. Thoạt nhìn đây có vẻ là một hành vi độc đoán; nhưng kỳ thực là một trường hợp tự vệ chính đáng. Anh không thể vừa hít thở mùi hà mã chết cả lúc thức, lúc ngủ, lúc ăn, vừa duy trì nhận thức chông chênh về sự sinh tồn được. Ngoài ra, họ được cấp mỗi tuần ba đoạn dây đồng, mỗi đoạn dài hơn một gang tay; trên lý thuyết họ sẽ dùng loại tiền này mua đồ tiếp tế từ các làng ven sông. Các cậu thấy kết quả thế nào rồi. Hoặc là không có làng, hoặc dân làng rất thù địch, hoặc là viên giám đốc, kẻ cũng chén đồ hộp như tất cả bọn ta, thi thoảng 'cải thiện' bằng một con dê đực già, không muốn dừng tàu vì một lý do ít nhiều mù mịt. Thành thử trừ phi họ ăn sống mớ dây đồng, hay thất thành thông lọng bắt cá, tôi không thấy khoản lương xa xỉ ấy có ích gì cho họ. Nhưng phải nói rằng tiền lương được thanh toán với sự đều đặn xứng tầm của một thương hăng lớn và uy tín. Với đám còn lại, thứ duy nhất để ăn - mặc dù nhìn chẳng có vẻ gì là ăn được - tôi thấy họ mang theo là mấy đùm gì đó, giống như bột nhào, màu tím lợt lem luốc, họ gói trong lá chuối^[50], thỉnh thoảng lại nhấm nháp một miếng, nhưng miếng nhỏ đến mức có vẻ chỉ mang tính tượng trưng hơn là vì mục đích nghiêm túc là duy trì sự sống. Thề có tất cả

lũ quỷ đói trên đời, việc họ không nhảy xổ vào chúng tôi - ba mươi so với năm - và chén một bữa thỏa thuê, đến giờ vẫn làm tôi kinh ngạc mỗi lần nghĩ lại. Bọn họ toàn người lực lưỡng, chẳng có mấy năng lực cân nhắc hậu quả, hãy còn dũng khí, còn sức khỏe, dù da không còn bóng và cơ bắp chẳng còn săn chắc. Và tôi thấy có sự kiềm chế nào đó, một trong những bí ẩn ở con người khiến toán xác suất phải hoang mang, đã đóng vai trò ở đây. Tôi nhìn họ với niềm hứng thú gia tăng mau chóng - không phải do tôi chợt nghĩ rằng khéo chẳng bao lâu nữa mình sẽ thành miếng ăn của họ, mặc dù phải thừa nhận là lúc này tôi chợt nhận thấy - tạm gọi là, dưới ánh sáng mới - đám hành hương mới 'độc hại' làm sao, và tôi hy vọng, phải, tôi thực lòng hy vọng, mã ngoài mình không đến nỗi - nói sao nhỉ? - kém hấp dẫn khẩu vị như thế: một cơn phù phiếm hoang đường rất phù hợp với cảm-giác-trong- mơ luôn thường trực trong tôi suốt những ngày ấy. Có lẽ tôi còn hơi gai gai sốt. Chẳng ai chăm chăm tự bắt mạch từ sáng đến tối được. Tôi thường thấy 'gai gai sốt,' hay lên một cơn gì đó - những đòn tát yêu đùa giỡn của hoang dã, những cột nhả ban đầu trước khi cuộc mãnh kích đáng sợ hơn ập tới. Phải; tôi nhìn họ như các cậu nhìn bất cứ con người nào, với nỗi tò mò về nỗi thôi thúc, động cơ, năng lực, điểm yếu của họ, khi đứng trước khảo nghiệm của một nhu cầu thể chất không thể xoa dịu. Kiềm chế! Cái gì đủ sức kiềm chế? Là mê tín, ghê tởm, kiên nhẫn, sợ hãi - hay một dạng thức tự trọng nguyên thủy nào đó? Không sợ hãi nào thắng nỗi cơn đói, không kiên nhẫn nào nguôi được nó, và ở đâu có cơn đói, ghê tởm đơn giản là không tồn tại; còn về phần đức tin, mê tín, các thứ nguyên tắc, mấy cái đó chỉ như gió thoảng mây bay. Có ai biết ma tính của cơn đói dai dẳng, sự giày vò sôi sục của nó, những ý nghĩ đen tối của nó, cơn hung bạo thâm

trầm âm ám của nó chưa? Tôi thì có. Muốn kháng cự cái đói đòi hỏi người ta phải vận hết nội lực bình sinh. Đói mặt với tang tóc, với ô nhục, sự sa đọa của linh hồn, nói thật là dễ dàng hơn với cái đói triền miên kiểu này. Buồn, nhưng thật. Và các anh bạn này, họ chẳng có lý do trần thế nào để phải ngại ngùng. Kiểm chế! Tôi lập tức liên tưởng tới sự kiểm chế của một con linh cẩu đang sục sạo xác chết trên chiến địa. Nhưng còn thực tế ở trước mắt tôi - thực tế sững sờ, hiển hiện, như bọt sóng trên biển khơi sâu thẳm, như gợn sóng trên một câu đố bí hiểm khó dò, một bí ẩn - mỗi khi tôi nghĩ đến - còn lớn lao hơn âm sắc bi thương tuyệt vọng khó bề lý giải trong cơn huyên não man di vừa ào đến chúng tôi từ bờ sông, phía sau màn sương trắng mù lòa nọ.

“Hai gã hành hương đang hấp tấp thì thềm tranh cãi xem là bờ nào. ‘Trái,’ ‘Không, không; sao lại thế? Tất nhiên là phải, phải.’ ‘Tình hình rất nghiêm trọng,’ giọng nói của tay giám đốc cất lên sau lưng tôi; ‘Tôi sẽ rất đau buồn nếu ông Kurtz có mệnh hệ gì trước khi chúng ta đến nơi,’ Tôi nhìn gã, và không chút nghi ngờ nào rằng gã nói thật. Gã đích thị là mẫu người coi trọng thể diện. Đây là sự kiểm chế của gã. Có điều khi gã lí nhí gì đó về chuyện lên đường ngay, tôi chẳng buồn đáp lời. Tôi biết, và gã biết, điều này là không thể. Neo thuyền chỉ cần rời khỏi đáy sông, chắc chắn chúng tôi sẽ lơ lửng giữa không trung. Chúng tôi sẽ không biết mình đang đi đâu - ngược hay xuôi dòng, hay đi ngang - cho đến khi chạm một trong hai bờ... và đầu tiên chúng tôi cũng sẽ chẳng biết đó là bờ nào. Tất nhiên tôi chẳng có động thái gì. Tôi chẳng có lòng dạ nào gây ra tai nạn. Không ai hình dung nổi địa điểm nào chết chóc hơn cho một vụ đắm tàu. Dù có chìm ngay không, chắc chắn chúng tôi kiểu gì cũng sẽ tiêu ma nhanh chóng. ‘Tôi lệnh cho anh chấp nhận mọi rủi ro,’ gã

thốt, sau một thoáng im lặng. ‘Còn tôi kiên quyết từ chối,’ tôi đáp gọn lỏn; cũng chính là câu trả lời già chờ đợi, cho dù ngữ điệu có thể khiến già bất ngờ. ‘À, thế thì tôi phải tuân theo phán đoán của anh. Anh là thuyền trưởng,’ già nói, với vẻ lịch thiệp rõ rệt. Tôi quay lưng về phía già để tỏ vẻ cảm kích, và nhìn vào màn sương. Nó sẽ kéo dài bao lâu? Chưa có phiên gác nào vô vọng đến thế. Hành trình đến với tay Kurtz đào ngà trong rừng thẳm này bị vây phủ bởi vô vàn hiểm nguy như thể y là một nàng công chúa bị yểm bùa ngủ giữa tòa lâu đài tráng lệ. ‘Anh bảo chúng có tấn công không?’ Viên giám đốc hỏi, giọng tin cẩn.

“Tôi không nghĩ rằng chúng sẽ tấn công, vì mấy lý do hiển nhiên. Sương mù dày là một. Nếu rời bờ, chúng sẽ bị lạc, giống như chúng tôi nếu định di chuyển. Tuy vậy trước đó tôi cũng nhận định rằng rừng rậm hai bên bờ không thể xuyên qua được - rất cục trong đó lại có mắt, những cặp mắt theo dõi chúng tôi. Bụi rậm ven sông chắc chắn là rất dày; nhưng tầng cây bụi phía sau rõ ràng là đi qua được. Tuy vậy, khi sương rút đi trước đó tôi không thấy trên sông có con thuyền độc mộc nào - ít nhất là ngang hàng với con tàu. Nhưng điều làm tôi cảm thấy kích bản tấn công là không tưởng nằm ở bản chất của âm thanh kia - của tiếng hú chúng tôi vừa nghe. Nó không chứa đựng sắc thái dữ tợn báo hiệu một ý định thù địch tức thời. Dù rất bất ngờ, hoang dại, và mãnh liệt, nó lại gây ra trong tôi ấn tượng khó cưỡng về nỗi bi thương. Vì lẽ nào đó, thoáng thấy con tàu trong sương đã khơi dậy trong họ nỗi buồn đau vô hạn. Nguy hiểm, nếu có, tôi giải thích, sẽ đến từ việc chúng tôi ở quá gần một nỗi thống khổ lớn lao của nhân sinh đang bộc phát. Ngay cả bi thương tột độ chung cục cũng có thể thoát thai thành bạo lực - nhưng nói chung thì biểu hiện thường gặp của nó là sự hững hờ.

“Các cậu phải thấy mặt bọn hành hương lúc ấy! Chúng chả có lòng dạ nào cười cợt hay xỉ vả tôi; nhưng tôi tin chúng nghĩ tôi đã hóa điên - có lẽ vì sợ hãi. Tôi ban cho chúng một bài giáo huấn ra trò. Các chàng trai ơi, lo lắng mà làm gì. Canh gác ư? À, chắc các cậu đoán tôi theo dõi dấu hiệu sương tan như mèo rình chuột; nhưng nói thật ngoài cái đó ra cặp mắt cũng chẳng ích gì hơn khi chúng ta ngập trong một bể bông sâu hàng dặm. Và cảm giác cũng như vậy - ngọt ngào, ấm áp, khó thở. Ngoài ra, những điều tôi nói, dù nghe rất hoang đường, là hoàn toàn xác thực. Cái mà về sau chúng tôi nhắc tới như một cuộc tấn công hóa ra là một nỗ lực cự tuyệt. Hành động này còn lâu mới gọi là công kích - nó thậm chí không phải là phòng thủ theo nghĩa thông thường: nó được thực hiện dưới cơn căng thẳng của niềm tuyệt vọng, và về bản chất hoàn toàn nhằm mục đích bảo hộ.

“Nó phát sinh, tôi ước đoán, quãng hai tiếng sau khi sương tan, và bắt đầu tại một điểm cách trạm của Kurtz chừng một dặm rưỡi về phía hạ lưu. Tàu vừa chạt vật lên qua một khúc quanh thì tôi chợt ngó thấy một doi đất, một đụn cỏ màu xanh biếc, nằm ở giữa dòng. Mặt sông chỉ có mình nó; nhưng khi nhưng khi đến gần hơn, tôi nhận ra đó là phần đầu của một cồn cát dài, hay đúng hơn là một chuỗi những vạt cát nông trải dài giữa dòng sông. Chúng có màu sắc bọt bọt, ngập nước, và tất cả đều ẩn dưới mặt sông, hết như xương sống một người chạy dọc lưng, dưới lớp da. Lúc này, căn cứ theo tầm mắt, tôi có thể đi bên phải hoặc bên trái cồn cát. Tất nhiên cả hai luồng tôi đều không biết. Hai bờ nhìn khá giống nhau, độ sâu cũng như nhau, song do biết trại nằm ở bờ tây, theo lẽ tự nhiên tôi chọn lạch phía tây.

“Khi vừa tiến vào, tôi đã nhận ra nó hẹp hơn mình tưởng. Bên trái chúng tôi là doi cát kéo dài không dứt, bên phải là bờ sông cao, dốc đứng và bụi rậm um tùm. Phía trên lớp cây bụi là rừng cây gỗ mọc khít khao. Cành nhỏ ken dày che kín mặt sông, cách một quãng lại có một cành to gân guốc chìa ra giữa dòng. Lúc ấy đã sang hẳn buổi chiều, sắc diện cánh rừng u ám, một dải bóng tối thênh thang đã trải dài trên mặt nước. Trong bóng tối này con tàu chuyển động - chắc các cậu cũng hình dung được, rất chậm. Tôi lái tàu chếch về phía bờ - cây sào dò cho thấy, nước ở đây sâu hơn cả.

“Một trong các bạn đồng hành đói khát và nhẩn nại của tôi đang dò nước trên mũi thuyền, ngay phía dưới tôi. Con tàu này y hệt một chiếc xà lan có mái. Trên mái có hai căn nhà nhỏ bằng gỗ tếp, có cửa nẻo dàng hoàng. Nồi hơi nằm đằng trước và khoang máy ở phía sau. Bên trên lớp một lớp mái nhẹ và đỡ bằng cột chống. Ông khói trở xuyên qua mái, đằng trước ống khói là một cabin nhỏ dựng bằng ván nhẹ làm buồng lái. Bên trong có một chiếc ghế dài, hai ghế xếp, một khẩu súng trường Martini-Henry dựng ở góc, một cái bàn con, cùng bánh lái. Nó có cửa ra vào lớn và màn hình sáo rộng che hai bên. Tất nhiên lúc nào tất cả cũng được cuộn lên. Ban ngày tôi đậu lì trên đó, chót mũi của cái mái ấy, ngay trước cửa. Đêm đến tôi ngủ, đúng hơn là cố ngủ, trên sofa. Một gã đen lực lưỡng đến từ một bộ lạc duyên hải nào đó và được người tiền nhiệm đáng thương của tôi giáo hóa, giữ vai trò lái tàu. Gã đeo một đôi khuyên tai đồng thau, quần xà rồng vải xanh dương từ thắt lưng tới mắt cá chân, và rất mê đắm bản thân. Gã thuộc loại đàn độn khó lường nhất tôi từng gặp. Có tôi ở cạnh, gã cầm lái với vẻ vô cùng vênh váo; nhưng vừa khuất mắt tôi, gã sẽ lập tức biến thành con mồi của một nỗi khiếp sợ hèn mọn, và để con tàu què quặt này bắt nạt bất kỳ lúc nào.

“Tôi đang nhìn xuống cây sào dò, và rất hồi lo ngại khi thấy cứ mỗi lần dò lại thêm một đoạn sào lộ ra khỏi nước, thì thấy gã cầm sào bỗng nhiên bỏ việc, nằm xoài ra boong, thậm chí không buồn kéo sào lên. Nhưng tay gã vẫn nắm sào, và kéo lê nó trong nước. Cùng lúc, gã đốt lò, đứng dưới và cũng trong tầm mắt tôi, thụp xuống sau lò và hụp đầu né tránh. Tôi kinh ngạc. Ngay sau đó, tôi phải nhanh chóng nhìn ra sông vì giữa luồng nước có củi dạt. Que, một trận mưa que, bay tung tóe: chúng lao vù vù qua mũi tôi, rơi dưới chân tôi, cắm lên tường buồng lái sau lưng tôi. Lúc này mặt nước, bờ sông, và rừng cây, tất cả đều lặng im - lặng im tuyệt đối. Tôi chỉ nghe thấy tiếng quạt nước nặng nề của bánh xe chèo và tiếng lộp độp của thứ kia. Chúng tôi vụng về dẹp khúc củi dạt. Tên, trời ơi! Con tàu đang hứng một trận mưa tên! Tôi vội bước vào hạ tấm màn hướng lên bờ. Gã ngốc lái tàu, tay đặt trên nan bánh lái, đang giậm chân, cao gối, nghiêng rặng như ngựa bị ghìm cương. Tổ sư gã! Và tàu đang lê lết cách bờ chưa đầy ba mét. Tôi phải dướn ngay ra kéo tấm màn nặng trĩu xuống, và tôi thấy một khuôn mặt ẩn trong tán lá, ngang tầm mắt, đang chăm chăm và dữ tợn nhìn mình; rồi bỗng nhiên, như thể một lớp màng vừa được vén lên khỏi mắt, tôi nhận ra, sâu bong vùng âm ám um tùm ấy, những ngực trần, những tay, những chân, những mắt rực lửa, - bụi rậm đang lúc nhúc những tứ chi người ngọ nguậy, lấp lánh, màu đồng. Cành cây lắc lư, đung đưa, ào ào, tên từ đó bay ra, thế rồi rèm hạ xuống. ‘Đánh lái thẳng,’ tôi thét gã lái tàu. Gã ngẩng cao đầu, nhìn thẳng; nhưng mắt đảo như rang lạc, tiếp tục co chân giậm xuống nhẹ nhàng, mép hơi sùi bọt. ‘Im lặng!’ Tôi giận dữ quát. Tôi cũng có thể cầm luôn cả cây lắc lư trước gió. Tôi phi ra ngoài. Boong tàu phía dưới rào rào bước chân; tiếng kêu thét hỗn loạn; có tiếng rống,

‘Quay tàu lại mau!’ Tôi bỗng thấy một gọn sóng hình chữ V phía trước. Hả? Lại củi dạt nữa! Một loạt đạn rền vang dưới chân tôi. Đám hành hương đã khai hỏa mấy khẩu Winchester, và đơn giản là đang vãi chì vào bụi rậm. Cơ man là khói từ từ tràn về đằng trước. Tôi chửi thề. Giờ thì chẳng thể nhìn thấy gọn sóng lẫn củi dạt nữa. Tôi đứng trên bậu cửa ngóng ra, và tên bay vào như ong vỡ tổ. Chúng có thể tắm độc, nhưng nhìn như thể không đủ sức giết một con mèo. Bụi rậm bắt đầu tru lên. Đám thợ đồn củi trên tàu trỗi lên một tiếng hú chiến trận; một tiếng súng trường nổ sát sau lưng làm tai tôi ù đi. Tôi liếc ra sau, và buồng lái vẫn náo động và đầy khói khi tôi lao đến bánh lái. Gã ngốc mọi đèn đã vút tắt cả, kéo mình lên và nã đạn từ khẩu Martini-Henry. Gã đứng trước cửa mở toang, mắt long sòng sọc, và tôi vừa phải hét gọi gã quay vào vừa trả lái cho tàu thẳng lại sau cú ngoặt bất ngờ. Bây giờ có muốn cũng chẳng còn chỗ mà tránh nữa, bởi khúc củi dạt đã ở quá gần sau màn khói chết tiệt ấy, và chẳng thể mất giây nào nữa, nên tôi

đành ép tàu sát bờ - lao thẳng vào bờ, nơi tôi biết là nước sâu.

“Con tàu chậm chạp rạch qua những bụi cây lòa xòa trong một cơn mưa cành gãy và lá rụng. Loạt đạn bên dưới tắt lịm, như tôi dự đoán khi mấy khẩu súng hết đạn. Một tia sáng xẹt qua buồng lái, vào bằng lỗ màn này rồi ra bằng lỗ khác, khiến tôi giật ngửa đầu ra sau. Phía sau gã lái tàu điên rồ đang vung vẩy khẩu súng hết đạn và chửi bới trên bờ, tôi thấy lờ mờ những hình người chạy, nhảy, gập người, nhân đôi, trượt, rõ ràng, khuyết thiếu, phai mờ. Có gì đó khá lớn xuất hiện trong không trung, trước tấm màn, khẩu súng trường rơi xuống dưới, gã lái tàu nhanh chóng lùi lại, ngoảnh nhìn tôi bằng ánh mắt kinh dị, thẳm sâu, quen thuộc, rồi ngã xuống dưới chân tôi.

Cạnh đầu gã đập vào bánh lái hai lần, và phần đuôi của một vật như cây gậy dài va đập loảng xoảng trước khi quệt đổ chiếc ghế xếp. Nhìn như thể sau khi giằng được vật này từ ai đó trên bờ, gã đã mất thăng bằng. Làn khói mỏng tan đi, củi dạt đã dẹp xong, nhìn lên tôi thấy độ chừng một trăm mét nữa, tôi sẽ có thể bẻ lái ra xa khỏi bờ sông; nhưng thấy dưới chân ấm nóng và ướt nên tôi buộc phải nhìn xuống. Gã đã lật ngửa lên và nhìn tôi trần trối; cả hai tay siết chặt cây gậy nọ. Đó là cán một ngọn giáo, vừa được ném hoặc phi qua cửa, cắm vào người gã ngay dưới be sườn; mũi giáo đâm lút vào trong sau khi khoét nên một vết thương kinh hồn; giày tôi lỏng bong; một vũng máu nằm bất động, lóng lánh màu đỏ sẫm dưới bánh lái; mắt gã long lanh một cách kỳ dị. Một tràng súng lại vang lên. Gã nhìn tôi đầy lo lắng, siết chặt ngọn giáo như một bảo vật, tựa hồ sợ tôi cướp mất. Tôi phải gắng gượng bứt khỏi ánh mắt của gã để tập trung lái tàu. Tôi quờ tay lên trên đầu tìm dây còi hơi, rồi hối hả giật liên hồi. Trận náo động của những tiếng la hét giận dữ và hiếu chiến kia liền bị chặn đứng, và từ sâu trong rừng vắng ra một tiếng rền rĩ run rẩy, ngân dài của nỗi lo sợ bị ai và thất vọng tột cùng, tưởng như tiếp nối tia hy vọng cuối cùng lìa bỏ trần gian. Có một chấn động ghê gớm trong bụi rậm; trận mưa tên dừng lại, vài tiếng súng rơi rớt réo lên chói tai - rồi im lặng, chỉ còn tiếng quạt nước chậm chạp của bánh xe chèo vọng đến tai tôi rõ mồn một. Tôi đang hết lái phải thì gã hành hương mặc pyjama hồng, người nóng bừng và hoảng hốt, xuất hiện trên ngưỡng cửa. ‘Ông giám đốc bảo tôi...’ gã bắt đầu bằng giọng trịnh trọng, rồi khựng lại. ‘Lạy Chúa tôi!’ Gã thốt, chằm chằm nhìn người bị thương.

“Hai gã da trắng tụi tôi cúi nhìn gã, và ánh mắt long lanh, dò hỏi của gã vây phủ cả hai chúng tôi. Tôi thề rằng nhìn như thể ngay lúc

ấy gã sẽ chết vẫn chúng tôi bằng một thứ ngôn ngữ hiểu được; nhưng gã đã chết mà chẳng thốt ra một tiếng, chẳng cử động một chi, chẳng co giật một cơ nào. Chỉ có vào khoảnh khắc cuối cùng, như thể đáp ứng lại một tín hiệu chúng tôi không nhận thấy, một lời thì thào chúng tôi không nghe thấy, gã nhúu mày thật sâu, và cái nhúu mày ấy đem lại cho chiếc mặt-nạ-tử-thần màu đen của gã một biểu cảm u ám, âm trầm, và bất tường vô phương thấu hiểu. Ánh long lanh của cái nhìn dò hỏi ấy nhanh chóng biến thành đờ đẫn vô hồn. ‘Có lái được không?’ Tôi hăm hờ hỏi tay da trắng. Nhìn gã rất lờ đờ, nhưng tôi túm lấy tay gã, và gã hiểu ngay rằng tôi muốn gã lái dù có biết hay không. Nói thật với các cậu, tôi có khát khao bệnh hoạn là thay ngay giày và tất. ‘Hắn chết rồi,’ tay da trắng nói, rất đổi kinh hoàng. ‘Chứ còn gì nữa,’ tôi nói, điên cuồng bứt dây giày. ‘Mà nhân tiện, tôi nghĩ giờ này ông Kurtz cũng châu trời rồi,’

“Lúc ấy, ý nghĩ đó lấn át tất cả. Có một cảm giác thất vọng tột cùng, như thể tôi vừa phát hiện ra mình đã tranh đấu vì một thứ hoàn toàn hư ảo. Giả thử mục đích duy nhất khiến tôi lặn lội đến đây là để nói chuyện với Kurtz, thì tôi cũng chỉ chán nản đến thế là cùng. Nói chuyện với... Tôi ném một chiếc giày xuống nước, và bất chợt nhận ra đó chính là điều tôi hằng mong ngóng - nói chuyện với Kurtz. Tôi sửng sờ nhận ra mình chưa từng hình dung ra y đang hành động mà là đang đàm luận. Tôi không tự nhủ, ‘Giờ thì mình sẽ chẳng được gặp y nữa,’ hoặc ‘Giờ thì mình sẽ chẳng còn cơ hội bắt tay y,’ mà là ‘Giờ thì mình sẽ chẳng được nghe y nữa. Hiện thân của y là một giọng nói. Nói vậy không có nghĩa là tôi chưa hề gần y với một dạng hành động nào. Chẳng phải tôi đã được nghe kể, dưới đủ sắc thái ghen tị và ngưỡng mộ, chuyện y đã thu thập, đổi chác, lừa đảo, hoặc trộm cắp được nhiều ngà voi hơn tất cả các đại lý khác

cộng lại hay sao? Vấn đề không nằm ở đó. vấn đề ở chỗ, y là một tạo vật tài năng, và trong tất cả những tài năng ấy, thì cái thiên khiếu nổi bật nhất, chứa đựng cảm thức về sự hiện hữu, chính là năng lực diễn thuyết của y, lời lẽ của y - thiên khiếu của ngôn từ, mù mờ và sáng tỏ, tốt cùng cao quý và hết sức đê hèn, hải lưu pháp phông của ánh sáng hay dòng chảy trá ngược từ trái tim của một vùng tăm tối vô phương thấu hiểu.

“Chiếc giày còn lại cũng bay xuống với con sông quỷ sứ ấy. Tôi tự nhủ, ‘Chào nhé! Xong rồi. Quá muộn rồi; y đã tiêu ma - tài năng ấy đã tiêu ma, bởi một ngọn giáo, mũi tên hay cây chùy nào đó. Sau cùng tôi sẽ không còn cơ hội nghe con người ấy nói,’ - và nỗi bi ai này có một sự dào dạt đáng kinh ngạc của cảm xúc, như tôi nhận thấy trong tiếng hú bi thương của bầy man di trong bụi rậm. Nếu tôi bị tước đoạt đức tin hay bỏ lỡ vận mệnh đời mình, chắc tôi cũng chẳng cảm thấy buồn đau cô tịch hơn thế. Ai đấy, làm gì mà thờ dài thô lỗ thế hử? Thấy kỳ cục à? Hà, kỳ cục. ờn Chúa! Đời người há chẳng phải nên kỳ cục một lần - Nào, đưa tôi ít thuốc lá.”

Có một sự gián đoạn trong tĩnh lặng tuyệt đối, rồi một que diêm bùng lên, gương mặt gầy gò của Marlow hiện ra, mồn mõi, trống rỗng, nếp nhăn chảy xuôi, mày mi rũ xuống, sắc diện đầy vẻ chuyên tâm; và khi gã dũ dội rít từng hơi tẩu, nó tựa hồ rút vào rồi lại tiến ra khỏi bóng đêm theo nhịp bập bùng đều đặn của ngọn lửa tí hon. Que diêm lịm tắt.

“Kỳ cục!” Gã thốt. “Kể tới chỗ này là khôn nạn nhất này... Các cậu ở đây, ai nấy đều gắn với hai địa chỉ tử tế, như tàu có hai neo, đầu phố là ông hàng thịt, cuối phố là bác cảnh sát, ăn uống ngon

miệng, thân nhiệt bình thường, bình thường hết năm này qua năm khác. Rồi các cậu kêu kỳ cục! Kỳ cục cái mẹ gì! Các cưng ới, các cưng chờ đợi gì từ một thằng vừa khiếp vía đến nỗi vút nguyên một đôi giày mới xuống sông. Bây giờ nghĩ lại, tôi vẫn thấy kinh ngạc rằng mình không rơi lệ. Xét một cách toàn diện, tôi tự hào về sự kiên cường của mình. Tôi buồn thấu tâm can khi tưởng rằng mình đã mất đặc quyền vô giá được lắng nghe con người tài ba ấy. Tất nhiên tôi đã nhầm. Đặc quyền ấy đang đợi tôi. Quả vậy - tôi đã nghe quá cả phần mình. Và tôi đã đúng. Tiếng nói. Y chỉ hơn một tiếng nói chút đỉnh. Và tôi lắng nghe - y - nó - tiếng nói này - những tiếng nói khác - tất cả chỉ hơn một tiếng nói chút đỉnh - và ký ức về thời gian ấy vẫn lờn vờn quanh tôi, vô hình, như dư chấn đang lịm dần của một tràng huyền thuyên bất tận, ngu xuẩn, hung tàn, đê tiện, dã man, hay chỉ đơn giản là hèn mọn, chẳng có chút ý nghĩa nào. Tiếng nói - những tiếng nói - kể cả chính cô gái ấy - giờ đây...”

Gã im lặng một lúc lâu.

“Tôi đã chôn hồn ma tài năng của y bằng một lời nói dối,” gã bỗng nhiên tiếp tục. “Cô gái nào? Tôi vừa nhắc một cô gái à? À, nàng chả liên quan - hoàn toàn không. Họ - ý tôi là đám đàn bà - không liên quan gì hết - không nên liên quan. Chúng ta phải giúp họ yên vị trong thế giới đẹp đẽ của họ, ngộ nhỡ thế giới của ta xấu xí đi. Chà, nàng phải đứng ngoài vụ này. Các cậu phải nghe xác sống của Kurtz thì thảo, ‘Hôn thê của ta.’ Các cậu sẽ hiểu ngay vì sao nàng lại không liên quan gì hết. Và cái xương trán cao vời của Kurtz! Người ta bảo, đôi khi tóc vẫn tiếp tục mọc trên đầu người chết, nhưng cái - à - cái mẫu vật này thì hơi một cách kinh hoàng. Hoang dã đã xoa đầu y, và, kìa, nhìn nó như một quả cầu, một quả cầu ngà

voi; nó đã âu yếm y, và - ô! - y đã héo mòn; nó chiếm hữu y, yêu y, ôm ấp y, len lỏi vào huyết quản y, tiêu hóa thịt da y, và gắn liền linh hồn của y vào của nó bằng thứ nghi thức hoang đường trong một lễ kết nạp tà ma. Y là vật cưng được nó nuông chiều sủng ái. Ngà voi? Dám lắm. Từng đồng một, từng chông một. Căn lán đất ọp ẹp nứt vách vì ngà. Ta sẽ nghĩ rằng khắp xứ sở này không còn lấy một chiếc ngà nào, cả trên lẫn dưới mặt đất. ‘Rặt hóa thạch,’ viên giám đốc từng mỉa mai. Về độ hóa thạch thì nó cũng chẳng hơn gì tôi; nhưng nếu đào dưới đất lên thì họ gọi là hóa thạch. Xem ra đám da đen đôi khi có chôn ngà dưới đất thật - nhưng hiển nhiên là chôn chưa đủ sâu để ngăn ông Kurtz tài ba đến với vận mệnh của mình. Chúng tôi chất ngà lên đầy tàu, và phải chất khá khá lên mái. Như thế y có thể thấy và thích thú chừng nào còn có thể, vì hân thưởng đặc ân này là điều đã ở bên y đến phút cuối cùng. Các cậu phải nghe y gọi ‘Ngà của ta,’ Phải, tôi đã nghe y. ‘Hôn thể của ta, ngà của ta, trạm của ta, sông của ta..,’ tất cả đều thuộc về y. Nó khiến tôi nín thở, chờ đợi nghe thấy hoang dã bật ra một tràng cười kinh dị rung chuyển cả trời sao bất động. Tất cả thuộc về y - nhưng cái đó chẳng đáng gì. Điều quan trọng là biết y thuộc về đâu, bao nhiêu thế lực đen tối đang tranh giành y. Suy nghĩ ấy mới là điều khiến ta rùng mình ớn lạnh, cố gắng hình dung ra điều này là điều không thể - mà cũng chẳng tốt lành gì. Y đã chiếm địa vị cao trong bầy ma quỷ xứ này - theo nghĩa đen ấy. Các cậu không hiểu được đâu. Hiểu sao nổi? - khi dưới chân các cậu là vỉa hè chắc chắn, và xung quanh là láng giềng tử tế sẵn sàng hoan hô hay đâm thọc, khi đang đi nhẹ nói khẽ giữa bác hàng thịt và ông cảnh sát, trong nỗi khiếp sợ thần thánh của tai tiếng, giá treo cổ và nhà thương điên - làm sao các cậu hình dung nổi miền đất nào của thời tiền sử mà bước chân không

trở ngại có thể đưa ta đến qua nẻo đường của cô đơn - cô đơn tuyệt đối không bóng hình cảnh sát - và nẻo đường của im lặng - im lặng tuyệt đối nơi ta chẳng thể nghe thấy tiếng nói cảnh báo của người hàng xóm tử tế, thậm chí dư luận xã hội? Những cái nhỏ nhặt ấy làm nên khác biệt lớn lao. Một khi chúng không còn nữa, ta phải trông vào sức mạnh nội sinh, vào năng lực của lòng trung thành. Tất nhiên, có thể ta quá ngu khờ nên không lạc lối - quá đần độn nên không biết mình bị các thế lực đen tối cưỡng đoạt. Tôi thiết nghĩ, chẳng có gã khờ nào lại đánh đổi linh hồn với ma quỷ: hoặc gã khờ quá khờ khạo, hoặc ma quỷ quá quỷ quyết - tôi không biết nữa. Hoặc anh là một sinh vật cao quý tốt vời nên hoàn toàn mù điếc trước mọi sự chỉ trừu tiên cảnh với tiên âm. Thế thì trần gian với anh chỉ là nơi tạm trú - và tôi không dám nói với anh thế này là được hay mất. Có điều phần lớn chúng ta không phải hai loại đó. Trần gian là nơi trú ngụ của chúng ta, là nơi ta phải chịu đựng những cảnh, những âm, cả những mùi nữa! Lạy Chúa, - tử như hít mùi hà mã chết và cố không để nhiễm bẩn. Đây là lúc, các cậu hiểu không, cần đến sức mạnh của bản thân, niềm tin vào năng lực đào thứ hổ giã dị không màu mè để chôn vùi những thứ đó - sức mạnh để tận hiến, không phải cho bản thân, mà cho một công việc mơ hồ và lao khổ. Và thế đã khó khăn lắm rồi. Nay, tôi không định biện minh hay giải thích gì hết - tôi chỉ cố gắng - cố gắng giải mã Kurtz - cái bóng của Kurtz. Âm hồn vừa được kết nạp này đã từ chốn Hư vô cho tôi vinh dự lắng nghe tâm sự kinh người của y trước khi hoàn toàn tan biến. Đó là vì nó nói được tiếng Anh với tôi. Tiền thân của Kurtz được giáo dục một phần tại Anh, và - như y tử tế tự thừa nhận - y vẫn còn nặng tình với chốn ấy. Mẹ y mang nửa dòng máu Anh, cha y nửa dòng máu Pháp. Cả châu Âu đã góp phần tạo ra Kurtz; và không lâu

sau tôi được biết, Hiệp hội Quốc tế về Trần áp Phong tục Man di, một cách hết sức phù hợp, đã gửi gắm y chấp bút một báo cáo đề định hướng hoạt động của Hội trong tương lai. Y quả thật đã viết xong. Tôi đã thấy nó. Tôi đã đọc nó. Nó rất hùng hồn, hùng hồn đến vang dội, nhưng hơi quá kích động, tôi nghĩ vậy. Y đã tìm ra thời gian để viết mười bảy trang chỉ chít chữ! Nhưng việc này chắc hẳn cũng từ trước khi - tạm gọi là - thần kinh của y, có vấn đề, xui khiến y chủ trì cuộc dạ vũ kết thúc bằng những nghi lễ không thể kể ra, sau đó - theo chỗ tôi miễn cưỡng suy luận được từ những gì tôi nghe nhiều người kể lại - được kính dâng lên y - các cậu hiểu không^[51]? Lên chính Kurtz. Nhưng đó quả là một áng văn hay. Tuy nhiên, dưới ánh sáng của một số thông tin về sau, giờ đây tôi thấy đoạn mở đầu đã sớm có triệu bất tường. Y bắt đầu bằng lập luận rằng người da trắng chúng ta, ở cấp độ phát triển hiện tại, 'nhất thiết phải xuất hiện trước họ [lũ man di] trong hình hài những sinh vật siêu nhiên - phải tiếp cận họ với uy quyền của thần linh,' như thế và như thế. 'Đơn giản bằng cách thực thi ý chí bản thân, trên thực tế ta có thể vận dụng không giới hạn quyền lực của mình vì cái tốt,' vân vân và vân vân. Từ đây, y cao đàm khoát luận và cuốn tôi theo. Phần kết luận rất xuất sắc, mặc dù khó nhớ, các cậu biết đấy. Nó gây cho tôi ý tưởng về một chốn Bao La Huyền Bí dưới sự cai quản của một đấng Từ Bi Oai Nghiêm. Nó làm tôi gai người phấn khích. Đây chính là sức mạnh vô hạn của hùng biện - của ngôn từ - ngôn từ rực lửa cao quý. Không có dấu hiệu nào trên thực tế gián đoạn mạch văn ma thuật ấy, trừ một dòng ghi chú cuối trang kết, rõ ràng sau này mới được viết vội vào bằng một bàn tay run rẩy, và có thể coi như sự biểu đạt cho phương pháp của y. Nó rất đơn giản, và cuối lời kêu gọi cảm động hướng đến mọi tấm lòng vị tha kia, nó

chói lòa trước mắt ta, rực rỡ và kinh hoàng, như tia sét giữa trời quang: ‘Tận diệt sạch bọn mọi!’ Điều kỳ lạ là xem ra y đã hoàn toàn quên mất phần tái bút giá trị kia, bởi về sau, khi y theo một nghĩa nào đó trở lại là chính mình, y liên tục dặn tôi phải trông nom cẩn thận ‘tập tiểu luận của tôi’ (cách gọi của y), vì nhất định nó sẽ tác động tích cực tới sự nghiệp của y trong tương lai. Tôi có đầy đủ thông tin về những điều này, và bên cạnh đó, hóa ra về sau tôi là người phải coi sóc hồi ức cho y. Tôi đã khó nhọc với nó đủ để có quyền bắt khả tranh cãi trong việc cho nó, nếu tôi được chọn, yên nghỉ vĩnh hằng trong sọt rác của tiến bộ, giữa đủ thứ rác rưởi khác và, nói một cách hình tượng, lũ mèo chết của văn minh. Nhưng, các cậu biết đấy, tôi đâu có quyền chọn. Y sẽ không bị lãng quên. Nói gì thì nói, y không phải hạng tầm thường. Y có ma lực mê hoặc hay hăm dọa những linh hồn nguyên sơ vào một điệu ma vũ cuồng dại để tôn vinh y; y cũng có thể gieo vào linh hồn yếu đuối của bọn hành hương những hoài nghi cay đắng: y có ít nhất một người bạn tận tụy, và đã chinh phục một linh hồn không nguyên sơ và cũng chẳng nhuộm màu vụ lợi của thế giới này. Không, tôi chẳng thể quên y, mặc dù tôi không sẵn sàng khẳng định con người này thật sự xứng đáng với sinh mạng chúng tôi đã bỏ lại trên đường tìm kiếm y. Tôi nhớ gã lái tàu của mình ghê gớm, - tôi nhớ gã từ khi xác gã còn nằm trong buồng lái. Có lẽ các cậu thấy hơi kỳ lạ khi tôi tiếc nuối gã man di chẳng giá trị gì hơn hạt cát giữa một Sahara đen trũi này. Ờ, các cậu không hiểu sao, gã đã làm vài việc, gã đã lái tàu; hàng tháng trời tôi đã dựa vào gã - một sự hỗ trợ - một công cụ. Đây là một thứ tình đồng đội. Gã cầm lái cho tôi - tôi phải trông nom gã, phải lo âu về những hạn chế của gã, và từ đó hình thành một sự gắn bó vi diệu mà tôi chỉ nhận thức được khi nó bất ngờ bị phá vỡ. Và về

thắm sâu gần gũi trong ánh mắt gã nhìn tôi khi trúng thương vẫn in hằn trong ký ức tôi đến tận ngày nay - như một lời nhận họ hàng xa được thốt lên vào phút lâm chung.

“Gã khờ tội nghiệp! Giá như gã đừng động đến tấm màn. Gã không biết kiềm chế, không biết kiềm chế - hết như Kurtz - như cây nghiêng theo gió. Vừa xỏ được đôi dép khô vào chân, tôi liền kéo gã ra, sau khi rút ngọn lao khỏi sườn gã, và phải thú nhận rằng tôi làm việc ấy với đôi mắt nhắm tịt. Hai gót chân gã đồng thời nảy lên khỏi bậc cửa thấp; hai vai gã đè lên ngực tôi; tôi ì ạch xốc người gã từ phía sau. Ôi! Gã nặng, nặng kinh khủng; chắc hẳn là nặng nhất trần đời. Và rồi không chần chừ gì nữa tôi lật người gã qua mạn tàu. Dòng nước cuốn lấy gã như một búi cỏ, và tôi thấy cái xác lặn tròn hai vòng trước khi khuất dạng mãi mãi. Cả đám hành hương và viên giám đốc đang tập hợp trên mái hiên trước buồng lái, rôm rả như một bầy ác là lên cơn phấn khích, và có một tràng rì rầm vì quá sốc trước cử chỉ mau lẹ vô tình của tôi. Chúng muốn giữ thi thể ấy vạ vật trên tàu làm gì, tôi chịu không đoán được. Ướp xác chẳng? Nhưng tôi còn nghe thấy một tiếng rì rầm khác, đầy vẻ tai ương, từ boong tàu bên dưới. Đám bạn đồn cũi của tôi cũng sốc không kém, song có nguyên nhân hợp lý hơn - dù phải thừa nhận rằng bản thân lý do này cũng khó ai nghe lọt. Mà khó thật! Tôi đã quyết định nếu anh bạn lái tàu quá cố của tôi bị ăn thịt thì chỉ có lũ cá được hưởng dụng gã. Lúc còn sống gã là một tay lái tàu hết sức hạng hai, nhưng khi chết đi gã đã thành một món mĩ vị hạng nhất, và có thể gây ra phiền toái kinh người. Ngoài ra, tôi nóng ruột muốn cầm lái, về việc này gã pyjama hồng tỏ ra hết sức bất tài vô dụng.

“Tôi làm việc đó ngay khi lễ tang giản đơn kia kết thúc. Tôi cho tàu đi tốc độ trung bình, chạy ở chính giữa dòng, và đồng tai nghe chúng bàn tán về mình. Chúng đã từ bỏ Kurtz, chúng đã từ bỏ dịch trạm; Kurtz đã chết, và trạm đã bị đốt - vân vân và vân vân. Gã hành hương tóc đỏ không kìm nổi sự háo hức trước suy nghĩ rằng ít ra tay Kurtz tội nghiệp ấy đã được báo thù xứng đáng. ‘Này! Ta đã tàn sát chúng một trận ra trò, hả? Các anh nói sao? Hả?’ Gã hí hờn nhảy múa, thằng ăn mày ranh tóc hung khát máu ấy. Còn lúc nãy tí nữa thì gã ngất xỉu khi thấy người bị thương! Tôi nhin không nổi phải lên tiếng, ‘Làm được màn khói cũng ra trò lắm!’ Qua cách phản xạ của mấy bụi cây sột soạt và tung lên, tôi biết rằng phần lớn những phát đạn đều đi quá cao. Muốn bắn trúng thì phải tì vai và ngắm; song mấy gã này lại cầm súng ngang hông và nhắm mắt bắn bừa. Chúng rút lui, theo tôi - và tôi đã đúng - là bởi tiếng rít của còi hơi. Đến đây bọn kia quên phắt Kurtz và bắt đầu la ó phản đối tôi dữ dội.

“Viên giám đốc đứng bên bánh lái, đang kín đáo thể thọt về sự cần thiết phải quay lại hạ du trước khi trời tối bằng mọi giá thì tôi thấy xa xa có một bãi đất trống ven sông và đường nét mờ mờ của một công trình gì đó. ‘Gì kia?’ Tôi hỏi. Gã chấp hai tay lại về bàng hoàng. ‘Dịch trạm!’ gã thốt. Tôi liền thận trọng tiến vào bờ, vẫn với tốc độ trung bình.

“Qua ống nhòm tôi thấy một triền đồi thưa thớt cây cao và tuyệt đối không có cây bụi. Tòa nhà dài mục nát trên đỉnh đồi chìm một nửa dưới cỏ cao; những lỗ thủng lớn trên mái từ xa nhìn đen ngòm; ở hậu cảnh là hàng cây cao và rừng rậm. Không có tường bao hay hàng rào gì cả; nhưng chắc chắn trước kia từng có, bởi gần ngôi nhà có một dãy năm, bảy cây cột còn sót lại, vót tỉa sơ sài, bên trên

trang trí những khối cầu đẽo tròn. Các thanh ngang, hoặc bất kỳ thứ gì từng nối giữa hàng cột, đã biến mất. Tất nhiên xung quanh đều là rừng bao phủ. Bờ sông quang đãng, và bên mép nước tôi thấy một người da trắng đội chiếc mũ như bánh xe bò đang vẫy liên hồi bằng cả cánh tay. Quan sát kỹ bìa rừng cả trên lẫn dưới, tôi gần như chắc chắn rằng có chuyển động - những bóng người lướt qua lướt lại. Tôi thận trọng cho tàu chạy qua, rồi tắt động cơ và thả trôi. Người trên bờ bắt đầu la gọi, thúc giục chúng tôi cập bờ. ‘Chúng tôi vừa bị tấn công,’ viên giám đốc hét. ‘Tôi biết, tôi biết. Không sao đâu,’ người nọ đáp, cực kỳ hồ hởi. ‘Lên đây đi. Không sao đâu. Tôi mừng lắm,’

“Diện mạo gã gọi nhắc một thứ gì đó rất quen - một thứ ngộ nghĩnh tôi từng thấy ở đâu đó. Vừa đánh lái lại gần bờ, tôi vừa tự hỏi, ‘Thằng cha này giống ai nhỉ?’ Đột nhiên tôi nghĩ ra. Gã giống một harlequin^[52]. Quần áo gã làm bằng một thứ chất liệu có vẻ giống vải lanh Hà Lan màu nâu, nhưng vá chằng vá đụp, toàn miếng vá sáng màu, hết xanh, đỏ lại vàng - vá đằng trước, vá đằng sau, vá khuỷu tay, vá đầu gối; dải buộc nhiều màu quanh áo, diềm đỏ tía dưới quần; ánh nắng chiếu vào khiến gã vừa hết sức tươi tắn vừa cực kỳ chần chừ, vì ta có thể thấy tất cả những mảnh này được vá khéo nhường nào. Một khuôn mặt không râu, non nớt, rất trắng, không đường nét gì nổi bật, mũi tróc da, mắt xanh nhỏ xíu, nụ cười và cái nhú mày luân phiên đuổi nhau trên dung nhan cời mở ấy như nắng và bóng râm trên bình nguyên lộng gió. ‘Coi chừng, thuyền trưởng!’ gã kêu; ‘có một khúc củi dạt vào đây đêm qua.’ Hả! Lại củi dạt nữa? Phải thú nhận là tôi đã vắng tục. Suýt nữa tôi đã kết thúc chuyến hải hành thú vị bằng cách đục thủng con tàu ọp ẹp này. Gã harlequin trên bờ vênh cái mũi héch về phía tôi. ‘Người Anh hả?’ Gã cười toe toét. ‘Cậu người Anh à?’ Tôi hỏi lại từ sau bánh lái. Nụ cười

tan biến và gã lắc đầu như thể áy náy vì đã làm tôi thất vọng. Đoạn gã tươi lên. ‘Không sao hết!’ Gã hét, vẻ động viên. ‘Chúng tôi đến có kịp không?’ ‘Ông ấy ở trên kia,’ gã hất đầu về phía quả đồi, và đột nhiên trở nên u sầu. Khuôn mặt gã như bầu trời mùa thu, đang âm u, chợt quang đãng.

“Khi tay giám đốc, được đám hành hương hộ tống, ai nấy vũ trang đến tận rừng, đi lên tòa nhà, gã lên boong. ‘Này, tôi không khoái vụ này. Lũ thổ dân đang nấp trong bụi rậm,’ tôi nói. Gã thành khẩn cam đoan với tôi rằng sẽ không sao. ‘Họ chất phác lắm,’ gã tiếp; ‘các ông đến, tôi mừng lắm. Mãi tôi mới đỡ yên được họ.’ ‘Nhưng cậu vừa bảo không sao,’ tôi thốt. ‘À, họ không có ác ý gì đâu,’ gã nói; nhưng trước ánh nhìn chăm chặp của tôi, gã đính chính, ‘Không hẳn vậy,’ Rồi hồ hởi, ‘Trời ơi, buồng lái của ông phải lau dọn đi thôi!’ Vừa dứt lời gã lại khuyên tôi chứa đủ hơi trong lò để kéo còi, nhớ có chuyện gì. ‘Một hồi còi to còn hữu ích hơn cả dàn súng. Họ chất phác lắm,’ gã nhắc lại. Mức độ liến thoắng của gã làm tôi kinh ngạc. Dường như gã nói để bù lại thời gian dài im lặng, và quả thực gã vừa cười vừa hé lộ điều ấy. ‘Anh không nói chuyện với Kurtz à?’ Tôi hỏi. ‘Với ông ấy, ta không nói - ta lắng nghe,’ gã cảm thán, thập phần hoan hỉ. ‘Nhưng giờ Gã vẫy tay, và trong ánh mắt lấp lánh là thẳm sâu cùng cực một niềm tuyệt vọng. Loáng một cái, gã nhảy dựng lên, nắm lấy hai tay tôi, lắc liên hồi và lấp bắp, ‘Người anh em... thủy thủ... rất vinh dự... vui mừng... hân hạnh... giới thiệu... người Nga... con trai Giáo trưởng... chính quyền Tambov^[53]... Gì cơ? Thuốc lá! Thuốc lá Anh! Thuốc lá Anh hảo hạng! Thế mới là anh em chứ. Hút không à? Thủy thủ ông nào chả hút?’

“Chiếc tàu làm gã bình tâm lại, và dần dần tôi hiểu ra gã đã bỏ học và trốn đi biển trên một con tàu Nga; lại bỏ trốn; làm việc trên các tàu Anh một thời gian; đã làm lành với ông Giáo trưởng. Gã nhấn mạnh điều này. ‘Nhưng khi còn trẻ ta phải ngao du thiên hạ, tích lũy kinh nghiệm và ý tưởng; mở mang đầu óc,’ ‘Ở đây!’ tôi cắt lời. ‘Chả ai biết trước điều gì! Ở đây, tôi đã gặp ông Kurtz,’ gã nói với vẻ nghiêm trang gay gắt của tuổi trẻ. Từ đó tôi nín bật. Xem ra gã đã thuyết phục được một thương hăng Hà Lan ở vùng duyên hải cung cấp hàng và nhu yếu phẩm cho gã, sau đó lên đường vào lục địa với con tim bông bột, chẳng có ý niệm gì về chặng đường trước mặt hơn một đứa bé. Gã đơn độc rong ruổi quanh con sông này gần hai năm, cách biệt thế nhân và thế sự. ‘Tôi không trẻ như bề ngoài đâu. Tôi đã hai mươi lăm rồi,’ gã nói. ‘Đầu tiên ông già Van Shuyten bảo tôi cuốn xéo đi,’ gã thuật lại với vẻ khoái trá ghê gớm; ‘nhưng tôi bám riết và lèo nhèo mãi, tới khi ông ấy sợ tôi sẽ nói rụng chân con chó ông ấy cứng nhất, nên đành cấp cho tôi ít hàng rẻ tiền với mấy khẩu súng, rồi bảo rằng ông ấy hy vọng không bao giờ thấy mặt tôi nữa. Ông lão Hà Lan tốt bụng, Van Shuyten. Năm ngoái tôi vừa gửi cho ông ấy ít ngà, để sau này gặp lại ông ấy không thể gọi tôi là quân ăn cắp vặt. Hy vọng ông ấy nhận được. Còn lại, tôi đểch quan tâm. Tôi xếp cho mọi người cho ít củi. Nhà cũ của tôi đây. Các vị có thấy không?’

“Tôi đưa gã cuốn sách của Towson. Tôi ngỡ gã sẽ hôn tôi, nhưng cố kiềm chế. ‘Đây là cuốn sách duy nhất tôi còn giữ được, và tôi cứ nghĩ đã đánh mất nó,’ gã nói, với ánh mắt hoan hỉ. ‘Vô vàn tai nạn xảy đến với một kẻ lang thang, ông biết mà. Thịnh thoảng lại lật thuyền - thịnh thoảng phải chuồn thật nhanh khi dân tình nổi giận.’ Gã dùng ngón cái giở từng trang sách. ‘Cậu ghi chú bằng tiếng

Nga?’ Tôi hỏi. Gã gật đầu. ‘Tôi cứ tưởng đây là mật mã,’ tôi nói. Gã bật cười, đoạn trở nên nghiêm túc. ‘Khó khăn lắm tôi mới giữ yên được họ đấy,’ ‘Họ muốn giết cậu à?’ Tôi hỏi. ‘Ồi, không!’ Gã thốt, rồi ngừng lại. ‘Tại sao họ tấn công chúng tôi?’ Tôi truy vấn. Gã ngần ngừ, đoạn hồ thẹn đáp, ‘Họ không muốn ông ấy đi,’ ‘Thật à?’ Tôi tò mò hỏi. Gã đáp bằng một cái gật đầu đầy bí ẩn và minh triết. ‘Tôi kể ông nghe,’ gã nói, ‘con người này đã khai mở đầu óc tôi,’ Gã dang rộng hai tay, và chăm chú nhìn tôi bằng đôi mắt xanh, nhỏ xíu, tròn xoe.”

III



“Tôi nhìn gã, ngớ ngàng vì kinh ngạc. Gã đứng đó trước mặt tôi, mặc lót áo hè như thể vừa trốn khỏi gánh hát, hăng hái và huyền bí. Sự tồn tại của gã, bản thân nó đã là hoang đường, vô phương giải thích, về tổng thể là làm ta hoang mang. Gã là một nan đề không có lời giải. Thật không hiểu nổi làm sao gã lại tồn tại, làm sao gã đến được tận đây, làm sao gã trụ lại được - vì sao gã không biến mất ngay lập tức. ‘Tôi đi xa hơn một chút,’ gã nói, ‘rồi lại xa hơn chút nữa - đến khi xa tới mức tôi không biết liệu có còn quay lại được không. Có hề gì. Còn nhiều thời gian. Tôi sẽ lo được. Hãy đưa Kurtz đi ngay - ngay đi - hãy nghe tôi.’ Về mỹ lệ của tuổi trẻ bao phủ tấm áo vá muôn màu, cảnh cơ hàn, sự cô đơn, và nỗi tịch liêu ăn vào cốt tủy trong mỗi cuộc lãng du vô vọng của gã. Suốt nhiều tháng - nhiều năm - tính mạng của gã chỉ tính bằng ngày; thế nhưng gã vẫn can trường và vô tư sống sót, tựa hồ bất diệt chỉ bằng tuổi đời ít ỏi và sự gan dạ không suy nghĩ của mình. Tôi bị cuốn vào một cảm xúc gần như ngưỡng mộ - như ghen tị. Hào quang giục gã tiến lên, hào quang giúp gã không mảy may thương tổn. Gã hiển nhiên chẳng cần gì từ hoang dã, ngoài không gian để hít

thở và xông pha. Nhu cầu của gã là tồn tại, là tiến lên đối mặt với hiểm nguy tốt cùng có thể và trong tình trạng thiếu thốn tối đa. Nếu tinh thần tuyệt đối thuần khiết, không toan tính và phi thực tế của máu phiêu lưu có từng chiếm lĩnh một con người, thì đó phải là gã thanh niên vá vúi này. Tôi gần như ghen tị vì gã sở hữu ngọn lửa khiêm nhường và trong trẻo ấy. Dường như nó đã nuốt chửng mọi suy nghĩ về bản thân, đến mức ngay khi gã nói chuyện tới ta, ta còn quên mất rằng chính gã - người ngồi trước mặt ta - là người đã trải qua những điều đó. Tuy nhiên, tôi không ghen tị với sự tận tụy gã dành cho Kurtz. Gã không ngẫm nghĩ về điều đó. Nó đến với gã, và gã hào hứng đón nhận nó như một thứ định mệnh. Phải nói rằng tôi cảm thấy, xét trên mọi phương diện, đó dường như là điều nguy hiểm nhất gã phải đối mặt từ trước đến giờ.

“Họ đến với nhau là điều không tránh khỏi; như hai con tàu đứng lặng ở gần nhau cuối cùng sẽ cọ mạn. Tôi nghĩ Kurtz cần thánh giả, vì có một lần, khi cắm trại trong rừng, họ nói chuyện suốt đêm, hay nhiều khả năng là chỉ Kurtz nói.

‘Chúng tôi nói về mọi thứ,’ gã kể, lằng lằng hồi tưởng chuyện cũ. Tôi đã quên mất trên đời có khái niệm ngủ. Đêm hôm ấy ngắn chẳng tày gang. Mọi thứ! Mọi thứ!... Cả tình yêu nữa,’ ‘À, ông ấy tâm sự với cậu về tình yêu?’ Tôi hỏi, hứng thú gia tăng. ‘Không phải như ông nghĩ đâu,’ gã thốt, gần như đấm đuổi. ‘Tình yêu nói chung... Ông ấy đã cho tôi thấy nhiều điều - nhiều điều,’

“Gã giơ tay lên trời. Chúng tôi đang ngồi trên boong, và tay trưởng nhóm đốn củi của tôi, đang nằm ườn gần đó, ngoảnh nhìn gã bằng đôi mắt nặng nề và lóng lánh. Tôi nhìn quanh, và tôi không

rõ vì sao, nhưng tôi cam đoan với các anh rằng, chưa bao giờ, chưa một lần nào, miền đất này, dòng sông này, khu rừng này, vòm trời chói lóa này, lại hiện lên trước mắt tôi vô vọng và tối tăm đến thế, vô phương thấu hiểu trước suy nghĩ và tàn nhẫn trước điểm yếu của con người đến thế. ‘Từ đó tới nay, cậu vẫn ở cùng ông ấy chứ?’ Tôi hỏi.

“Ngược lại. Hóa ra, mỗi tương giao giữa họ thường xuyên bị gián đoạn vì nhiều lý do. Gã kiêu hãnh khoe rằng mình đã chăm sóc Kurtz qua hai trận ốm (cách gã ám chỉ như thể đây là một kỳ tích đầy mạo hiểm), nhưng trên nguyên tắc, Kurtz rong ruổi một mình, đi sâu vào rừng. ‘Mỗi lần đến dịch trạm, tôi thường phải đợi ngày này qua ngày khác để gặp Kurtz,’ gã kể. ‘À, chờ đợi vậy cũng đáng! - đôi khi,’ ‘Ông ấy đi đâu? Thám hiểm hay là gì?’ tôi hỏi. ‘À, dĩ nhiên’; y đã tìm thấy rất nhiều làng, cả một cái hồ nữa - nhưng gã không biết chính xác ở hướng nào; hỏi nhiều là điều rất nguy hiểm - nhưng phần lớn các cuộc viễn du của Kurtz là để săn ngà. ‘Ông ta làm gì còn hàng mà đổi,’ tôi chất vấn. ‘Nhưng đạn thì còn nhiều lắm,’ gã trả lời, và ngó đi chỗ khác. ‘Nói trắng ra là, ông ta đi cướp,’ tôi hỏi. Gã gật đầu. ‘Hắn là không thể một mình!’ Gã lí nhí gì đó về các làng quanh hồ. ‘Kurtz chiêu mộ được thổ dân đi theo, phải không?’ Tôi mớm. Gã hơi nhấp nhúm. ‘Họ ngưỡng mộ ông ấy,’ gã nói. Âm sắc những chữ ấy kỳ dị đến nỗi làm

tôi phải nhìn gã dò xét. Thái độ hào hứng xen lẫn ngần ngại của gã khi nói về Kurtz làm tôi tò mò. Con người này phủ bóng xuống đời gã, chiếm lĩnh tâm trí gã, thao túng cảm xúc của gã. ‘Thế ông nghĩ sao?’ Gã bật ra; ‘ông ấy xuất hiện mang theo sấm chớp, và đày - họ đã bao giờ nhìn thấy cái gì như thế đâu - và rất kinh khủng. Ông

ấy có thể rất kinh khủng. Ta không thể phán xét ông Kurtz như người bình thường. Không, không, không! Đây - cho ông dễ hình dung - tôi không ngại kể ông nghe, có hôm ông ấy định bắn cả tôi - nhưng tôi không phán xét ông ấy,' 'Bắn cậu!' Tôi thốt. 'Vì sao?' 'À, tôi có một ít ngà voi của tay tù trưởng ngôi làng gần chỗ tôi ở cho hồi trước. Tôi hay đi săn giúp họ. À, ông ấy đòi lấy, và không chịu nghe giải thích. Ông ấy dọa sẽ bắn tôi nếu tôi không giao ngà rồi xéo khỏi xứ này, vì ông ấy nói được là làm được, thích thú việc ấy, và trên đời này chẳng có gì ngăn được ông ấy giết người nào mình thích. Và đúng như thế thật. Tôi giao ngà cho ông ấy. Tôi có thiết đâu! Có điều, tôi không cuốn xéo. Không, không. Tôi không thể bỏ ông ấy được. Dĩ nhiên, tôi phải cẩn thận, đến khi quan hệ hai bên hòa hảo trở lại. Rồi ông ấy ngã bệnh lần nữa. Từ đó tôi phải tránh đi; song tôi không lấy thế làm phiền. Phần lớn thời gian, ông ấy ở khu làng ven hồ. Mỗi lần xuống sông, có khi ông ấy vui vẻ, có khi tôi nên coi chừng. Con người ấy phải chịu đựng quá nhiều. Ông ấy chán ghét xứ này, nhưng vì lẽ gì đó chẳng thể ra đi. Khi có cơ hội, tôi van xin ông ấy cố bỏ đi khi còn kịp; tôi xin được đi cùng. Ông ấy sẽ bằng lòng, nhưng vẫn ở lại; tiếp tục lên đường săn ngà; biệt tích hàng tuần liền, và quên hẳn bản thân giữa lũ người này - quên hẳn bản thân - ông hiểu không?' 'Tại sao! Y điên rồi,' tôi nói. Gã phản đối gay gắt. Ông Kurtz điên thế nào được. Nếu tôi có dịp nghe ông ấy nói chuyện, chỉ hai ngày trước thôi, tôi sẽ chẳng dám ám chỉ một điều như thế... Trong khi nói chuyện tôi đã cầm ống nhòm lên, và nhìn về phía bờ sông, rà soát phần bờ rừng hai bên và phía sau ngôi nhà. Ý thức được việc trong bụi cây có người, rất đổi im hơi lặng tiếng - im hơi lặng tiếng như căn nhà đổ nát trên đồi - làm tôi thấy bất an. Không có bất kỳ dấu hiệu nào trên diện mạo thiên nhiên của câu

chuyện kỳ dị này, được kể cho tôi thì ít, mà ám chỉ bằng những tiếng cảm thán bi ai, tô điểm những cái nhún vai, bằng những lời lẽ đứt đoạn, những ẩn ý kết thúc trong tiếng thở dài thì nhiều. Rừng cây bất động như chiếc mặt nạ - nặng nề, đóng im im như cửa ngục - quan sát với vẻ hiểu biết ngấm ngầm, kiên nhẫn chờ đợi, và im lặng xa cách. Gã người Nga giải thích, gần đây Kurtz mới xuống sông, đem theo tất cả chiến binh của bộ lạc ven hồ. Y vắng mặt đã vài tháng - đi tìm kiếm sự sùng bái, chắc vậy - và vừa bất ngờ xuất hiện, với ý định hiển nhiên là làm một trận càn sang bên kia sông, hoặc xuống hạ lưu. Rõ ràng cơn thèm ngà đã lấn át những - nói sao nhỉ? - khát vọng ít vật chất hơn. Tuy nhiên, bệnh tình y đột ngột trở nặng. 'Tôi nghe nói ông ấy ốm liệt giường, nên mới lên đây - tranh thủ cơ hội,' gã kể. 'Hỡi ơi, bệnh ông ấy nặng, nặng lắm.' Tôi hướng ốm nhòm về phía ngôi nhà. Không có dấu hiệu gì của sự sống, chỉ có mái nhà đổ nát, bức tường đất dài lúp ló sau tầng cỏ với ba ô cửa nhỏ hình vuông, không cái nào to bằng cái nào; qua ống nhòm, tất cả như đang ở trong tầm tay. Thế rồi tôi đột ngột chuyển hướng, và một trong những cây cột sót lại của cái hàng rào nay đã biến mất bỗng lọt vào ống kính. Tôi vừa kể rằng từ xa nhìn lại tôi đã ngỡ ngàng trước nỗ lực trang trí của chủ nhân, một điều đáng chú ý giữa diện mạo tan hoang của nơi này. Giờ tôi đột nhiên được nhìn cận cảnh, và ấn tượng đầu tiên làm tôi bật ngửa đầu ra sau như bị trúng một cú đấm. Rồi tôi thận trọng rà từng cây cột qua ống nhòm, và nhận ra sai lầm của mình. Những trái cầu không phải để trang trí, mà có tính biểu tượng; chúng vừa biểu cảm vừa bí ẩn, vừa ấn tượng vừa kinh động - thức ăn cho tư duy và cho cả kèn kèn, ví thử có con nào lượn lờ trên bầu trời; nhưng bất kể thế nào thì lũ kiến vẫn đủ cần mẫn để leo lên cột. Chúng sẽ còn gây ấn tượng mạnh

hơn, dây đầu lâu trên cọc ấy, nếu gương mặt không bị quay về phía ngôi nhà. Chỉ có một, chiếc đầu tiên tôi nhận ra, là quay mặt về phía tôi. Tôi không đến nỗi sốc như các cậu nghĩ đâu. Tôi bị giật đầu ra sau chủ yếu là vì ngạc nhiên. Tôi dự kiến nhìn thấy một trái cầu gỗ, thế thôi. Sau đó tôi chủ đích quay lại tìm cái đầu tiên tôi thấy - và nó vẫn ở đó, đen, khô, sâu trũng, mi mắt nhắm lại - tựa hồ đang thiếp ngủ trên đỉnh cột, và, với đôi môi héo quắt, hé lộ một hàng răng trắng hẹp, cũng đang mỉm cười, mỉm cười liên tục với một cơn mơ khô hài và bất tận trong giấc ngàn thu ấy^[54].

“Tôi sẽ không tiết lộ bí mật thương mại nào. Kỳ thực, sau này chính viên giám đốc nói rằng phương pháp của Kurtz đã tàn phá vùng đất nọ. Tôi không có ý kiến gì về vụ ấy, nhưng muốn các cậu hiểu rõ rằng việc đâm đầu lâu ở đó không mang lại lợi nhuận gì. Nó chỉ cho thấy rằng Kurtz thiếu kiểm chế trong việc thỏa mãn dục vọng đa dạng của y, rằng trong y thiếu hụt một điều gì đó - nhỏ thôi, nhưng khi nhu cầu bức thiết dâng cao, không thể tìm thấy dưới tài hùng biện xuất chúng của y. Y có ý thức được sự thiếu hụt đó không, tôi không rõ. Tôi nghĩ nhận thức ấy rốt cục cũng đến với y - vào phút chót. Nhưng hoang dã tìm ra y từ sớm, và giáng xuống y đòn báo thù khủng khiếp vì cuộc xâm lăng điên rồ này. Tôi nghĩ nó đã thì thầm bên tai y những điều y chưa rõ về bản thân, những điều y cũng chưa có ý niệm gì cho đến khi lắng nghe sự tịch liêu vĩ đại này - và lời thì thầm ấy hóa ra hấp dẫn vô phương cưỡng lại. Nó vang vọng trong y, bởi nội tâm y hoàn toàn trống rỗng... Tôi đặt ống nhòm xuống, và cái đầu vừa ở gần đến mức có thể cùng tôi nói chuyện dường như đột ngột nhảy vọt ra xa tôi đến một cự ly không thể tiếp cận.

“Kẻ hâm mộ Kurtz có chiều ử rữ. Bằng giọng vội vã, áp úng, gã thanh minh rằng gã không dám gỡ những - tạm gọi là biểu tượng - ấy xuống. Gã không sợ thổ dân; họ sẽ không loạn động khi Kurtz chưa ra lệnh. Y có quyền uy phi thường. Họ cắm trại quanh đây; hàng ngày các tù trưởng đều tới ra mắt y. Họ sẽ bò... ‘Tôi không muốn biết gì về nghi lễ của họ khi yết kiến Kurtz hết,’ tôi hét. Kỳ lạ thay, cái cảm giác vừa xâm chiếm tôi, rằng những chi tiết ấy còn khó bề chịu đựng hơn đám đầu lâu bêu trên cọc ngoài cửa sổ nhà y. Nói cho cùng, đó chỉ là một cảnh tượng dã man, trong khi tôi sau một cú nhảy dường như đã được dịch chuyển đến một xứ sở vô quang của những điều kinh hoàng vi tế, nơi tục dã man giản đơn, thuần khiết - một hiện tượng có quyền tồn tại hiển nhiên dưới ánh mặt trời - lại thành ra niềm an ủi tích cực. Gã thanh niên kinh ngạc nhìn tôi. Việc tôi không thần tượng Kurtz có lẽ chưa từng thoáng qua đầu gã. Gã quên rằng tôi chưa hề nghe những đoạn độc thoại huy hoàng của y về, gì nhỉ? Tình yêu, công lý, cách sống và này kia. Nếu nói đến chuyện phủ phục trước Kurtz thì gã cũng phủ phục không kém gì kẻ man rợ nhất trong số họ. Tôi đâu có hiểu đầu đuôi câu chuyện, gã nói: đấy là đầu của bọn phản loạn. Tôi khiến gã choáng váng ghê gớm khi phá ra cười. Phản loạn! Không hiểu định nghĩa tiếp theo tôi sắp được nghe sẽ là gì? Đã có kẻ thù, tội phạm, công nhân - và nay có thêm phản loạn. Tôi thấy những cái đầu phản loạn ấy rất trầm lặng khi bị bêu trên cột. ‘Ông đâu biết người như Kurtz bị cuộc đời thử thách ra sao,’ tông đồ sau cùng của Kurtz thốt lên. ‘À, còn cậu?’ Tôi hỏi. ‘Tôi! Tôi! Tôi là người đơn giản. Tôi không có tư tưởng lớn lao. Tôi chẳng có bất kỳ đòi hỏi gì. Sao ông có thể so tôi với...’ Cảm xúc dào dạt làm gã nghẹn lời, và đột nhiên, gã vỡ òa. ‘Tôi không hiểu,’ gã than. ‘Tôi đã làm hết sức mình để cứu sống ông ấy, và thế

là đủ. Tôi không dính dáng đến tất cả những chuyện này. Tôi không có khả năng. Đã vài tháng nay ở đây chẳng có lấy một giọt thuốc hay một thìa thức ăn cho người ốm. Ông ấy bị bỏ rơi một cách thật đáng xấu hổ. Con người như thế, với tư tưởng như thế. Đáng xấu hổ! Đáng xấu hổ! Tôi... tôi... không ngủ đã mười đêm liền...’

“Giọng gã lạc đi trong cái tĩnh lặng của buổi tối. Những bóng dài của cánh rừng đã trườn xuống chân đồi trong khi chúng tôi nói chuyện, và đi quá cả căn lán xập xệ, quá cả hàng cọc biểu tượng kia từ lâu. Mọi thứ đều chìm trong bóng tối, trong khi chỗ chúng tôi ngồi vẫn nằm dưới nắng, và quãng sông trước mặt bãi trống vẫn lấp lánh một vẻ huy hoàng chói chang và tĩnh lặng, với một khúc quanh tối tăm và âm ám phía trên lẫn bên dưới. Trên bờ chẳng một bóng người. Bụi cây không xào xạc.

“Đột nhiên từ sau nhà xuất hiện một nhóm người như thể từ dưới đất chui lên. Họ lội trong cỏ cao tới thắt lưng, tụ thành tốp nhỏ, khênh theo một chiếc cáng tự chế. Lập tức, giữa khung cảnh trống rỗng ấy, dậy lên một tiếng rú chói tai xuyên thủng không gian tĩnh lặng như một mũi tên nhọn sắc đâm thẳng vào trái tim xứ sở này; rồi, tựa hồ có ma thuật, từng dòng người - từng dòng người ở trần - tay cầm giáo, cầm cung, cầm khiên, nhả thần hoang dại và động tác man rợ, được rừng già hắc diện và trầm tư trút ào ra khoảnh đất trống. Bụi rậm rung rinh, cỏ lao xao một lúc, rồi tất cả lại đứng yên trong một sự bất động đầy chăm chú.

“ ‘Rồi, nếu ông ấy không nói với họ điều nên nói thì chúng ta coi như xong,’ gã Nga níu tay tôi. Tốp khiêng cáng đã dừng lại cách con tàu một đoạn, tựa hồ tê liệt. Tôi thấy người trên cáng ngồi dậy, gầy

gò và một cánh tay giơ cao, quá vai phu khiêng cáng. ‘Hy vọng người có thể cao đàm khoát luận về tình yêu nói chung sẽ tìm thấy một lý do nói riêng để xá tội cho chúng ta lần này,’ tôi nói. Tôi ghét cay ghét đắng tính lỗ bịch của tình huống hiểm nghèo này như thể bị đặt dưới lòng nhân từ của bóng ma tàn ác kia là một sự cùng đường ô nhục. Tôi không nghe thấy tiếng động gì, nhưng bằng ống nhòm tôi thấy cánh tay gầy guộc vươn lên đầy quyền uy, hàm dưới chuyển động, cặp mắt u linh tỏa ánh hắc ám từ sâu trong cái đầu xương xẩu đang gục gặc gật đầu một cách kỳ dị. Kurtz - Kurtz - tiếng Đức là ngắn phải không nhỉ? Hà, cái tên ấy cũng chính xác như mọi thứ khác trong cuộc sống - lẫn cái chết - của y. Trông y ít nhất phải dài hơn hai mét. Tắm chăn đã tuột xuống, và cơ thể y nhô ra thảm thương và kinh khiếp như từ một tấm vải liệm. Tôi thấy rõ lồng ngực y nhấp nhô, xương tay y vẩy vẩy. Trông y như thể một hình ảnh hoạt họa của tử thần, điêu khắc từ ngà voi cũ, đang giữ đôi tay chặt chứa tai ương lên đám đông bất động tạc bằng đồng đen lấp lánh. Tôi thấy y há miệng thật lớn - nó đem lại cho y một diện mạo tham tàn kỳ quái, như thể y muốn nuốt hết cả trời, cả đất, và cả người trước mặt. Một giọng nói âm trầm vang đến tai tôi. Hẳn là y vừa hét. Bỗng y ngã ngửa ra sau. Chiếc cáng lắc lư khi tốp phu loạng choạng tiến lên, và gần như đồng thời tôi phát hiện ra, bầy man di đang biến mất mà không có dấu hiệu nhận biết được nào của việc tháo lui, như thể rừng già sau khi phun những sinh vật này ra lại bất ngờ rút chúng về theo hơi thở trong một nhịp hít dài.

“Vài gã hành hương đi sau cáng mang vũ khí cho y - hai khẩu súng đạn ghém, một cây súng trường hạng nặng, và một khẩu carbine ổ quay - những lưỡi tầm sét của vị thần Jupiter thảm thương ấy. Tay giám đốc cúi xuống thì thầm với y khi đi cạnh cáng. Họ đặt y

vào một trong những căn lán nhỏ - loại chỉ đủ kê cái giường và một hai chiếc ghế. Chúng tôi cầm theo thư từ đến muộn của y, và quanh giường y vung vãi nhiều phong bì đã xé và thư đã mở. Bàn tay y lầy bầy lần sờ chỗ giấy tờ ấy. Tôi ngỡ ngàng trước ngọn lửa trong mắt y và vẻ suy nhược đằm tĩnh trên gương mặt y. Nó không hẳn là sự kiệt quệ vì bệnh tật. Y không có vẻ đau đớn. Cái bóng này có vẻ thỏa mãn và bình thản, như thể lúc này mọi cảm xúc của nó đều trọn vẹn.

“Y loạt soạt giờ một lá thư, rồi nhìn thẳng mặt tôi và thốt, ‘Ta rất vui,’ Ai đó đã viết cho y về tôi. Những lời giới thiệu đặc biệt kia lại xuất hiện. Âm lượng của tiếng nói được y phát ra một cách dễ dàng, gần như không cần mấp máy môi, khiến tôi kinh ngạc. Giọng nói ấy! Giọng nói ấy! Nó thâm nghiêm, sâu thẳm, rung động, trong khi nhìn y như không còn hơi sức thì thào. Dù vậy, y vẫn còn đủ sức - tất nhiên là hư trương - để suýt nữa kết liễu chúng tôi, như các cậu sắp được nghe.

“Viên giám đốc lặng lẽ xuất hiện trên ngưỡng cửa; tôi lập tức rút lui và gã kéo rèm lại sau lưng tôi. Gã người Nga, dưới ánh mắt tò mò của bọn hành hương, đăm đăm nhìn ra bờ sông. Tôi dõi theo hướng nhìn của gã.

“Có thể nhận ra từ xa những bóng đen, thoát ẩn thoát hiện trước bìa rừng tăm tối, và gần sông là hai dáng người màu đồng, tì vào cây giáo dài, đứng trong ánh nắng, dưới vành mũ xòe cầu kỳ bằng da đốm, tư thế như tượng chiến thần. Và đi từ phải sang trái dọc bờ sông tỏa sáng là nhân ảnh hoang dại và mỹ lệ của một nữ nhân.

“Ả bước từng bước đều đặn, vắn xà rồng kẻ sọc và tua rua, hai bàn chân kiêu ngạo giẫm lên mặt đất, với một chút leng keng lóng lánh từ những trang sức man sơ. Ả ngẩng cao đầu; tóc vắn thành hình mũ trụ; chân quần xà cạp đồng tới gối, bao tay sọc đồng đến khuỷu; gò má ngăm điểm nốt ruồi son, vô số vòng hạt cườm trên cổ; đủ thứ dị vật, bùa chú, tặng vật của thầy mo... lủng lẳng trên người, lấp loáng rung rinh theo những bước chân. Giá trị ả mang trên người phải tương đương mấy cặp ngà. Ả man dã và mỹ miều, cuồng nhiệt và diễm lệ; trong bước tiến diễm tĩnh của ả có vẻ gì đó vừa uy nghi vừa đe dọa. Trong sự thình lặn vừa bất ngờ phủ xuống xứ sở bi thương này, chốn hoang dã bao la này, thực thể khổng lồ của sự sống đầy phồn thực và bí hiểm kia dường như đang quan sát ả, trầm ngâm, tựa hồ nó đang nhìn thấy hình ảnh linh hồn hắc ám và cuồng mê của chính mình.

“Ả đi đến ngang chỗ con tàu, đứng yên, đối diện chúng tôi. Bóng ả đổ dài đến mép nước. Gương mặt ả mang sắc diện ai oán và dữ dội của nỗi bi thương hoang dại và đau đớn tái tê hòa trộn cùng nỗi sợ hãi một quyết tâm đang vật lộn thành hình. Ả nhìn chúng tôi, bất động, giống như bản thân hoang dã, với vẻ đang áp ủ một mục đích bí hiểm khó dò. Tròn một phút trôi qua, và ả bước lên một bước. Có tiếng leng keng khe khẽ, ánh vàng kim lấp lánh, bóng tua rua đong đưa, rồi ả dừng lại như thể tim vừa ngừng đập. Gã trai ngồi cạnh tôi gầm gừ. Đám hành hương rì rầm sau lưng tôi. Ả nhìn tất cả chúng tôi, như thể sinh mệnh ả phụ thuộc vào vẻ trầm ổn khôn lay chuyển trong ánh mắt. Đột nhiên ả giang đôi tay trần và cứng nhắc giơ lên quá đầu, như trong một nỗi khát khao bất diệt muốn chạm trời, và cùng lúc những bóng đen mau lẹ vụt ra, tràn quanh bờ sông, vây lấy

con tàu thành một vòng ôm u tối. Một sự im lặng ghê gớm bao phủ hiện trường.

“À chậm rãi xoay lưng bước đi, men theo dòng sông, rồi tiến vào lùm cây phía trái. Duy nhất một lần mắt ả lóe lên nhìn lại chúng tôi từ bóng tối của bụi cây trước khi biến mất.

“ ‘Ban nãy, nếu ả đòi lên tàu thì không khéo tôi phải nổ súng,’ gã áo vá run rẩy nói. ‘Suốt nửa tháng qua ngày nào tôi cũng phải liều mạng ngăn ả vào nhà. Một lần vào được, ả làm um sùm về mớ vải vụn tôi trữ trong kho để vá quần áo. Bảo tôi không đàng hoàng. Tôi đoán chí ít là vậy, bởi ả nói như điên với Kurtz cả tiếng liền, thỉnh thoảng lại xỉa xói tôi. Tôi không hiểu thổ ngữ của họ. May thay, hôm ấy có lẽ Kurtz quá yếu nên không lòng dạ nào quản việc này, nếu không chắc tôi gặp vạ rồi. Tôi không hiểu... Không - tôi chịu hết nổi rồi. Mà thôi, chuyện qua rồi,’

“Đúng lúc này, giọng nói trầm đục của Kurtz văng ra từ sau rèm: ‘Cứu ta! - Ý mi là, cứu chỗ ngà. Chớ bảo ta. Cứu *ta*! Vì sao ta phải cứu mi. Mi đang phá hoại kế hoạch của ta. Ốm! Ốm! Không nặng như mi mơ tưởng đâu. Khởi cần. Kiểu gì ta cũng thực hiện dự định của mình - ta sẽ trở lại. Ta sẽ cho mi thấy ta làm được gì. Mi và mớ ý tưởng hèn mọn của mi - mi đang cản trở ta. Ta sẽ trở lại. Ta..,’

“Viên giám đốc trở ra. Gã dành cho tôi vinh dự là nắm tay tôi dẫn ra một bên. ‘Ông ấy rất yếu, yếu lắm,’ gã nói. Gã thấy cần phải thờ dài, nhưng chẳng buồn duy trì bộ mặt ưu phiền. ‘Chúng ta đã làm tất cả những gì có thể vì ông ấy - phải không? Tuy nhiên không thể phủ nhận thực tế, những gì ông ấy làm cho Công ty hại nhiều hơn lợi. Ông ấy không nhận ra, hiện nay chưa chín muồi để hành động quyết

liệt. Thận trọng, thận trọng - đó là nguyên tắc của tôi. Chúng ta vẫn phải thận trọng. Nơi này sẽ đóng cửa với ta một thời gian. Tệ hại! về tổng thể giao thương sẽ bị ảnh hưởng. Tôi không phủ nhận ta có một lượng ngà đáng kể - chủ yếu là hóa thạch. Bất luận thế nào ta cũng phải tẩu tán chúng - nhưng nhìn xem tình hình đang bất trắc thế nào - và tại sao? Vì phương pháp ấy không ổn,’ ‘Ông vừa bảo,’ tôi đáp, mắt nhìn ra biển, ‘phương pháp ấy “không ổn?”’ ‘ ‘Dĩ nhiên,’ gã gay gắt. ‘Anh không thấy thế à?’ ‘Chẳng ra phương pháp gì sất,’ lát sau tôi lẩm bẩm. ‘Chính xác,’ gã tự mãn đáp. ‘Tôi đã dự báo trước vụ này. Chứng tỏ hoàn toàn thiếu óc xét đoán. Tôi có trách nhiệm phải chỉ ra điều đó với bộ phận liên quan.’ ‘À,’ tôi nói, ‘anh bạn - tên gã là gì nhỉ? - thợ gạch, sẽ chế cho ông một bản báo cáo xuôi tai,’ Gã sững ra mắt một lúc. Dường như chưa bao giờ tôi hít thở một bầu không khí ô trọc đến thế, và tôi tìm tới Kurtz về tinh thần để giải tỏa - giải tỏa thực sự. ‘Nói gì thì nói, tôi nghĩ ông Kurtz là một con người xuất chúng,’ tôi nói với vẻ nhấn mạnh. Gã giật nảy, ném vào tôi một ánh nhìn nặng nề lạnh lẽo, nói rất khế, ‘đúng thế,’ đoạn xoay lưng bỏ đi. Giờ phút được sủng ái của tôi đã dứt; tôi thấy mình bị vút chung với Kurtz vào rọ những phần tử theo đuổi phương pháp chưa chín muồi về mặt thời gian: tôi thuộc loại không ổn! À! Nhưng ít ra có quyền lựa chọn cơn ác mộng nào cũng là cái hay.

“Tôi quả thực đã tìm đến với hoang dã, chứ không phải Kurtz, người, tôi phải thừa nhận, không khác gì đã nằm dưới đất. Và trong một giây phút tôi cảm thấy dường như mình cũng bị vùi trong một nắm mồ vĩ đại, chứa đầy những bí mật không thể nói ra. Tôi cảm thấy một áp lực khôn kham đè nặng trên ngực, mùi ẩm mốc từ đất, sự hiện diện vô hình của sa đọa đang chiến thắng, sự tối tăm của một đêm trường vô phương thấu hiểu... Gã người Nga gõ vào vai

tôi. Tôi thấy gã lúng búng lắp bắp gì đó về ‘hải hồ huynh đệ’ - không thể giấu giếm - biết những việc ảnh hưởng đến uy tín của ông Kurtz.’ Tôi chờ đợi. Rõ ràng, với gã ông Kurtz không nằm dưới mộ; và tôi ngờ rằng với gã ông Kurtz đã bước vào hàng ngũ bất tử. ‘À!’ rốt cục tôi thoát, ‘nói đi. Trên thực tế, tôi cũng là bạn của ông Kurtz - theo một cách nào đó.’

“Gã tuyên bố với vẻ khá trịnh trọng rằng nếu chúng tôi không là ‘đồng đạo,’ thì gã sẽ giữ kín việc này bất chấp hậu quả. ‘Ông ấy ngờ rằng đám da trắng kia có ác ý đối với mình...’ ‘Không sai,’ tôi nói, nhớ lại một đoạn hội thoại mình nghe lỏm được. ‘Viên giám đốc cho rằng cậu đáng bị treo cổ,’ Gã thể hiện một vẻ quan ngại ban đầu làm tôi buồn cười trước thông tin tình báo này. ‘Tốt nhất tôi nên lảng lảng rút êm,’ gã thật thà nói. ‘Giờ tôi chẳng giúp gì được ông ấy nữa, và chúng sẽ sớm tìm ra lý do. Có gì ngăn chúng đâu? Cách đây ba trăm dặm mới có một trại lính đồn trú,’ ‘À, nói thật lòng,’ tôi đáp, ‘có lẽ cậu nên đi, nếu có bạn bè thổ dân ở gần đây,’ ‘Nhiều lắm,’ gã đáp. ‘Họ vốn chất phác - mà tôi thì chẳng cần gì, ông biết đấy.’ Gã đứng cắn môi rồi nói, ‘Tôi không muốn tai ương gì xảy ra với đám da trắng này, nhưng dĩ nhiên tôi lo nghĩ về thanh danh của ông Kurtz - nhưng chúng ta là hải hồ huynh đệ và...’ ‘Được rồi,’ một lúc sau tôi thoát. ‘Thanh danh của ông Kurtz sẽ an toàn với tôi,’ Tôi không biết mình nói thật đến đâu.

“Gã hạ giọng tiết lộ với tôi rằng, chính Kurtz ra lệnh tấn công con tàu. ‘Đôi khi ông ấy căm ghét việc sẽ bị đưa đi - thế rồi lại... Nhưng tôi không hiểu mấy chuyện này. Tôi là người đơn giản. Ông ấy nghĩ thế sẽ khiến các ông sợ mà lui - làm các ông bỏ cuộc, tưởng ông ấy chết rồi. Tôi can ông ấy mà không được. Ôi, cả tháng cuối cùng này

tôi đến khổ vì chuyện đó,’ ‘Không sao,’ tôi nói. ‘Giờ thì ông ấy ổn rồi,’ ‘Vâng,’ gã lúng búng, rõ ràng là chưa tin lắm. ‘Cảm ơn,’ tôi nói; ‘tôi sẽ thận trọng,’ ‘Nhưng nhớ kín đáo, nhé?’ gã lo lắng dặn. ‘Thanh danh ông ấy sẽ tổn hại nặng nề nếu ai đó ở đây..,’ Tôi hết sức trịnh trọng hứa sẽ tuyệt đối giữ bí mật. ‘Có thuyền độc mộc và ba gã da đen chờ tôi cách đây không xa. Tôi chuồn đây. Ông để cho tôi một ít đạn Martini-Henry được chứ?’ Tôi có thể, và làm vậy với sự bí mật thích hợp. Gã nháy mắt với tôi và tự lấy một nắm thuốc lá đầy. ‘Chỗ thủy thủ với nhau - hả - thuốc lá Anh là nhất.’ Đến ngưỡng cửa buồng lái gã ngoảnh lại - ‘À này, ông có dư đôi giày nào không?’ Gã giơ một chân lên. ‘Này’ Đế giày được buộc thắt nút kiểu xăng-đan dưới bàn chân trần. Tôi móc ra một đôi giày cũ, được gã nhìn với ánh mắt kính ngưỡng trước khi kẹp vào nách. Một túi gã (đỏ tươi) căng phồng những đạn, túi kia (xanh sẫm) lấp ló cuốn sách của Towson, vân vân và vân vân. Xem ra gã thấy mình được trang bị hết sức hoàn hảo cho cuộc tái ngộ với hoang dã. ‘Hỡi ơi! Sẽ chẳng bao giờ tôi gặp được người như thế nữa. Ông phải nghe ông ấy ngâm thơ - thơ của ông ấy sáng tác nữa, ông ấy bảo tôi thế. Thơ!’ Mắt gã long lanh khi hồi tưởng những niềm hứng khởi ấy. ‘Ôi, ông ấy đã mở mang đầu óc tôi!’ ‘Tạm biệt,’ tôi nói. Gã bắt tay tôi và biến mất vào màn đêm. Đôi khi tôi tự hỏi có thật mình đã gặp gã không - có thể nào gặp được một kỳ nhân như thế!...

“Tỉnh dậy khi vừa quá nửa đêm, lời cảnh báo của gã trở lại trong trí tôi, và ám chỉ của nó về hiểm nguy, dưới trời đêm sao sáng, bỗng hiện hữu đến nỗi làm tôi phải trở dậy để ngó quanh một vòng. Trên đồi có một đồng lửa lớn, bập bùng rọi sáng một góc nhà trạm méo mó. Một gã đại diện cùng một toán da đen, được vũ trang cho nhiệm vụ này, đang thức canh gác; nhưng ở sâu trong rừng, ánh hồng

quang chập chờn, lúc chìm lúc nổi trên mặt đất giữa những hình trụ hỗn loạn màu đen kịt, cho thấy vị trí chính xác của khu trại nơi những kẻ sùng bái Kurtz đang thực hiện buổi dạ nguyện bất an của họ. Nhịp trống cái đơn điệu lấp đầy không gian bằng những chấn động nghèn nghẹt và dư âm luông vuông. Tiếng u u đều đặn do nhiều người thảm tụng một thứ bùa chú kỳ dị lan ra khỏi bức tường rừng đen, phẳng, như thể tiếng đàn ong bay ra khỏi tổ, gây hiệu ứng thôi miên kỳ quái lên các giác quan còn mơ màng của tôi. Tôi nghĩ mình đã dựa vào lan can và thiếp đi, đến khi một tràng gào rú bất ngờ, một cú bùng phát ào ạt của cơn điên cuồng bí ẩn bị kìm nén, khiến tôi choàng tỉnh trong ngõ ngàng kinh ngạc. Nhưng nó lập tức bị đứt đoạn, và tiếng u u khe khẽ nọ tiếp tục với một sự tĩnh lặng hữu thanh và có tác dụng an thần. Tôi tiệt mắt liếc vào căn lán. Bên trong có ánh đèn, nhưng Kurtz không còn ở đó.

“Chắc hẳn tôi đã hét toáng lên nếu tin vào mắt mình. Nhưng đầu tiên tôi không tin - điều này quá sức hoang đường. Thực tế là tôi hoàn toàn thất đảm trước một nỗi khiếp sợ tuyệt đối trống rỗng, một sự khủng bố hoàn toàn trừu tượng, không liên quan tới bất kỳ hình hài cụ thể nào của mối đe dọa về thể xác. Điều khiến cảm xúc này mãnh liệt đến thế là - biết định nghĩa thế nào nhỉ? - cú sốc về đạo đức mà tôi phải chịu, như thể một thứ gì đó vô cùng quái đản, quá sức chịu đựng của trí óc và kinh tởm với tâm hồn, vừa bất ngờ bị tổng cho tôi. Tất nhiên cảm giác này chỉ kéo dài một sát na, rồi ý thức quen thuộc về thứ tai họa chết chóc thông thường, nguy cơ bị tập kích và tàn sát, hay đại khái thế, điều tôi thấy lơ lửng trên đầu, đã trở lại, khiến tôi cảm thấy hoan hỉ và yên lòng. Trên thực tế nó làm tôi nhẹ nhõm tới mức không lên tiếng báo động.

“Một gã đại diện mặc áo măng tô cài hết cúc đang ngủ ngời trên ghế trên boong, cách tôi chưa đầy một mét. Tiếng hét ban nãy không làm gã thức giấc; gã ngáy nhẹ nhẹ; tôi mặc gã kéo gối và nhảy lên bờ. Tôi không phản bội Kurtz - có lệnh là tôi không bao giờ được phản bội y - có quy định thành văn rằng tôi sẽ phải trung thành với cơn ác mộng mình lựa chọn. Tôi háo hức muốn tự mình đối diện với cái bóng này, - đến hôm nay tôi vẫn không hiểu vì sao mình lại ghen tuông không muốn chia sẻ với bất kỳ ai cảm giác đen tối dị thường của trải nghiệm ấy.

“Vừa lên bờ tôi đã thấy dấu vết - một vết rộng hằn trên cỏ. Tôi nhớ cảm giác hưng phấn lúc đó khi tự nhủ, ‘Y không đi nổi, phải bò bằng bốn chân - mình tóm được y rồi,’ Mặt cỏ ẩm sương. Tôi siết chặt nắm tay và sỏi bước. Tôi nghĩ mình mơ hồ có ý tưởng nhảy xổ lên người y và đâm đá túi bụi. Tôi không biết. Tôi có vài suy nghĩ dờ dẩn. Bà già ôm mèo ngồi đan bông hiện ra trong ký ức tôi như đối tượng phi lý nhất là khởi đầu cho chuyện này. Tôi thấy một toán hành hương cầm súng trường Winchester ngang hông và vãi đạn trong không khí. Tôi tưởng mình sẽ không bao giờ trở lại tàu nữa, và hình dung ra mình sống đơn độc và không vũ khí giữa rừng đến già. Rặt chuyện ngớ ngẩn ấy mà. Và tôi nhớ mình còn hòa nhịp trống với nhịp tim của bản thân, và mãn nguyện trước sự đều đặn bình thản của nó.

“Dầu vậy, tôi vẫn theo dấu y - đoạn dừng lại nghe ngóng. Đêm rất trong; một vùng không gian lam sẫm, lấp lánh sương và ánh sao, nơi những sự vật màu đen cực kỳ bất động. Tôi cảm giác phía trước thấp thoáng có chuyển động. Đêm hôm ấy tôi tự tin một cách kỳ lạ về mọi thứ. Tôi quả đã từ bỏ dấu vết kia rồi đánh một cung tròn rộng

(tôi nghĩ mình còn cười thầm) để chặn đầu cái loạt soạt, cái chuyển động khi nãy tôi nhìn thấy - nếu quả tình tôi có thấy gì đó. Tôi đang đi vòng để úp sọt Kurtz như thể một trò chơi con nít.

“Tôi chặn đầu y, và nếu y không nghe thấy tôi thì chắc tôi đã nhào lên y, song y kịp thời đứng dậy. Y vươn người lên, lão đảo, dài, nhọt nhọt và lờ mờ, như một luồng hơi mặt đất phả ra, rồi lắt lư nhẹ, chấp chờn, im lặng trước mặt tôi; trong khi sau lưng tôi ánh lửa bập bùng giữa rừng cây, tiếng rì rào của nhiều giọng nói phát ra từ trong rừng. Tôi đã ranh mãnh chặn lối y; nhưng khi phải thật sự đối mặt với y thì sự tỉnh táo dường như trở lại, giúp tôi nhận thức được tầm vóc đích thực của hiểm nguy. Nó chưa hề tan biến. Ngộ nhỡ y hét lên? Dù gắng gượng lắm mới đứng nổi, giọng y vẫn còn rất nhiều khí lực. ‘Chạy mau - nắp đi,’ y thốt, bằng giọng điệu âm trầm ấy. Nghe thật kinh khủng. Tôi liếc ra sau. Chúng tôi chỉ cách đồng lửa gần nhất chưa đầy ba mươi mét. Một bóng đen đứng dậy, sải cặp chân đen dài và vung vẩy đôi tay đen dài hươc ánh lửa. Trên đầu nó có sừng - linh dương, tôi đoán vậy. Một loại phù thủy, thầy mo gì đó, hẳn rồi: nhìn nó chẳng khác yêu ma. ‘Ông có biết mình đang làm gì không?’ Tôi thì thầm. ‘Hoàn toàn,’ y đáp, lên giọng chỉ vì một chữ ấy: bên tai tôi nó xa xăm nhưng vang dội, như tiếng chào của một cây kèn trumpet biết nói. Y mà làm ầm lên là tất cả đi tong, tôi tự nhủ. Rõ ràng đây không phải tình huống để tay nắm chân đá, dấu rằng ngoài nỗi ác cảm rất đối tự nhiên thì tôi buộc phải đánh bại Cái bóng ấy - vật thể lang thang và thống khổ ấy. ‘Ông sẽ lạc lối,’ tôi nói - Tạc lối hoàn toàn.’ Đôi khi trong óc ta lóe lên một tia sáng tạo như thế. Tôi đã đánh trúng huyết, mặc dù thực tế y chẳng thể nào lạc lối một cách bất khả vãn hồi hơn chính thời điểm này, khi nền tảng cho sự thân thiết giữa chúng tôi đang được thiết lập - để

trường tồn - để trường tồn - đến thời khắc cuối cùng - thậm chí xa hơn nữa.

“ ‘Tôi có những kế hoạch lớn lao,’ y ngập ngừng lắp bắp. ‘Phải,’ tôi nói; ‘nhưng nếu ông định kêu lên thì tôi sẽ táng vỡ đầu ông bằng...’ Xung quanh chẳng có khúc cây hay hòn đá nào. ‘Tôi sẽ siết cổ ông chết tươi,’ tôi chỉnh lại. ‘Tôi đang ở ngưỡng cửa những điều vĩ đại,’ y van nài, bằng giọng nói khắc khoải, với một âm sắc hoài vọng làm máu trong người tôi lạnh toát. ‘Giờ chỉ vì thằng nhãi ranh ngu xuẩn này...’ ‘Dù trong hoàn cảnh nào thành công của ông ở châu Âu vẫn được ghi nhận,’ tôi khẳng định, vẻ điềm tĩnh. Tôi không muốn phải siết cổ y, hiểu không - và quả thực cái đó chẳng ích lợi là bao cho bất kỳ mục đích thực tiễn nào. Tôi cố phá giải thứ bùa chú - thứ bùa chú nặng nề, cam nín của hoang dã - dường như đã kéo y vào bầu ngực nhẩn tâm của mình bằng cách thức tính những bản năng tàn khốc bị lãng quên, và khơi dậy ký ức về những dục vọng dị hợm được thỏa mãn. Chỉ có điều này, tôi tin là vậy, đã thôi thúc y bò đến bìa rừng, đến bụi rậm, về phía ánh lửa, phía rộn ràng nhịp trống, phía u u tiếng niệm chú kỳ dị; chỉ có điều này đã mê hoặc linh hồn bất chính của y vượt khỏi ranh giới của khát vọng chính đáng. Và, các cậu hiểu không, nỗi kinh hoàng của tình huống này không phải là bị nện vào đầu - dù tôi vẫn nhận thức sống động về nguy cơ ấy - mà là phải đối diện với một sinh thể ta không thể kêu gọi nhân danh bất cứ điều gì, dù cao quý hay thấp hèn. Tôi thậm chí phải, như đám mọi đen, chiêu cầu y - bản ngã y - sự tha hóa tột đỉnh, phi thường ở y. Trên y không có ai mà dưới y cũng chẳng còn gì, và tôi biết điều này. Y đã vẫy vùng vượt thoát khỏi trần gian. Góm mặt thay! Y đã quấy đập trần gian tan nát. Y chỉ có một mình, và đối diện y tôi không biết mình đang đứng dưới đất hay lơ lửng giữa trời. Tôi

vừa thuật lại những gì chúng tôi nói - lặp lại những câu chữ chúng tôi phát âm - nhưng phỏng có ích gì? Đây là những lời lẽ thường ngày - những thanh âm quen thuộc mơ hồ ta vẫn trao đổi hàng ngày trong cuộc sống. Nhưng thế thì sao? Chúng hàm chứa, đối với tâm trí tôi, ngụ ý kinh hoàng của những từ ngữ nghe thấy trong mơ, những câu chữ thoát ra trong ác mộng. Linh hồn! Nếu có ai từng tranh đấu với linh hồn, thì đó là tôi. Và tôi không hề tranh cãi với một kẻ điên. Tin tôi không tùy các cậu, nhưng trí tuệ y hoàn toàn minh mẫn - tập trung, thật vậy, vào bản thân y với cường độ khủng khiếp, nhưng vẫn minh mẫn; và đây chính là cơ hội duy nhất của tôi - đương nhiên, trừ việc hạ sát y, ngay và luôn, điều không hay ho gì lắm, vì sự âm ỉ không tránh khỏi. Nhưng linh hồn y đã điên rồi. Cô độc giữa nơi hoang dã, nó đã soi vào chính mình, và quỷ thần ơi, nó đã hóa điên, phải nói như vậy. Tôi buộc phải - vì tội lỗi bản thân, hẳn thế - trải qua thử thách là tự mình nhìn vào nó. Không sự hùng biện nào có thể làm tàn úa niềm tin vào nhân loại ghê gớm như cơn bộc phát cuối cùng của lòng thành thực ở y. Y cũng tranh đấu với bản thân. Cái đó tôi đã thấy, - tôi đã nghe. Tôi nhìn thấy bí ẩn không tưởng của một linh hồn không biết đến kiểm chế, đến đức tin, và đến sợ hãi, nhưng lại mù quáng tranh đấu với bản thân. Tôi tự chủ khá tốt; nhưng khi rốt cục cũng đưa được y về nằm soải trên giường bệnh, tôi mới lau mồ hôi trán, trong khi đôi chân lầy bầy như thể vừa gánh trên lưng nửa tấn đi xuống quả đồi kia. Mà đó là tôi chỉ nâng đỡ y, cánh tay xương xẩu của y quàng qua cổ tôi - và y không nặng hơn một đứa trẻ là mấy.

“Trưa hôm sau khi chúng tôi nhổ neo, đám đông mà sự hiện diện sau lớp rèm cây không ngừng ám ảnh tôi suốt thời gian qua, lại tràn ra khỏi rừng, lấp đầy khoảng đất trống, phủ kín triền đồi bằng vô vàn

cơ thể màu đồng ở trần, hít thở, run rẩy. Tôi cho tàu hơi tăng tốc, rồi bẻ lái xuôi dòng, trong khi hai nghìn con mắt dõi theo bước tiến của con thủy quái ò oạp, hục hoặc, dữ tợn, đang quạt nước bằng cái đuôi góm ghiếc và phun khói đen. Đứng trước hàng đầu, ven bờ sông, là ba gã thổ dân, trét chu sa đỏ rực từ đầu đến chân, lồng lộn lượn qua lượn lại. Khi tàu ngang qua lần nữa, chúng hướng ra sông, giậm chân, gục gặc cái đầu sừng và lắc lư thân hình đỏ au; chúng ném về phía con thủy quái dữ tợn một túm lông chim đen, một bộ da ghe lở với cái đuôi lông thòng - trông như quả bầu khô; chúng đều đặn rú lên một chuỗi từ ngữ kỳ quái, không giống bất cứ âm thanh nào trong ngôn ngữ của nhân loại; và tiếng rầm rì trầm đục của đám đông, đột nhiên gián đoạn, giống như tiếng đồng hưởng một khúc ma kinh.

“Chúng tôi đem Kurtz vào buồng lái: trên ấy thoáng khí hơn. Nằm trên trường kỷ, y đờ đẫn nhìn qua ô cửa ngỏ. Giữa biển người bỗng xuất hiện một xoáy nước, và ả đàn bà đầu đội mũ trụ, gò má ngăm nâu kia ào đến tận mép nước. ả giơ tay lên, rú vang, và cả đám đông man rợ nhất loạt hòa theo trong điệp khúc gầm gào của một phát ngôn rõ ràng, mau lẹ, và nín thở.

“ ‘Ông có hiểu điều này không?’ Tôi hỏi.

“Y vẫn bỏ qua tôi và nhìn ra ngoài với ánh mắt khát khao rực lửa, với biểu tình lẫn lộn giữa nuối tiếc và căm hận. Y không trả lời, nhưng tôi thấy một nụ cười, một nụ cười vô phương định nghĩa, xuất hiện trên bờ môi không huyết sắc mà chỉ giấy lát sau đã co thắt đến méo mó. ‘Có hiểu không à?’ Y nói chậm rãi, hờn hển, như thể có một thể lực siêu nhiên vừa bứt từng lời khỏi cơ thể y.

“Tôi kéo dây còi, và tôi làm vậy vì thấy đám hành hương trên boong đang lôi súng ra trong không khí háo hức đợi một trò vui. Tiếng còi hú đột ngột gây nên một làn sóng kinh hoàng thảm hại giữa biển cơ thể chật như nêm ấy. ‘Đừng! Đừng dọa bọn nó chạy mất,’ trên boong dậy lên một tiếng rên thảm thiết. Tôi kéo còi hết lần này đến lần khác. Tất cả chạy tung tóe, người nhảy, người hụp, người luồn lách, người né tránh nỗi kinh hoàng biết bay của âm thanh. Ba gã trét bùn đồ nằm bẹp dí, mặt úp xuống cát, như thể bị bắn chết. Duy có ả đàn bà man rợ và kiều mị kia là không hề nao núng, và vẫn oán hận giang đôi tay trần đuổi theo chúng tôi bên dòng sông ảm đạm và lấp lánh.

“Và sau đó lũ đàn độn trên boong mở màn trò vui của chúng, làm tôi chẳng thấy gì nữa vì khói súng.

“Dòng nước nâu hối hả chảy khỏi vùng tắm tối, mang chúng tôi xuôi dòng ra biển, nhanh gấp đôi lúc ngược dòng; còn sinh mệnh Kurtz cũng hối hả rời bỏ y, rút dần, rút dần khỏi tim y, ra biển cả tàn khốc của thời gian. Viên giám đốc rất bình thản, không còn nỗi âu lo sống còn nào, gã tiếp nhận chúng tôi bằng cái nhìn thông hiểu và thỏa mãn: ‘vụ việc’ đã kết thúc tốt đẹp như ý nguyện của gã. Tôi biết sắp tới lúc còn lại mình tôi trong nhóm ‘có phương pháp không ổn,’ Bọn hành hương nhìn tôi với vẻ khinh ghét. Có thể nói tôi đã được liệt cùng hàng với kẻ sắp chết. Kỳ lạ thay cái cách tôi chấp nhận sự đồng đạo bất ngờ này, sự lựa chọn cơn ác mộng được áp đặt cho tôi tại xứ sở hắc ám phải hứng chịu cuộc xâm lăng của những bóng ma đê tiện và tham tàn này.

“Kurtz diễn thuyết. Giọng nói ấy! Giọng nói ấy! Nó âm vang tới phút cuối cùng. Nó vượt trên sức khỏe y, để che giấu trong vẻ trùng điệp huy hoàng của tài hùng biện cái đen tối khô cằn của trái tim y. Ôi, y vật vã! Y vật vã! Mảnh đất hoang phế của não bộ kiệt quệ của y giờ bị ám ảnh bởi những bóng ma - bóng ma của tiền tài và danh vọng, ngoan ngoãn xoay quanh thiên tài bất diệt ở y là diễn ngôn cao quý và hướng thượng. Hồn thể của ta, trạm của ta, sự nghiệp của ta, ý tưởng của ta - đây là chủ đề phát ngôn của những thời khắc hưng cảm ở y. Bóng ma Kurtz của ngày xưa không ngừng lửng lơ bên giường bệnh kẻ giả mạo héo hon mà số mệnh đã chú định ngay lúc này phải bị chôn vùi trong huyết mộ của lòng đất cổ sơ. Song cả tình yêu ma quỷ và lòng thù hận phi trần thế dành cho những bí ẩn nó đã khám phá đang giao tranh để chiếm hữu mảnh linh hồn đắm chìm trong những xúc cảm nguyên thủy, thêm khát hư danh, ngụy vinh, cùng mọi hình tượng của thành công và quyền lực.

“Có những lúc y trẻ con một cách đáng khinh. Y thêm khát được xa giá nhà vua ra đón ngoài ga khi y trở về từ một chốn xa xôi kinh dị nào đó, nơi y tham vọng hoàn thành những điều vĩ đại. ‘Cho họ thấy ta có tiềm năng mang lại lợi nhuận thực sự, và sẽ chẳng có giới hạn nào trong việc ghi nhận năng lực của ta,’ y nói. ‘Tất nhiên, phải lưu ý đến động cơ - động cơ phải đúng đắn - bao giờ cũng vậy.’ Những đoạn sông dài như cùng đúc một khuôn, và những khúc quanh buồn tẻ giống nhau như hệt, cứ thế trôi qua dưới thân tàu với vô vàn cỗ thụ đang kiên nhẫn dõi theo mảnh vụn lem luốc của thế giới khác ấy, kẻ tiên phong của thay đổi, của chinh phục, của thương mại, của tàn sát, của ơn phước. Tôi nhìn ra phía trước - việc của hoa tiêu. ‘Kéo mảnh xuống,’ một hôm Kurtz bỗng nói; ‘Tôi không

chịu nổi cảnh tượng này.’ Tôi y lời. Y im lặng hồi lâu. ‘Ôi, nhưng ta sẽ vò nát tim ngươi!’ Y thốt lên với hoang dã mà y không còn thấy nữa.

“Tàu hỏng - đúng như tôi dự kiến - và phải tấp vào một mồm đảo để sửa chữa. Sự trì hoãn này là điều đầu tiên khiến niềm tin của Kurtz lung lay. Một sớm nọ, y giao cho tôi một xấp giấy và một bức ảnh - tất cả được bó bằng dây giày. ‘Giữ giùm tôi,’ y nói. ‘Thằng ngốc độc địa này’ (ám chỉ viên giám đốc) ‘dám sục sạo đồ đạc của tôi khi tôi không để ý lắm,’ Buổi chiều tôi lên ngó y. Y đang nằm ngửa, nhắm mắt, và tôi lặng lẽ rút lui, nhưng nghe tiếng y thì thầm, ‘Sống đang hoang, chết, chết...’ Tôi lắng nghe. Nhưng y không nói gì nữa. Y đang tập dượt một bài diễn văn trong giấc ngủ, hay đó là vài chữ trong một bài báo y viết? Trước đây y từng viết báo và định sẽ trở lại với việc đó, ‘nhằm truyền bá những ý tưởng của tôi. Đó là nhiệm vụ,’

“Y là một vùng tăm tối vô phương thấu hiểu. Tôi nhìn y như ta nhìn xuống kẻ nằm dưới đáy vực sâu chưa bao giờ thấy bóng mặt trời. Nhưng tôi chẳng có nhiều thời gian dành cho y, bởi tôi phải giúp tay thợ máy tháo những xy-lanh bị rò, nắn thẳng một cần trục bị cong, và nhiều việc tương tự. Tôi như sống trong hỏa ngục bề bộn của rỉ sắt, mạt giũa, ốc, vít, cờ lê, búa, khoan tay - những thứ tôi chán ghét, bởi tôi không sao quen với chúng được. Tôi phải trông cái lò nhỏ mà con tàu may mắn có được; tôi nhọc nhằn cặm cũi giữa một đồng phế liệu thảm hại - trừ những lúc run lẩy bẩy không chịu nổi.

“Một tối cầm cây nến bước vào, tôi ngỡ ngàng khi thấy y hơi run rẩy nói, ‘Ta đang nằm đây chờ chết trong bóng tối,’ Ánh sáng chỉ cách mắt y chừng hai gang tay. Tôi tự ép mình lằm bằm, ‘Dào, vớ vẩn!’ và đứng lặng bên giường y.

“Bất cứ điều gì tương tự sự biến đổi trên diện mạo y tôi đều chưa thấy bao giờ, và hy vọng không bao giờ thấy lại nữa. Mà tôi không hề xúc động nhé. Tôi thấy hứng thú. Như thể tấm mạng vừa bị xé toang. Tôi thấy trên gương mặt màu ngà ấy biểu tình của niềm kiêu hãnh u ám, của quyền lực tàn khốc, của nỗi kinh hoàng hèn hạ - của sự khốn cùng ghê gớm và tuyệt vọng. Phải chăng y đã sống lại toàn bộ cuộc đời mình với từng chi tiết của khát vọng, căm dỗ, và quy hàng trong khoảnh khắc tối hậu của sự toàn tri tuyệt đối ấy? Y thì thào rên lên trước một hình ảnh, một ảo giác nào đó - y rên hai lần, một tiếng rên gần như hơi thở...

“ ‘Nỗi kinh hoàng! Nỗi kinh hoàng!’

“Tôi thổi nến và rời buồng lái. Bọn hành hương đang dùng bữa tối dưới phòng ăn, và tôi ngồi xuống đối diện tay giám đốc, kẻ nhướng mắt ném cho tôi một ánh nhìn dò hỏi mà tôi đã lờ đi thành công. Gã ngả người ra sau, bình thản, với nụ cười quái dị phong kín chiều sâu bất lộ của sự đê tiện ở gã. Một trận mưa ruồi bồng tràn lên ngọn đèn, lên khăn bàn, lên tay, lên mặt chúng tôi. Đột nhiên tên hầu của tay giám đốc thò cái đầu mọt đen lắc các vào cửa, và nói với giọng khinh miệt cay độc...

“‘Mít tở Kurtz - trét rồi.’

“Cả đám hành hương ủa ra xem. Tôi ngồi yên và tiếp tục dùng bữa tối. Tôi tin rằng mình bị coi là loại vô tâm tàn nhẫn. Tuy vậy, tôi không ăn được mấy. Trong phòng có đèn - ánh sáng, các cậu biết không - trong khi ở ngoài thì tối, tối ghê người. Tôi chẳng bao giờ đến gần nhân vật bất phàm đã tuyên lời phán xét về những cuộc phiêu lưu của linh hồn y trên mặt đất này nữa. Giọng nói ấy không còn. Liệu còn gì ở đó? Nhưng tất nhiên tôi biết hôm sau đám hành hương có chôn gì đó trong một cái hố sũng bùn.

“Thế rồi chúng gần như suýt nữa đã chôn tôi.

“Tuy nhiên, các cậu thấy đấy, tôi không theo chân Kurtz luôn lúc đó. Không hề. Tôi tiếp tục mơ nốt cơn ác mộng đến tận cùng, và chứng tỏ lòng trung thành của mình với Kurtz một lần nữa. Định mệnh. Định mệnh của tôi! Tạo hóa khéo trêu ngươi - kiểu xoay vần bí hiểm của thứ logic tàn nhẫn vì mục đích vô nghĩa ấy. Ta cùng lắm chỉ có thể mong đợi ở nó chút ít nhận thức về bản thân - điều xảy đến quá muộn - một vụ mùa của những nỗi ân hận khôn nguôi. Tôi đã vật lộn với cái chết. Và đó là cuộc tỉ thí kém hào hứng nhất trần đời. Nó diễn ra ở một vùng xám vô hình, chẳng có gì dưới chân, chẳng có gì xung quanh, không khán giả, không một tiếng hò reo, không vinh quang, không khát vọng lớn lao để chiến thắng, không nỗi sợ ghê gớm trước thất bại, trong bầu không khí bệnh hoạn của nỗi hoài nghi lãnh đạm, chẳng có mấy niềm tin ở bản thân, và càng ít hơn vào địch thủ. Nếu quả đó là hình tượng của tội đỉnh minh triết thì cuộc đời này hóa ra là câu đố cao siêu hơn một số trong chúng ta vẫn tưởng. Tôi cách cơ hội cuối cùng để tuyên ngôn một đường tơ, và tôi hồ thẹn nhận ra rằng có lẽ mình chẳng biết nói gì. Đó là lý do khiến tôi khẳng định Kurtz là một kẻ bất phàm. Y có cái để nói. Y

đã nói. Vì bản thân tôi đã nhòm xuống bờ vực, tôi hiểu rõ hơn ý nghĩa cái nhìn của y, cái nhìn không thấy nổi ánh lửa của ngọn nến, nhưng đủ rộng lớn để bao trọn cả vũ trụ, đủ sắc bén để xuyên thấu mọi trái tim đập trong bóng tối. Y đã đúc kết - y đã phán xét. ‘Nỗi kinh hoàng!’ Y quả là một con người bất phàm. Nói cho cùng, đây là biểu hiện của một kiểu niềm tin; nó thẳng thắn, nó quả quyết, nó mang âm sắc rung động của sự nổi loạn trong tiếng thì thầm, nó mang diện mạo kinh hoàng của một thoáng sự thật - sự pha trộn kỳ lạ giữa khát khao và căm ghét. Và cái tôi nhớ nhất không phải là phút cực hạn của bản thân - ảo cảnh về một vùng xám vô định hình chất chứa nỗi đau thể xác, cùng nỗi khinh ghét hời hợt với sự hư ảo của vạn vật - kể cả nỗi đau này. Không! Chính phút cực hạn của y là điều tôi hình như đã trải qua. Đúng, y đã sai bước cuối cùng ấy, y đã bước qua bờ vực, trong khi tôi được phép rút lại bước chân ngăn ngại của mình. Và có lẽ toàn bộ khác biệt nằm ở đây; có lẽ mọi minh triết, mọi sự thật, mọi chân thành, tất cả đều cô đọng lại trong một sát na vô phương tri cảm khi ta bước qua cái ngưỡng vô hình ấy. Có lẽ! Tôi muốn nghĩ rằng sự tổng kết của mình không phải là một từ chứa đựng lòng khinh ghét hời hợt. Giới thay tiếng rên của y - giỏi hơn nhiều. Đó là một sự xác quyết, một thắng lợi tinh thần phải trả giá bằng vô số thất bại, bằng những nỗi hãi hùng kinh tởm, những sự thỏa mãn kinh tởm. Nhưng đó là thắng lợi! Đó là lý do khiến tôi trung thành với Kurtz đến phút cuối cùng, và hơn nữa, khi khá lâu sau tôi lại được nghe, không phải giọng nói của y, mà là tiếng vọng của tài hùng biện xuất chúng ấy, dội đến với tôi từ một linh hồn khói sương thuần khiết như vách núi pha lê.

“Không, chúng không chôn tôi, dù có một quãng thời gian mà tôi chỉ nhớ một cách mờ mịt, với một cái rừng mình hoang mang, như đi

xuyên qua một thế giới hoang đường tuyệt không có chút hy vọng hay ham muốn nào. Tôi thấy mình trở lại giữa thành phố lằng tằng, chán ghét cảnh tượng người người hối hả trên đường phố để moi tí tiền của nhau, để ngốn ngấu thứ đồ ăn ô uế, nốc thứ bia độc hại, mơ những giấc mơ hèn mọn và ngu ngốc. Họ xâm phạm tâm trí tôi. Họ là những kẻ xâm nhập mà sự hiểu đời, với tôi, chỉ như một sự giả bộ đáng ghét. Tôi tin chắc họ không thể nào biết những điều tôi biết. Thái độ của họ, vốn chỉ là thái độ của những cá nhân tầm thường lo việc mình trong điều kiện được đảm bảo an toàn tuyệt đối, với tôi cũng phản cảm như mấy trò khoe mẽ nhố nhăng rồ dại khi đối diện một mối hiểm nguy họ không nhận thức nổi. Tôi không có tham vọng cụ thể nào trong việc khai sáng cho họ, song lại gặp đôi chút khó khăn khi phải kiềm chế không cười vào mặt họ, rất vẻ quan trọng ngu ngốc. Tôi dám nói hồi ấy tôi không được ổn cho lắm. Tôi dật dờ ngoài phố - có nhiều việc phải giải quyết - nhăn răng cười chua chát trước những nhân vật hoàn toàn khả kính. Tôi thừa nhận cách xử sự của mình không thể tha thứ được, nhưng những ngày này tâm tính tôi hiếm khi bình thường. Tham vọng 'săn sóc sức khỏe' cho tôi của bà cô yêu quý xem ra hoàn toàn lạc hướng. Sức khỏe của tôi đâu cần săn sóc, trí tưởng tượng của tôi mới cần được xoa dịu. Tôi giữ tập giấy Kurtz trao cho, không rõ phải làm gì với nó. Mẹ y mới mất không lâu, dưới sự săn sóc của, theo người ta kể, hôn thê của y. Một người đàn ông nhẵn nhụi, đáng điệu quan cách, đeo kính gọng vàng một hôm đến tìm tôi để hỏi han, đầu tiên vòng vo, rồi chuyển sang khéo léo thúc bách, về những thứ gã định danh là một số 'tài liệu'. Tôi không ngạc nhiên, vì đã hai lần tôi cãi nhau với viên giám đốc về chuyện này ở ngoài đó. Tôi từ chối giao cho gã dù chỉ một mảnh giấy vụn, và tôi vẫn giữ thái độ ấy với gã đeo kính.

Cuối cùng, gã tỏ thái độ uy hiếp, và gay gắt tranh cãi rằng Công ty có quyền với mọi thông tin chi tiết về 'lãnh địa' của mình. Gã bảo, 'hiểu biết của ông Kurtz về những khu vực chưa khai phá nhất định phải rất bao la và đặc sắc - nhờ năng lực xuất chúng và hoàn cảnh bi thảm mà ông ấy bị đặt vào: do vậy...' Tôi cam đoan với gã rằng hiểu biết của ông Kurtz, dù sâu rộng đến đâu, cũng chẳng có tác động gì đến vấn đề thương mại hay quản trị của công ty. Gã bèn viện đến khoa học. 'Đây là một tổn thất lớn lao đối với...' vân vân và vân vân. Tôi giao cho gã bản báo cáo về *'Trấn áp Phong tục Man di'* nhưng đã xé bỏ đoạn tái bút. Gã phẩn khởi nhận lấy, nhưng kết thúc bằng cái khịt mũi khinh miệt. 'Đây không phải cái chúng tôi có quyền chờ đợi,' gã bình luận. 'Đừng chờ đợi gì nữa,' tôi đáp. 'Còn lại chỉ toàn thư từ cá nhân,' Gã rút lui, kèm theo lời đe dọa kiện tụng, và tôi không thấy mặt gã nữa; nhưng hai ngày sau một người khác xưng là anh họ Kurtz xuất hiện, thiết tha muốn nghe tường tận về những phút cuối đời của người bà con thân thiết. Ông ta tình cờ tiết lộ Kurtz căn bản là một nhạc công xuất sắc. 'Chú ấy có tố chất để thành công rực rỡ,' ông ta kể. Bản thân ông ta, tôi nhớ, là một nghệ sĩ organ, với mái tóc hoa râm suôn dài trùm lên cái cổ áo nhờn dầu. Tôi không có cơ sở nào để nghi ngờ thông tin của ông ta; và đến giờ tôi cũng không rõ Kurtz làm nghề gì, liệu y từng có nghề nào chẳng - đâu là tài năng xuất sắc nhất của y. Tôi đã ngỡ y là họa sĩ viết báo, hoặc nhà báo biết vẽ - nhưng cả anh họ y (người hít thuốc lá bột trong cuộc gặp) cũng không thể nói chính xác y là gì. Y là một thiên tài toàn năng - điểm này thì tôi đồng ý với ông ta, người đến đây liền xì mũi rầm rĩ vào tấm mùi soa vải to hước khi rút lui với vẻ già nua lầy bầy, mang theo một ít thư từ gia đình và bản ghi nhớ chẳng có gì quan trọng. Sau cùng một nhà báo thiết tha muốn nghe về vận mệnh

của ‘người đồng nghiệp thân thiết’ xuất hiện. Vị khách thông tin với tôi rằng lĩnh vực thực thụ của Kurtz lẽ ra phải là chính trị ‘với nhiều người ủng hộ,’ Ông ta có đôi lông mày sâu róm, tóc húi cua lờm chờm, cặp mắt kính gài trên một dải ruy băng rộng bản, và, trở nên cởi mở, đánh giá rằng Kurtz thật sự không có khả năng viết lách - ‘nhưng chao ôi! Tài ăn nói của cậu ta thật ghê gớm. Có thể kích động cả đám đông. Cậu ta có niềm tin - cậu hiểu không? Có thể khiến bản thân tin vào bất kỳ - bất kỳ thứ gì. Cậu ta đã có thể là người lãnh đạo xuất chúng của một đảng cực đoan,’ ‘Đảng nào?’ Tôi hỏi. ‘Đảng nào cũng vậy,’ ông ta nói. ‘Cậu ta là người - người cực đoan,’ Tôi có nghĩ thế không? Tôi tán đồng. Tôi có biết, ông ta hỏi, với một tia tò mò đột ngột, ‘điều gì xui khiến cậu ta ra ngoài đó?’ “Có,” tôi đáp, và tức thì giao ra bản Báo cáo lưng danh nọ để xuất bản, nếu ông ta thấy phù hợp. Ông ta liếc sơ một lượt, vừa xem vừa lẩm bẩm, nhận xét ‘được đấy,’ và rút lui với món chiến lợi phẩm này.

“Vậy là cuối cùng chỉ còn lại một tập thư mỏng và chân dung cô gái. Ấn tượng của nàng với tôi là đẹp - ý tôi là trong hình nàng có một biểu cảm đẹp. Tôi biết, nhiếp ảnh có thể là ánh trăng lừa dối, nhưng có lẽ không sự sắp đặt ánh sáng hay tư thế nào có thể truyền tải được sắc thái vi tế của sự chân thành trên những đường nét ấy. Nàng tựa hồ sẵn sàng lắng nghe mà không chút ngại ngùng, không gợn hoài nghi, chẳng mảy may nghĩ về bản thân. Tôi quyết định sẽ tự mình đến gặp và trao cho nàng tập thư. Tò mò? Phải; và có lẽ còn bởi một cảm xúc khác. Mọi thứ từng là Kurtz đều đã qua tay tôi: linh hồn y, thể xác y, trạm của y, kế hoạch của y; ngà của y, sự nghiệp của y. Chỉ còn lại ký ức của y và Hôn thê của y - và tôi muốn hoàn trả cả điều đó nữa, theo một cách nào đó, cho quá khứ - tự mình trao lại tất cả những gì còn lại của y cho sự lãng quên - từ cuối

cùng trong số phận chung của chúng tôi. Tôi không định bào chữa. Khi ấy tôi không ý thức rõ ràng là mình thật sự muốn gì. Có lẽ đó là cơn bốc đồng của lòng trung thành vô thức, hay cố gắng thỏa mãn một trong những nhu cầu thiết yếu oái oăm ẩn dưới thực tại của sự hiện tồn của nhân loại. Tôi không biết. Tôi không rõ. Nhưng tôi đã đi.

“Tôi ngỡ hồi ức về y cũng như mọi hồi ức khác về người chết tích tụ trong đời mỗi người - một dấu hằn mờ trên não bởi những bóng ma đã rơi xuống nó trên chặng đường ngắn ngủi tối hậu của chúng; nhưng trước cánh cửa uy nghi và trầm trọng, giữa những căn nhà cao trên con phố tĩnh lặng và mực thước như một lối đi được coi sóc kỹ càng ở nghĩa trang, tôi bỗng hình dung ra y nằm trên cáng, miệng ngoác ra tham tàn như muốn nuốt trọn cả thế gian và nhân loại. Khi ấy y như sống trước mắt tôi; y sống hoàn toàn hết như y từng sống - một bóng ma tham lam vô độ của ngoại hình lộng lẫy, của những hiện thực kinh hoàng; một bóng ma đen tối hơn cả bóng đêm, cao quý quán trong những nếp vải của cảm tâm tú khẩu. Ảo tượng về y hình như đã theo tôi vào nhà - chiếc cáng, phu khiêng hồn ma, đám đông man dại của những bái đồ ngoan ngoãn phục tùng, vẻ âm ám của rừng già, cái lấp lánh của dòng sông giữa những khúc quanh ngẫu đực, nhịp trống đều đặn và tắc nghẹt như nhịp đập trái tim - trái tim của sự tối tăm đang ngự trị. Đây là khoảnh khắc chiến thắng của hoang dã, một cơn càn quét xâm lăng và báo thù mà, tôi cảm thấy, mình sẽ phải đơn độc đẩy lùi để cứu rỗi một linh hồn khác. Và ký ức của những gì tôi đã nghe y nói ngoài kia, với những cái bóng đầu sừng nhảy múa sau lưng, trước ngọn lửa bập bùng, trong khu rừng nhẩn nại, những lời lẽ rời rạc ấy trở lại với tôi, một lần nữa vang lên trong sự đơn giản bất tường và kinh dị của chúng. Tôi nhớ tiếng nài nỉ đe dọa, lời đe dọa đe dọa của y, tầm vóc

kỳ vĩ của những đục vọng thấp hèn trong y, những bần tiện, giày vò, nổi thống khổ bão dông trong tâm hồn y. Rồi sau đó tôi như thấy lại phong thái điềm tĩnh uể oải của y, khi một hôm y thốt, ‘Chỗ ngà này giờ thật sự là của ta. Công ty đâu phải trả giá gì. Ta đã phải liều mình ghê gớm để thu thập chúng về. Nhưng chỉ e chúng sẽ đòi chiếm hữu. Hmm. Khó đây. Anh bảo ta nên làm gì - chống lại? Hả? Ta chẳng cần gì ngoài công lý,’ Y chẳng cần gì ngoài công lý - ngoài công lý. Tôi rung chuông cánh cửa gỗ đào hoa tâm dưới tầng một, và khi tôi đứng đợi, tưởng như y đang chăm chăm nhìn tôi từ sau lớp kính - nhìn bằng cái nhìn bao la và dữ dội như muốn ôm trọn, kết tội và căm thù cả vũ trụ. Tôi như nghe tiếng y rên rỉ, ‘Nổi kinh hoàng! Nổi kinh hoàng!’

“Hoàng hôn buông xuống. Tôi phải ngồi chờ trong căn phòng khách trần cao có ba ô cửa sổ chạy suốt từ sàn đến trần, như ba cây cột quần rèm và tỏa sáng. Lớp thép vàng ở lưng và chân quỳ của bàn ghế lấp lánh trong những đường cong mờ ảo. Lò sưởi cao bằng cẩm thạch tỏa ra sắc trắng kỳ vĩ và lạnh lẽo. Một cây đại dương cầm đồ sộ đứng ở góc phòng; bề mặt phẳng lì hắt ra những tia sáng đen như một chiếc quan tài đá âm u và bóng loáng. Cánh cửa cao mở ra - đóng lại. Tôi đứng dậy.

“Nàng tiến lại, y phục đen tuyền, với mái đầu nhợt nhạt, bông bênh trôi về phía tôi trong bóng chiều chạng vạng. Nàng để tang. Đã hơn một năm từ khi y chết, đã hơn một năm từ khi nàng biết tin; nhưng trông nàng như thể sẽ nhớ và thương khóc y mãi mãi. Nàng nắm chặt hai tay tôi và thì thầm, ‘Em nghe nói có ông đến,’ Tôi thấy nàng không trẻ lắm - ý là không phải kiểu gái non. Nàng có một vẻ thành thực của người sẵn sàng để thủ tiết, để tin tưởng, để chịu

đứng. Căn phòng cơ hồ u tối hơn, như thể hết thấy ánh sáng sâu thẳm của buổi tối nhiều mây đã nấu mình vào vàng trán nàng. Mái tóc vàng này, dung nhan nhợt nhạt này, hàng lông mày thanh khiết này, tất cả như chìm trong một vàng hào quang màu tro tàn, mà từ đó đôi mắt đen đăm đăm nhìn ra phía tôi. Ánh nhìn ấy thuần chân, sâu thẳm, tự tin, và tín nhiệm. Nàng mang trên vai mái đầu ai thương như một niềm kiêu hãnh, như thể nàng sẽ nói, ta - chỉ mình ta biết cách tiếc thương xứng đáng với chàng. Nhưng khi chúng tôi còn đang bắt tay, một nét thê lương kinh dị bỗng hiện lên trên mặt nàng, khiến tôi nhận ra, nàng là một trong những sinh linh không phải đồ chơi của Thời Gian. Với nàng y chỉ mới chết hôm qua. Và, trời ơi! Ấn tượng ấy mãnh liệt đến nỗi cả tôi cũng cảm thấy y vừa chết hôm qua - không, ngay phút này. Tôi nhìn thấy nàng và y cùng một thời điểm - cái chết của y, và nỗi bi thương của nàng - tôi thấy nỗi bi thương của nàng trong chính khoảnh khắc y chết đi. Các cậu hiểu không? Tôi nhìn thấy họ bên nhau - tôi nghe thấy họ bên nhau. Nàng thốt lên sau một khoảng lặng u trầm, 'Em còn sống,' trong khi đôi tai căng ra của tôi dường như mơ hồ nghe thấy, hòa trong giọng điệu ân hận tuyệt vọng của nàng, tiếng thảm thì kết luận của lời kết án vĩnh hằng từ y. Tôi tự hỏi mình đang làm gì ở đây, trong tim dậy lên một nỗi hoảng loạn như thể vừa lạc bước vào một nơi đầy những bí ẩn tàn nhẫn và kỳ dị không dành cho cặp mắt con người. Nàng hướng về chiếc ghế và ra dấu mời tôi. Chúng tôi ngồi xuống. Tôi khế khàng đặt xấp thư lên chiếc bàn con, và nàng úp tay lên nó... 'Ông biết anh ấy lắm nhỉ,' nàng nhỏ nhẹ, sau một khắc mặc niệm.

“ ‘Ngoài đó con người thân nhau rất nhanh,’ tôi nói. ‘Người ta có thể biết nhau đến chừng nào thì tôi cũng biết anh ấy như vậy,’

“ ‘Và ông ngưỡng mộ anh ấy,’ nàng nói. ‘Một khi đã biết thì khó mà không ngưỡng mộ anh ấy. Phải không?’

“ ‘Anh ấy là một con người xuất chúng,’ tôi ngập ngừng nói. Rồi trước vẻ đăm đăm van cầu trong cái nhìn ấy, như ngóng thêm từng lời trên môi tôi, tôi tiếp tục, ‘Thật khó mà không...’

“ ‘Yêu anh ấy,’ nàng hăm hở tiếp lời, làm tôi nín thình trong nỗi câm lặng hãi hùng. ‘Đúng thay! Đúng thay! Nhưng khi nghĩ rằng không ai hiểu anh ấy bằng em! Em là tri kỷ của anh ấy. Em hiểu anh ấy nhất,’

“ ‘Cô hiểu anh ấy nhất,’ tôi lặp lại. Và có lẽ đúng vậy. Nhưng theo mỗi lời nói ra căn phòng càng thêm u tối, và chỉ có vàng trán nàng, mượt mà, thanh bạch, là vẫn tỏa sáng nhờ tinh quang bất diệt của lòng tín và tình yêu.

“ ‘Ông là bạn anh ấy,’ nàng tiếp. “Bạn anh ấy,’ nàng hơi cao giọng nhắc lại. ‘Hắn thế rồi, một khi anh ấy đã trao vật này cho ông, đã cử ông đến đây. Em cảm thấy mình có thể thổ lộ với ông - chao ôi! Em phải nói. Em muốn ông - người đã nghe anh ấy trần trời - biết rằng em xứng đáng với anh ấy... Chẳng phải vì tự tôn... Phải! Em tự hào biết rằng mình hiểu anh ấy hơn bất kỳ ai trên đời - tự anh ấy nói với em điều đó. Từ khi mẹ anh ấy qua đời, em chẳng còn ai - chẳng còn ai để... để...’

“Tôi lắng nghe. Bóng tối nồng đậm hơn. Tôi còn không chắc y có đưa đúng tập thư cho mình không. Tôi hơi nghi rằng y muốn tôi lo liệu một tập giấy tờ khác, mà sau khi y chết, tôi thấy tay giám đốc sẫm soi dưới ánh đèn. Và cô gái cất tiếng, giải bày nỗi đau trong sự

vững tin vào niềm cảm thông của tôi; nàng nói như kẻ khát uống. Tôi nghe nói cuộc đính hôn của nàng với Kurtz bị gia đình phản đối. Vì y không đủ giàu hay gì đó. Quả thực tôi không rõ có phải y đã túng bần cả đời không. Y cho tôi vài lý do để suy đoán rằng chính cơn sốt ruột không cam phận nghèo đã thôi thúc y ra ngoài đó.

“ ‘Ai nghe anh ấy một lần mà không thành bạn anh ấy?’ Nàng đang nói. ‘Anh ấy thu hút người khác bằng những gì tốt đẹp nhất trong họ,’ Nàng đắm đắm nhìn tôi. ‘Đó là thiên tài của những con người vĩ đại,’ nàng tiếp, và giọng nói nhỏ nhẹ ấy dường như có sự cộng hưởng của mọi âm thanh khác - đầy huyền bí, cô độc và bi thương - mà tôi từng nghe: tiếng sóng lăn tăn trên sông, tiếng cây lao xao trong gió, tiếng rì rầm của đám đông, tiếng ngân mơ hồ của những từ ngữ khó hiểu từ xa vọng lại, tiếng thì thầm của một giọng nói thốt lên từ bên kia ngưỡng cửa của bóng tối vĩnh hằng. ‘Nhưng ông đã nghe anh ấy rồi! Ông biết!’ Nàng nức nở.

“ ‘Phải, tôi biết,’ tôi đáp với một cảm giác như tuyệt vọng trong tim, nhưng cúi đầu trước niềm tin bên trong nàng, trước cái ảo tưởng lớn lao và cứu rỗi đang tỏa hào quang siêu phàm trong bóng tối, bóng tối tất thắng mà trước nó tôi không thể bảo vệ nàng - thậm chí không thể bảo vệ chính tôi.

“Mắt mắt này thật lớn lao với em - với chúng ta!’ Nàng chữa lại bằng vẻ hào hiệp trang nhã, rồi khe khẽ thêm, ‘với thế giới.’ Nhờ những tia hoàng hôn sau chót, tôi thấy ánh lung linh của đôi mắt nàng, đắm lệ - những giọt lệ sẽ không rơi.

“ ‘Em đã rất hạnh phúc - rất may mắn - rất tự hào,’ nàng tiếp. ‘Quá may mắn. Quá hạnh phúc trong một thời gian ngắn. Và giờ em

sẽ bắt hạnh đến - trọn đời,’

“Nàng đứng dậy; mái tóc vàng như thể hấp thụ toàn bộ ánh sáng còn lại trong một vầng hoàng kim le lói. Tôi cũng đứng lên.

“ ‘Và tất cả những điều này,’ nàng ai oán tiếp, ‘tất cả những hứa hẹn, tất cả những gì thuộc về tâm hồn vĩ đại ấy, trí tuệ hào hiệp ấy, trái tim cao thượng ấy, sẽ chẳng còn gì - chẳng còn gì ngoài một hời ức. Ông và em...’

“Chúng ta sẽ mãi mãi nhớ đến anh ấy,’ tôi vội vã nói.

“ ‘Không’ nàng kêu lên. ‘Không thể nào tất cả những điều này lại mất đi - một cuộc đời như vậy lại phải hy sinh chẳng để lại gì - ngoài thương đau. Ông biết rõ những kế hoạch đồ sộ của anh ấy. Em cũng biết - có lẽ em không hiểu nổi - nhưng người khác cũng biết. Nhất định phải còn lại điều gì. ít nhất, những lời anh ấy nói, không chết.’

“ ‘Lời anh ấy sẽ còn mãi,’ tôi nói.

“ ‘Và tấm gương của anh ấy,’ nàng thì thầm với chính mình. ‘Họ trông vào anh ấy - sự hào hiệp của anh ấy ngời sáng trong từng hành động. Tấm gương ấy...’

“ ‘Phải,’ tôi nói, ‘tấm gương của anh ấy. Đúng, tấm gương của anh ấy. Tôi quên mất điều đó,’

“ ‘Riêng em thì không. Em không thể - em không thể tin - chưa thể. Em không thể tin rằng mình sẽ không gặp được anh ấy nữa,

rằng chẳng ai gặp được anh ấy nữa, không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ,’

“Nàng vươn hai cánh tay ra như thể đuổi theo một nhân ảnh đang rút lui, đuổi dài chúng, tối đen và với đôi bàn tay nhợt nhạt siết chặt, trên nền sáng hẹp đang nhòa dần của ô cửa sổ. Chẳng bao giờ gặp y nữa! Tôi vẫn thấy y rõ mồn một. Chừng nào còn sống, tôi sẽ còn thấy bóng ma hùng biện ấy, và tôi cũng sẽ thấy cả nàng, một u hồn bi kịch và quen thuộc, với động tác ấy mừng rỡ tượng một u hồn khác, cũng bi kịch như thế và phục sức những bùa chú vô hiệu, giang đôi cánh tay nâu trần trên nền lấp lánh của dòng chảy hỏa ngục, dòng chảy của bóng tối. Đột nhiên nàng thốt lên rất khẽ, ‘Anh ấy đã chết như đã sống,’

“ ‘Cái chết của anh ấy,’ tôi nói, một cơn bi phẫn sục sôi trong dạ, ‘xứng đáng với đời anh về mọi mặt,’

“ ‘Và em không ở bên anh ấy,’ nàng thì thầm. Cơn giận của tôi lắng xuống, nhường chỗ cho một niềm thương cảm vô hạn.

“ ‘Tất cả những gì có thể...,’ tôi lúng búng.

“ ‘Ôi, nhưng em tin tưởng anh ấy hơn bất cứ ai trên đời - hơn mẹ anh ấy, hơn cả... chính anh ấy. Anh ấy cần em! Em! Em sẽ trân trọng từng tiếng thở dài, từng lời, từng cử chỉ, từng ánh mắt,’

“Tôi cảm thấy băng giá siết nghẹt lồng ngực mình. ‘Đừng,’ tôi nghèn nghẹn nói.

“ ‘Thứ lỗi cho em. Em... em... đã khóc thương quá lâu trong câm lặng... trong câm lặng... Ông đã ở bên anh ấy... đến phút cuối cùng?’

Em nghĩ đến nỗi cô đơn của anh ấy. Chẳng ai ở cạnh để hiểu anh ấy như em. Và có lẽ chẳng có ai để lắng nghe,’

“ ‘Đến phút cuối cùng,’ tôi run run đáp. ‘Tôi đã nghe lời trấn trối của anh ấy..,’ tôi ngừng lại trong kinh sợ.

“ ‘Nhắc lại cho em,’ nàng thì thầm, với ngữ điệu của trái tim tan nát. ‘Em cần... em cần... có gì... có gì đó... để... để sống tiếp,’

“Tôi chỉ chực hét lên với nàng, ‘Cô không nghe thấy ư?’ Chạng vạng đang nhắc lại chúng trong một tiếng thầm thì dai dẳng vây quanh chúng tôi, một tiếng thầm thì dường như căng phồng đầy đe dọa, như tiếng xào xạc đầu tiên của cơn gió sắp nổi lên. ‘Nỗi kinh hoàng! Nỗi kinh hoàng!’

“ ‘Lời cuối của anh ấy... để sống tiếp,’ nàng van vãn. ‘Em yêu anh ấy, ông hiểu không. Em yêu anh ấy... Em yêu anh ấy!’

“Tôi trấn tĩnh lại và chậm chậm nói:

“ ‘Lời cuối cùng anh ấy thốt ra là... tên cô,’ “Tôi nghe một tiếng thở dài khe khẽ, và rồi tim tôi ngừng đập, chết lặng trước một tiếng khóc hoan hỉ lẫn thê lương, tiếng khóc của một sự đắc thắng không thể hình dung và của một nỗi đau khôn bề diễn tả. ‘Em biết mà... Em chắc mà!’... Nàng biết. Nàng chắc. Tôi nghe nàng nức nở; nàng vùi mặt vào hai lòng bàn tay. Tôi cảm thấy ngôi nhà như sẽ đổ sụp trước khi tôi kịp thoát ra, và trời cao sẽ sụp xuống đầu tôi. Nhưng chẳng có gì xảy ra. Trời đâu có sụp vì chuyện nhỏ nhoi như thế. Chẳng hiểu trời có sụp không, tôi tự hỏi, nếu như tôi ban cho Kurtz thứ công lý thích đáng với y. Y từng nói chỉ cần công lý đấy thôi?

Nhưng tôi không thể. Tôi không thể nói cho nàng. Như thế thì tắm tối quá - tắm tối đến vô chừng...”

Marlow ngừng lời, đoạn ngồi tách ra, lơ mơ và lặng lẽ, trong tư thế Phật tọa thiền. Một lúc lâu không ai cử động. “Ta lỡ con nước đầu tiên rồi,” tay Giám đốc bỗng cất tiếng. Tôi ngẩng đầu lên. Biển khơi bị một bờ mây đen che khuất, và thủy lộ thanh bình dẫn tới những nẻo tận cùng Trái đất vẫn âm trầm chảy dưới vòm trời hôn ám - như dẫn vào trái tim của một vùng tắm tối khôn cùng.

Chú thích

[1] Thị trấn bờ nam sông Thames, cách London 42 km về phía đông, là một cảng thương mại trọng yếu của Anh. Phần lớn chú thích trong bản dịch được dịch lại từ các chú thích và bình giải của A. Michael Martin, trong cuốn *Heart of Darkness and Selected Short Fiction* của Barnes & Noble Books, 2008.

[2] Ba người bạn không nêu tên của Marlow được Conrad lấy cảm hứng từ một nhóm bạn của ông, trên thực tế cũng lần lượt là Giám đốc công ty, Kế toán và Luật sư. Nhân vật tôi dường như không có nguyên mẫu ngoài đời thật. Họ đi dã ngoại ở sông Thames trên con thuyền của viên giám đốc, cũng được đặt tên là Nellie.

[3] Những nhân vật này từng xuất hiện trong một truyện ngắn khác của Conrad (Youth - Tuổi trẻ).

[4] Một hạt ở đông nam nước Anh, giáp Biển Bắc và bờ bắc của sông Thames.

[5] Giới thượng lưu ở Anh có thể chia thành hai nhóm - nhóm có tước hiệu (công hầu bá tử nam) và nhóm được coi là quý tộc nói chung nhưng không có tước hiệu.

[6] Golden Hind (Hươu vàng), do Francis Drake chỉ huy, là con tàu Anh đầu tiên đi vòng quanh trái đất từ 1577 đến 1580. Khi quay

về, Drake mang theo rất nhiều châu báu cướp được từ một tàu Tây Ban Nha, và được Nữ hoàng Elizabeth phong tước Hiệp sĩ ngay tại chỗ. Sau đó con tàu được lưu giữ để triển lãm.

[7] Hai con tàu do John Franklin (1786-1847) chỉ huy, đi tìm con đường thông giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, cả hai bị kẹt trong băng ở Bắc cực, dẫn đến cái chết của toàn bộ thủy thủ đoàn.

[8] Deptford, Greenwich và Erith: những bến cảng quan trọng trên sông Thames.

[9] Nguyên văn: dark interloper, những thương nhân hoạt động riêng lẻ, không có môn bài, cạnh tranh với Công ty Đông Ấn.

[10] Câu này lấy ý trong *Kinh Thánh - Thánh thi* 74:20 “Xin Chúa đoái đến sự giao ước, vì những nơi tối tăm của trái đất đều đầy rẫy sự hung bạo”.

[11] Trong tiếng Anh, thành ngữ “in a nutshell” có nghĩa là nói ngắn gọn lại, cốt lõi của vấn đề là... Ở đây Conrad lại sử dụng nó theo nghĩa đen, nhằm thể hiện lối tư duy đơn giản của giới thủy thủ.

[12] Năm 55 và 54 trước Công nguyên, Julius Caesar dẫn hai đạo quân La Mã đến Anh thám hiểm, nhưng phải tới năm 43 sau Công nguyên, La Mã mới thực sự khởi đầu cuộc chinh phục đất Anh.

[13] Chiến thuyền La Mã với ba lớp mái chèo, thường do nô lệ hoặc tù phạm đảm nhiệm.

[14] Một loại đàn nguyên lý tương tự đàn phong cầm (accordion), cấu trúc như ruột mèo. Ở đây chỉ sự ọp ẹp.

[15] Loại rượu nổi tiếng của vùng Campania (miền nam nước Ý), được ca tụng nhiều trong thi ca La Mã.

[16] Căn cứ chính của thủy quân La Mã ở miền bắc Ý.

[17] Thuyền buồm bắt buộc phải có đèn xanh ở mạn phải, đèn đỏ ở mạn trái; tàu hơi nước phải có thêm một ngọn đèn trắng trước buồm mũi.

[18] Tức sông Congo.

[19] Con phố nổi tiếng ở London, tập trung giới thương nhân và báo chí.

[20] Marlow ở Anh - một quốc đảo, còn công ty này của Bỉ - ở châu Âu lục địa.

[21] Dựa trên nhân vật có thật. Tên đầy đủ là Johannes Freiesleben, thuyền trưởng tàu Florida, bị giết ngày 29,'01,'1890 vì tranh cãi về mấy con gà như trong truyện.

[22] Trong Kinh Tân ước, Phúc âm Matthew (23:27), Jesus nói: “Khốn cho các người, hỡi những luật sĩ và biệt phái giả hình; vì các người giống như mồ mả tô vôi, bên ngoài có vẻ tốt đẹp, nhưng bên trong đầy xương kẻ chết và mọi thứ dơ nhớp.” Thành phố trong ngữ cảnh này là Brussels, thủ đô của Bỉ.

[23] Vào đầu thế kỷ XX, màu sắc được sử dụng để thể hiện chủ quyền trên bản đồ; đỏ là thuộc địa của Anh, lam là của Pháp, xanh là của Ý, cam là Bồ Đào Nha, tím là Đức và vàng là Bỉ. Điềm đến

của Marlow là Nhà nước Congo Tự do, thuộc địa của Bỉ vào thời điểm đó.

[24] Tiếng Pháp, nghĩa là Chúc thuận buồm xuôi gió.

[25] Ave! Morituri te salutant: “Xin chào! Những kẻ sắp chết xin chào quý vị.” Đây là câu chào ra mắt của các võ sĩ giác đấu thời La Mã trước khi bước vào trận chiến.

[26] Ông bác sĩ này nghiên cứu ngành đầu học, chuyên đo các chỉ số của đầu, cho rằng hình dáng và kích thước của đầu có sự khác biệt giữa các chủng tộc, đặc biệt là về năng lực trí tuệ.

[27] Loại áo khoác dài, thụng của người Do Thái.

[28] Nguyên văn: alienist, danh hiệu bác sĩ ở thời kỳ sơ khai của tâm thần học.

[29] Tiếng Pháp, nghĩa là Các ông (cách nói lịch thiệp).

[30] Tiếng Pháp, nghĩa là Bình tĩnh, bình tĩnh. Tạm biệt.

[31] Trích trong Phúc âm Luke (10:7), là lời Jesus răn dạy môn đồ nhiệt thành với công việc truyền giáo.

[32] Tức Boma, thành phố cảng ở cửa sông Congo, ngày nay thuộc cộng hòa Dân chủ Congo.

[33] Nguyên văn: reclaimed, nghĩa gốc là được dạy bảo, thuần hóa, là một từ do Conrad dùng để chỉ người bản xứ đã được thực dân huấn luyện, làm nhiệm vụ giám sát nô lệ.

[34] Alpaca: một loại lạc đà Nam Mỹ, thường được nuôi để lấy lông.

[35] Loại giường thấp, được thiết kế đẩy lọt vào gầm chiếc giường khác cao hơn để tiết kiệm diện tích.

[36] Nguyên văn: agent, người được công ty cử xuống phụ trách việc khai thác, thu mua ngà voi ở địa bàn.

[37] Một cảng trên eo biển Manche, thuộc hạt Kent.

[38] Lính đánh thuê tuyển mộ từ đảo Zanzibar, gần bờ biển Tanzania.

[39] Tức Leopoldville, nay là Kinshasa.

[40] Chỗ này tác giả chơi chữ, lấy ý trong kinh thánh “Người ta chẳng phát rơm cho, lại cứ biểu chúng tôi rằng: Hãy làm gạch đi!” (Xuất Ê-díp-tô-ký 5:16a.) Là tiếng kêu nghen ngào, ai oán của dân Israel khi họ phải làm tôi mọi tại xứ Egypt.

[41] Con quỷ trong văn học dân gian Đức. Faust đã bán linh hồn mình cho y.

[42] Điệu nhảy cổ truyền của Anh và Ireland, đôi chân giậm rất nhanh và dứt khoát tạo nên tiếng động liên hồi.

[43] Một sinh vật cổ đại dưới nước, hình dáng gần giống cá heo.

[44] Một vương quốc nổi tiếng giàu có trong huyền thoại, được giới thám hiểm thế kỷ XVI cho rằng nằm ở khu vực Nam Mỹ.

[45] Muối chì carbonate, một hóa chất được Marlow dùng để bịt lỗ rò ở ống dẫn hơi nước.

[46] Người chịu trách nhiệm duy trì ngọn lửa đốt nồi hơi của con tàu.

[47] Mài răng nhọn, cạo đầu thành hoa văn, rạch mặt để trang điểm đều là tập quán của thổ dân.

[48] Thác Stanley, nay là Kisangani; điểm xa nhất có thể đi tàu tới trên thượng nguồn sông Congo.

[49] Nguyên văn: Master (hay còn gọi là Sailing Master), chức vụ trong Hải quân Anh thế kỷ XIX, đứng thứ ba sau Thuyền trưởng (Captain), Thuyền phó (Lieutenant), phụ trách việc điều khiển con tàu.

[50] Kwanga, một loại bánh mỳ lên men làm từ bột củ mỳ (củ sắn).

[51] Đoạn này dường như ám chỉ Kurtz chủ trì nghi lễ hiến tế rồi sau đó ăn thịt người. Tuy nhiên câu chữ khá mơ hồ nên khó lòng có thể xác định chính xác.

[52] Vai hề cầm ăn mặc lòe loẹt trong thể loại hài kịch truyền thống của châu Âu.

[53] Một tỉnh miền tây nước Nga, nằm về phía đông nam Moscow.

[54] Một số nhà nghiên cứu phỏng đoán hình tượng Kurtz được dựa trên một vài sĩ quan da trắng tàn bạo trong lực lượng cảnh sát

do vua Bỉ Leopold II thành lập ở Congo, những kẻ cũng có thói quen sưu tập đầu lâu nạn nhân và dùng chúng làm vật trang trí.

Mục lục

I

II

III

Chú thích